

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN TĂNG HUY

**THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
(FDI) ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH
TỈNH KHÁNH HÒA**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: TS. NINH THỊ THU THỦY

Đà Nẵng - Năm 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN TĂNG HUY

THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
(FDI) ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH
TỈNH KHÁNH HÒA

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2011

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO NGÀNH DU LỊCH.....	7
1.1.1. Một số khái niệm.....	7
1.1.1.1 Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	7
1.1.1.2. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	7
1.1.1.3. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.....	8
1.1.2. Đặc điểm của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	8
1.1.2.1 Chênh lệch về năng suất cận biên của vốn giữa các nước	8
1.1.2.2 Chu kỳ sản phẩm.....	8
1.1.2.3 Lợi thế đặc biệt của các công ty đa quốc gia	9
1.1.2.4. Tiếp cận thị trường và giảm xung đột thương mại	9
1.1.2.5. Khai thác chuyên giao và công nghệ	10
1.1.2.6. Tiếp cận nguồn tài nguyên thiên nhiên	10
1.1.3. Ý nghĩa, vai trò của vốn FDI.....	10
1.1.3.1 Bổ sung cho nguồn vốn trong nước	10
1.1.3.2 Tiếp thu công nghệ và bí quyết quản lý	12
1.1.3.3 Tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu	12
1.1.3.4 Tăng số lượng việc làm và đào tạo nhân công.....	13
1.1.3.5. Làm tăng nguồn thu ngân sách	13
1.1.3.6 Vai trò của FDI.....	14
1.2 ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÀNH DU LỊCH ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI).....	16
1.2.1 Khái niệm về du lịch	16
1.2.2. Đặc điểm của ngành du lịch.....	17
1.2.3. Sự cần thiết phải thu hút vốn đầu tư FDI để phát triển du lịch.....	18

1.3	NỘI DUNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH.....	20
1.3.1.	Chính sách xúc tiến quảng bá	20
1.3.2.	Chính sách cải thiện môi trường đầu tư:	20
1.3.3.	Chính sách hỗ trợ đầu tư	22
1.3.3.1	Giai đoạn trước mắt.....	22
1.3.3.2	Giai đoạn từ 2010:.....	22
1.4.	NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH	23
1.4.1	Điều kiện tự nhiên.....	23
1.4.1.1	Vị trí địa lý	23
1.4.2.	Điều kiện kinh tế	24
1.4.3.	Điều kiện chính trị - xã hội:	26
1.4.4.	Sự phát triển của cơ sở hạ tầng	27
1.4.4.1	Cơ sở hạ tầng.....	27
1.4.4.2	Sự phát triển của cơ sở hạ tầng	28
1.4.5.	Sự phát triển của ngành Du lịch.....	29
1.5.	KINH NGHIỆM THU HÚT VỐN FDI CỦA CÁC NƯỚC TẠI CHÂU Á .	32
1.5.1.	Cải thiện môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư	33
1.5.2.	Đơn giản hóa thủ tục, quy trình đầu tư	33
1.5.3.	Công khai các kế hoạch phát triển kinh tế	33
1.5.4.	Hệ thống pháp luật đồng bộ, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.....	33
1.5.5.	Giảm thuế, ưu đãi tài chính tiền tệ	34
1.5.5.1	Cắt giảm thuế	34
1.5.5.2	Cho phép nhà đầu tư hoạt động trên thị trường tài chính	34
1.5.5.3	Các chính sách ưu đãi về dịch vụ.....	35
1.5.6.	Xây dựng cơ sở hạ tầng.....	35
1.5.6.1	Thái Lan chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng:	35
1.5.6.2	Trung Quốc	35

1.5.7. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao	35
*. Coi trọng đầu tư cho giáo dục	36
1.5.8. Chính sách thu hút nhân tài	36
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	38
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA	39
2.1. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA	39
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	39
2.1.1.1 Vị trí địa lý	39
2.1.1.2 Địa hình	40
2.1.1.3 Khí hậu	40
2.1.1.4 Thủy văn	40
2.1.1.5 Tài nguyên du lịch tự nhiên	40
2.1.1.6 Tài nguyên du lịch nhân văn	41
2.1.2. Điều kiện kinh tế	42
2.1.3. Điều kiện xã hội	43
2.1.4. Hệ thống cơ sở hạ tầng	44
2.1.4.1 Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông	45
2.1.4.2. Hệ thống thông tin liên lạc	46
2.1.4.3. Hệ thống các dịch vụ tài chính - ngân hàng	46
2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA.....	47
2.2.1. Điều kiện trang bị cơ sở vật chất	47
2.2.2. Xây dựng và khai thác các tuyến, điểm du lịch	49
2.2.3. Hoạt động kinh doanh lữ hành và hướng dẫn du lịch	49
2.2.4. Về hoạt động đón khách du lịch tàu biển	50
2.2.5. Khách du lịch và doanh thu du lịch	50
2.3. CHÍNH SÁCH THU HÚT VỐN FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH CỦA TỈNH KHÁNH HÒA.....	52

2.3.1. Chính sách xúc tiến quảng bá đầu tư du lịch	52
2.3.2. Chính sách cải thiện môi trường đầu tư	54
2.3.3. Chính sách hỗ trợ đầu tư	56
2.3.2.1 Chính sách ưu đãi về thuế:	56
2.3.2.2 Chính sách ưu đãi về sử dụng đất:	57
2.3.2.3 Các chính sách ưu đãi khác:	58
2.3.4. Kết quả thu hút vốn FDI vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa	59
2.3.4.1. Kết quả thu hút FDI trong ngành du lịch	70
2.3.4.2 Tác động của vốn FDI với phát triển ngành du lịch và kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa.....	72
2.4 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA.....	78
2.4.1 Những thành công	78
2.4.2. Những tồn tại trong thu hút vốn FDI và nguyên nhân.....	80
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	83
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA	84
3.1. Những căn cứ cho việc xây dựng các giải pháp.....	84
3.1.1 Quan điểm và mục tiêu phát triển du lịch đến năm 2015	84
3.1.1.1. Quan điểm	84
3.1.1.2. Mục tiêu	85
3.1.2. Dự báo GDP, nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển du lịch tỉnh Khánh Hoà đến năm 2015	87
3.1.2.1. Dự báo GDP của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015	87
3.1.2.2. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư vào du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015	88
3.1.3. Mục tiêu thu hút vốn FDI vào ngành du lịch đến năm 2015	89

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ FDI ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH KHÁNH HOÀ ĐẾN NĂM 2015	90
3.2.1. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch	90
3.2.1.1. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch	90
3.2.1.2. Hợp tác, liên kết vùng	91
3.2.1.3. Tìm kiếm và mở rộng thị trường.....	92
3.2.1.4. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch.....	93
3.2.1.5. Khai thác mạnh lợi thế về tài nguyên du lịch của địa phương.....	94
3.2.2. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư lành mạnh	95
3.2.3. Tăng cường công tác hỗ trợ các nhà đầu tư FDI.....	97
3.2.3.1 Hỗ trợ nhà đầu tư	97
3.2.3.2 Hoàn chỉnh về các chính sách ưu đãi đầu tư: Thuế, đất đai.....	97
3.2.4. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch.....	99
3.2.5. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch	100
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	102
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	105
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN THẠC SĨ (BẢN SAO).	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế Việt Nam đang chuyển đổi từ nông nghiệp sang nền kinh tế dịch vụ. Hơn một phần ba tổng sản phẩm trong nước được tạo ra bởi các dịch vụ bao gồm: Du lịch, phục vụ công nghiệp và giao thông vận tải. Mục tiêu của chiến lược phát triển du lịch trong tương lai là du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tính chuyên nghiệp, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại, sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, thân thiện với môi trường... đưa Việt Nam trở thành điểm đến đẳng cấp trong khu vực. Đây sẽ là một trong những tiền đề góp phần để kinh tế nước ta phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Muốn vậy, việc thực hiện và gắn kết lại giữa các dịch vụ với nhau sẽ là một trong những yếu tố bổ sung và hỗ trợ nhau để ngành du lịch phát triển được hiệu quả. Trong đó, du lịch biển, đảo là ngành có nhiều lợi thế lớn cho 28 trong số 64 tỉnh, thành phố nước ta là các tỉnh, thành phố nằm ven biển.

Ngành “công nghiệp không khói” này đem lại hiệu quả vô cùng to lớn cho xã hội ở nhiều nước trên thế giới và khu vực. Hàng năm du lịch đóng góp 5% GDP của quốc gia. Đến nay có khoảng 1 triệu lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch. Năm 2009, thu hút đầu tư nước ngoài vào du lịch cũng đạt 8,8 tỷ Đôla Mỹ (USD)/22,48 tỷ USD, chiếm 41% tổng số vốn đăng ký vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Từ thực tế trên, đề tài đã tiến hành nghiên cứu thực trạng FDI ở Việt Nam, tìm ra nguyên nhân vấn đề, tổng hợp kinh nghiệm thu hút FDI của các nước đi trước và từ đó đề xuất những biện pháp nhằm thu hút FDI một cách có hiệu quả.

Khánh Hòa nằm gần đường hàng hải quốc tế, có hệ thống cảng biển gắn với đầu nút giao thông quan trọng cả về đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, là một trong những cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên..., cùng nhiều lợi thế về tài nguyên, nhất là tài nguyên biển: vịnh sâu, bờ biển có nhiều bãi tắm đẹp, cảnh quan thiên nhiên kỳ thú và nhiều di tích lịch

sử, văn hóa phong phú... Đây là những điều kiện thuận lợi cho tỉnh phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển ngành du lịch.

Tuy là tỉnh có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch, song so với ngành du lịch ở các thành phố lớn thì ngành du lịch của tỉnh Khánh Hòa vẫn còn nhiều hạn chế do chưa được đầu tư phù hợp với tiềm năng và lợi thế vốn có. Khánh Hòa có ít dự án được đầu tư trực tiếp từ nước ngoài nhất là đầu tư về du lịch. Đa phần còn lại là đầu tư trong nước nên du lịch tỉnh Khánh Hòa chưa được khai thác triệt để và chưa được phát triển ngang tầm với vị trí thuận lợi và tiềm năng của nó. Trong khi đó, FDI là nguồn ngoại lực vô cùng quan trọng đối với nhiều nước, đặc biệt là các nước đang phát triển như nước ta.

Để phát huy thế mạnh du lịch biển và phát triển ngành du lịch bao gồm phát triển các sản phẩm du lịch và dịch vụ du lịch, phát triển hệ thống khai thác các dịch vụ du lịch đi kèm... sẽ cho phép khai thác tiềm năng du lịch, khai thác các nguồn khách tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng... phát triển mạnh hoạt động của các dịch vụ liên quan và có thể được xem là một khâu đột phá cho sự phát triển kinh tế du lịch của khu vực này. Chính vì thế mà tôi chọn đề tài: *“Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa”* cho luận văn tốt nghiệp cao học ngành Kinh tế Phát triển.

2. Tổng quan nghiên cứu

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa nói riêng và kinh tế của tỉnh nói chung đã được chú ý nghiên cứu không chỉ ở các nước trong khu vực, các nước trên thế giới mà còn ở Việt Nam. Dưới đây là một số nghiên cứu của một số tác giả:

Nước ngoài

Phát triển kinh tế trên cơ sở luận điểm của Torado (1992), muốn tăng trưởng kinh tế, có thể được suy ra từ nhiều nhân tố, nhưng quan trọng nhất, đầu tư để tăng chất lượng từ nguồn tài nguyên, chất lượng của cải, vật chất cũng như con người đang tồn tại, làm tăng chất lượng, số lượng của các nguồn sản xuất đó và làm tăng năng suất từ các nguồn cụ thể thông qua việc phát minh, đổi mới và tiến bộ công

nghệ kỹ thuật, đã và sẽ tiếp tục là nhân tố hàng đầu trong việc kích thích tăng trưởng kinh tế.

Theo quan điểm của P.A. Samuelson, đa số các nước đang phát triển đều thiếu vốn, mức thu nhập thấp chỉ đủ sống ở mức độ thiếu, do đó khả năng tích lũy vốn hạn chế và phải có đầu tư của nước ngoài vào các nước đang phát triển.

Roy Hadod – Evsey Domar (1940) muốn phát triển kinh tế (nói chung) đòi hỏi phải đầu tư vốn cho sản xuất nhưng cũng cần phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn [41, 117]. Hạn chế của Roy Hadod – Evsey Domar là không chỉ ra hạn chế của việc đầu tư mà chỉ tạo sự tăng trưởng trong ngắn hạn. Do vậy Robert Solow (1956) đã phát triển kết quả của Roy Hadod – Evsey Domar và lập luận rằng: “Việc tăng khối lượng vốn sản xuất qua đầu tư chỉ ảnh hưởng tới tăng trưởng cho lĩnh vực đầu tư trong ngắn hạn nhưng không ảnh hưởng trong dài hạn”.

Gillis (1992) kết luận rằng tốc độ tăng trưởng trong thu nhập chỉ có thể được duy trì trong một thời gian dài chỉ khi xã hội có khả năng duy trì mức đầu tư ở một tỷ lệ đáng kể nào đó so với tổng sản phẩm quốc dân. [38, 107]

Theo quan điểm của Ragnar Nurkse, mở cửa cho FDI có ý nghĩa đối với các nước đang phát triển có thể vươn đến những thị trường mới, cũng như khuyến khích việc mở rộng kỹ thuật hiện đại và những phương pháp quản lý có hiệu quả. FDI giúp các nước đang phát triển tránh được những đòi hỏi về lãi suất chặt chẽ, về điều kiện thanh toán nợ và những điều hay tác động đến vay nợ quốc tế. Ragnar Nurkse cho rằng, FDI đem lại lợi ích chung cho cả hai bên, dù chẳng bao giờ cân bằng tuyệt đối nhưng không thể làm khác được vì nó là đòi hỏi tự nhiên, tất yếu của quá trình vận động thị trường. Đầu tư trực tiếp là kết quả hoàn toàn tự nhiên bởi hoạt động tự do của các động cơ kiếm lợi nhuận.[40, 107]

Và có thể nói rằng, lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu của Moise Syrquin là một bức tranh tổng thể về sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên thế giới thời kỳ hiện đại. Thực tiễn phát triển kinh tế thế giới thời gian qua đã cho thấy tầm quan trọng của khu vực dịch vụ tại bất cứ quốc gia nào trên thế giới cũng tùy thuộc phần lớn vào giai đoạn phát triển đương thời. [39, 107]

Trong nước

Có nhiều nghiên cứu khác nhau trên nhiều khía cạnh từ thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và đây còn là một vấn đề rất rộng. Tuy nhiên, trong phạm vi này, luận văn chỉ tập trung nghiên cứu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa. Dưới đây là phần trình bày một số nghiên cứu.

- “Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các nước ASEAN và vận dụng vào Việt Nam”, Nguyễn Huy Thám, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1999.

- “Thực trạng và giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”, Phan Minh Thành, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2000.

- “Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài - vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam”, Đề tài KH-CN cấp nhà nước KX01.05, GS.TS Nguyễn Bích Đạt, Hà Nội, 2004.

- “Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Bình Dương - Thực trạng và giải pháp”, Bùi Thị Dung, Luận văn thạc sĩ Kinh doanh và quản lý, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2005.

- “Gọi vốn nước ngoài cho 7 dự án du lịch biển”. Trong đó, miền Trung có 4 dự án Celadon tại Hòn Ngang (Vạn Ninh, Khánh Hòa) – Thời báo Kinh Tế Sài Gòn -2009.

Xu hướng Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI: Foreign Direct Investment) của các công ty đa quốc gia (TNCs: Trans National Companies) hiện nay - Trung tâm Thông tin Kinh tế – Viện Nghiên cứu Phát triển Tp.Hồ Chí Minh (2009): Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của một số nước khu vực Châu Á khi đã là thành viên của WTO và rút kinh nghiệm cho Việt Nam. Kinh nghiệm quý báu này nhằm giúp cho thành phố biển có thể phát triển thành công thành một trong những điểm đến lý tưởng cho du khách quốc tế và quốc nội.

Điểm đột phá trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 của TS. Hà Văn Siêu (2010) đã phân tích vị thế thực tại của ngành du lịch Việt Nam, những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, đồng thời đặt trong bối cảnh và xu thế chung của khu vực và thế giới để xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu và những định hướng đột phá cho giai đoạn tới.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Khái quát lý luận và thực tiễn về vấn đề thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), từ đó hình thành khung nội dung nghiên cứu cho đề tài.

- Đánh giá những tiềm năng phát triển Du lịch ở tỉnh Khánh Hòa và nhu cầu về vốn cho phát triển ngành du lịch.

- Nghiên cứu tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch, chỉ ra những mặt thành công và hạn chế trong hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để đáp ứng nhu cầu vốn và phát triển cho ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích thống kê, so sánh, đánh giá, tổng hợp, điều tra khảo sát, phương pháp chuyên gia...

5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề kinh tế và quản lý về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành du lịch.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Tỉnh Khánh Hòa

+ Về thời gian: từ năm 2003 đến năm 2009

6. Nguồn thông tin dữ liệu, công cụ phân tích chính

Số liệu thứ cấp: Chủ yếu sử dụng số liệu của Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa, số liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa, Sở văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Khánh Hòa

Điều tra thực tế bằng phỏng vấn

Ý kiến của chuyên gia.

Công cụ chính: Xử lý số liệu bằng excel, kết hợp với thống kê mô tả.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để phát triển ngành du lịch.

- Phân tích đánh giá thực trạng các chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa, chỉ ra những thành công, hạn chế, những nhân tố tác động đến thu hút vốn FDI vào ngành du lịch của tỉnh.

- Các giải pháp được kiến nghị dựa trên tính đặc thù của địa phương sẽ hứa hẹn nhiều hữu ích cho hoạch định chính sách phát triển ngành du lịch

8. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành du lịch

Chương 2. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa

Chương 3: Một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO NGÀNH DU LỊCH

1.1. VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.1.1 Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Theo tổ chức Thương mại Thế giới, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó. Phương diện quản lý là thứ để phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác. Trong phần lớn trường hợp, cả nhà đầu tư lẫn tài sản mà người đó quản lý ở nước ngoài là các cơ sở kinh doanh. Trong những trường hợp đó, nhà đầu tư thường hay được gọi là "công ty mẹ" và các tài sản được gọi là "công ty con" hay "chi nhánh công ty". [30, 107]

1.1.1.2. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trong kinh tế học cổ điển, David Ricardo phân biệt tư bản cố định với tư bản để quay vòng. Đối với một doanh nghiệp, chúng đều là tư bản hoặc vốn.

- Karl Marx bổ sung một sự phân biệt mà thường bị lẫn với khái niệm của Ricardo. Trong học thuyết kinh tế chính trị của Marx, tư bản lưu động là khoản đầu tư của nhà tư bản vào lực lượng sản xuất, là nguồn tạo ra giá trị thặng dư. Nó được coi là "lưu động" vì lượng giá trị mà nó tạo ra khác với lượng giá trị nó tiêu dụng, có nghĩa là tạo ra giá trị mới. Nói một cách khác, tư bản cố định là khoản đầu tư vào yếu tố sản xuất không phải con người như máy móc, nhà xưởng, những tư bản, mà theo Marx, chỉ tạo ra lượng giá trị để thay thế chính bản thân chúng. Nó được coi là cố định theo nghĩa giá trị đầu tư ban đầu và giá trị thu hồi ở dạng các hàng hóa do chúng tạo ra là không đổi.

- Đầu tư và tích tụ tư bản trong kinh tế học cổ điển là việc tạo ra tư bản mới. Để khởi động quá trình đầu tư, hàng hóa phải được tạo ra nhưng không để tiêu dùng ngay, thay vào đó, chúng trở thành công cụ sản xuất để tạo ra hàng hóa khác. Đầu tư liên quan chặt chẽ với tiết kiệm, nhưng không phải là một. Theo Keynes, tiết

kiệm là không sử dụng ngay thu nhập vào hàng hóa hoặc dịch vụ, trong khi đó đầu tư là việc tiêu dùng khoản tiết kiệm đó vào những hàng hóa vốn.

- Nhà kinh tế học Áo Eugen von Böhm-Bawerk cho rằng tích tụ tư bản được xác định bằng quá trình tái đầu tư tư bản. Bởi tư bản theo định nghĩa của ông là hàng hóa có thứ bậc cao, hoặc hàng hóa để tạo ra hàng hóa khác và thu hồi giá trị của chúng từ hàng hóa được tạo ra trong tương lai.

1.1.1.3. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thu hút vốn đầu tư là những hoạt động, những chính sách của chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư để nhằm quảng bá, xúc tiến, hỗ trợ, khuyến khích các nhà đầu tư bỏ vốn thực hiện mục đích đầu tư phát triển.

Thực chất thu hút vốn đầu tư là làm gia tăng sự chú ý, quan tâm của các nhà đầu tư để từ đó dịch chuyển dòng vốn đầu tư vào địa phương hoặc ngành. [4, 105]

1.1.2. Đặc điểm của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.2.1 Chênh lệch về năng suất cận biên của vốn giữa các nước

Helpman và Sibert, Richard S. Eckaus cho rằng có sự khác nhau về năng suất cận biên (số có thêm trong tổng số đầu ra mà một nhà sản xuất có được do dùng thêm một đơn vị của yếu tố sản xuất) của vốn giữa các nước. Một nước thừa vốn thường có năng suất cận biên thấp hơn. Còn một nước thiếu vốn thường có năng suất cận biên cao hơn. Tình trạng này sẽ dẫn đến sự di chuyển dòng vốn từ nơi dư thừa sang nơi khan hiếm nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Vì chi phí sản xuất của các nước thừa vốn thường cao hơn các nước thiếu vốn. Tuy nhiên như vậy không có nghĩa là tất cả những hoạt động nào có năng suất cận biên cao mới được các Doanh nghiệp đầu tư sản xuất mà cũng có những hoạt động quan trọng, là sống còn của Doanh nghiệp thì họ vẫn tự sản xuất cho dù hoạt động đó cho năng suất cận biên thấp.

1.1.2.2 Chu kỳ sản phẩm

Đối với hầu hết các doanh nghiệp tham gia kinh doanh quốc tế thì chu kỳ sống của các sản phẩm này bao gồm 3 giai đoạn chủ yếu là: Giai đoạn sản phẩm mới; giai đoạn sản phẩm chín muồi; giai đoạn sản phẩm chuẩn hóa. Akamatsu Kaname

(1962) cho rằng sản phẩm mới, ban đầu được phát minh và sản xuất ở nước đầu tư, sau đó mới được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Tại nước nhập khẩu, ưu điểm của sản phẩm mới làm nhu cầu trên thị trường bản địa tăng lên, nước nhập khẩu chuyển sang sản xuất để thay thế sản phẩm nhập khẩu này bằng cách chủ yếu dựa vào vốn, kỹ thuật của nước ngoài (giai đoạn sản phẩm chín muồi). Khi nhu cầu thị trường của sản phẩm mới trên thị trường trong nước bão hòa, nhu cầu xuất khẩu lại xuất hiện (giai đoạn sản phẩm chuẩn hóa). Hiện tượng này diễn ra theo chu kỳ và do đó dẫn đến sự hình thành FDI.

Raymond Vernon (1966) lại cho rằng khi sản xuất một sản phẩm đạt tới giai đoạn chuẩn hóa trong chu kỳ phát triển của mình cũng là lúc thị trường sản phẩm này có rất nhiều nhà cung cấp. Ở giai đoạn này, sản phẩm ít được cải tiến, nên cạnh tranh giữa các nhà cung cấp dẫn tới quyết định giảm giá và do đó dẫn tới quyết định cắt giảm chi phí sản xuất. Đây là lý do để các nhà cung cấp chuyển sản xuất sản phẩm sang những nước cho phép chi phí sản xuất thấp hơn.

1.1.2.3 Lợi thế đặc biệt của các công ty đa quốc gia

Stephen H. Hymes (1960, công bố năm 1976), John H. Dunning (1981), Rugman A. A. (1987) và một số người khác cho rằng các công ty đa quốc gia có những lợi thế đặc thù (chẳng hạn năng lực cơ bản) cho phép công ty vượt qua những trở ngại về chi phí ở nước ngoài nên họ sẵn sàng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Khi chọn địa điểm đầu tư, những công ty đa quốc gia sẽ chọn nơi nào có các điều kiện (lao động, đất đai, chính trị) cho phép họ phát huy các lợi thế đặc thù nói trên. Những công ty đa quốc gia thường có lợi thế lớn về vốn và công nghệ đầu tư ra các nước sẵn có nguồn nguyên liệu, giá nhân công rẻ và thường là thị trường tiêu thụ tiềm năng... ta dễ dàng nhận ra lợi ích của việc này.

1.1.2.4. Tiếp cận thị trường và giảm xung đột thương mại

Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài là một biện pháp để tránh xung đột thương mại song phương. Ví dụ, Nhật Bản hay bị Mỹ và các nước Tây Âu phàn nàn do Nhật Bản có thặng dư thương mại còn các nước kia bị thâm hụt thương mại trong quan hệ song phương. Đối phó, Nhật Bản đã tăng cường đầu tư trực tiếp vào các thị

trường đó. Họ sản xuất và bán ô tô, máy tính ngay tại Mỹ và châu Âu, để giảm xuất khẩu các sản phẩm này từ Nhật Bản sang. Họ còn đầu tư trực tiếp vào các nước thứ ba, và từ đó xuất khẩu sang thị trường Bắc Mỹ và châu Âu.

1.1.2.5. Khai thác chuyển giao và công nghệ

Không phải FDI chỉ đi theo hướng từ nước phát triển hơn sang nước kém phát triển hơn. Chiều ngược lại thậm chí còn mạnh mẽ hơn nữa. Nhật Bản là nước tích cực đầu tư trực tiếp vào Mỹ để khai thác đội ngũ chuyên gia ở Mỹ. Ví dụ, các công ty ô tô của Nhật Bản đã mở các bộ phận thiết kế xe ở Mỹ để sử dụng các chuyên gia người Mỹ. Các công ty máy tính của Nhật Bản cũng vậy. Không chỉ Nhật Bản đầu tư vào Mỹ, các nước công nghiệp phát triển khác cũng có chính sách tương tự. Trung Quốc gần đây đẩy mạnh đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, trong đó có đầu tư vào Mỹ. Việc công ty đa quốc gia quốc tịch Trung Quốc là Lenovo mua bộ phận sản xuất máy tính xách tay của công ty đa quốc gia mang quốc tịch Mỹ là IBM được xem là một chiến lược để Lenovo tiếp cận công nghệ sản xuất máy tính ưu việt của IBM. Hay việc TCL (Trung Quốc) trong sáp nhập với Thompson (Pháp) thành TCL-Thompson Electronics, việc National Offshore Oil Corporation (Trung Quốc) trong ngành khai thác dầu lửa mua lại Unocal (Mỹ) cũng với chiến lược như vậy.

1.1.2.6. Tiếp cận nguồn tài nguyên thiên nhiên

Để có nguồn nguyên liệu thô, nhiều công ty đa quốc gia tìm cách đầu tư vào những nước có nguồn tài nguyên phong phú. Lần sóng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài lớn đầu tiên của Nhật Bản vào thập niên 1950 là vì mục đích này. FDI của Trung Quốc hiện nay cũng có mục đích tương tự.

1.1.3. Ý nghĩa, vai trò của vốn FDI

1.1.3.1 Bổ sung cho nguồn vốn trong nước

Trong các lý luận về tăng trưởng kinh tế, nhân tố vốn luôn được đề cập. Khi một nền kinh tế muốn tăng trưởng nhanh hơn, nó cần nhiều vốn hơn nữa. Nếu vốn trong nước không đủ, nền kinh tế này sẽ muốn có cả vốn từ nước ngoài, trong đó có vốn FDI.

Đối với bất kỳ một quốc nào, dù là nước phát triển hay đang phát triển thì để phát triển đều cần có vốn để tiến hành các hoạt động đầu tư tạo ra tài sản mới cho nền kinh tế. Nguồn vốn để phát triển kinh tế có thể được huy động ở trong nước hoặc từ nước ngoài, tuy nhiên nguồn vốn trong nước thường có hạn, nhất là đối với những nước đang phát triển như Việt Nam (có tỷ lệ tích lũy thấp, nhu cầu đầu tư cao nên cần có một số vốn lớn để phát triển kinh tế). Vì vậy, nguồn vốn đầu tư nước ngoài ngày càng giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Hoạt động đầu tư nước ngoài là kênh huy động vốn lớn cho phát triển kinh tế, trên cả giác độ vĩ mô và vi mô. Trên giác độ vĩ mô, FDI tác động đến quá trình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phúc lợi xã hội cho con người, là ba khía cạnh để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia. Trên giác độ vi mô, FDI có tác động mạnh mẽ đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, vấn đề lưu chuyển lao động giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước... Đầu tư nước ngoài là nhân tố quan trọng và khẳng định rõ vai trò của mình trong việc đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Việt Nam. FDI có vai trò trực tiếp thúc đẩy sản xuất, bổ sung vốn trong nước, tiếp thu công nghệ và bí quyết quản lý, tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu, tăng số lượng việc làm và đào tạo nhân công, tăng nguồn thu cho ngân sách... [1, 105]

Thực tế trong những năm qua cũng như dự báo cho giai đoạn tới đã khẳng định tầm quan trọng của FDI với phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay. Đánh giá đúng vị trí, vai trò của đầu tư nước ngoài, Đại hội lần thứ IX của Đảng ta đã coi kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một thành phần kinh tế, là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, được khuyến khích phát triển, hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội, gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm và đề ra nhiệm vụ cải thiện nhanh môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư nước ngoài (chủ yếu là FDI) đối với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. [2, 105]

1.1.3.2 Tiếp thu công nghệ và bí quyết quản lý

Tiếp thu công nghệ là việc ứng dụng và phát triển các dụng cụ, máy móc, nguyên liệu và quy trình để giúp đỡ giải quyết những vấn đề của con người. Với tư cách là hoạt động con người, công nghệ diễn ra trước khi có khoa học và kỹ nghệ. Nó thể hiện kiến thức của con người trong giải quyết các vấn đề thực tế để tạo ra các dụng cụ, máy móc, nguyên liệu hoặc quy trình tiêu chuẩn. Việc tiêu chuẩn hóa như vậy là đặc thù chủ yếu của công nghệ. Khái niệm về Kỹ thuật được hiểu là bao gồm toàn bộ những phương tiện lao động và những phương pháp tạo ra cơ sở vật chất. [1, 105]

Trong một số trường hợp, vốn cho tăng trưởng dù thiếu vẫn có thể huy động được phần nào bằng "chính sách thắt lưng buộc bụng". Tuy nhiên, công nghệ và bí quyết quản lý thì không thể có được bằng chính sách đó. Thu hút FDI từ các công ty đa quốc gia sẽ giúp một nước có cơ hội tiếp thu công nghệ và bí quyết quản lý kinh doanh mà các công ty này đã tích lũy và phát triển qua nhiều năm và bằng những khoản chi phí lớn. Tuy nhiên, việc phổ biến các công nghệ và bí quyết quản lý đó ra cả nước thu hút đầu tư còn phụ thuộc rất nhiều vào năng lực tiếp thu của đất nước. [1, 105]

1.1.3.3 Tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu

Khi thu hút FDI từ các công ty đa quốc gia, không chỉ doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty đa quốc gia, mà ngay cả các doanh nghiệp khác trong nước có quan hệ làm ăn với doanh nghiệp đó cũng sẽ tham gia quá trình phân công lao động khu vực. Chính vì vậy, nước thu hút đầu tư sẽ có cơ hội tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu thuận lợi cho đẩy mạnh xuất khẩu.

Những tác động của FDI trước yêu cầu phát triển bền vững và tái cấu trúc nền kinh tế trong giai đoạn phát triển mới, mà nổi bật là:

- Bổ sung nguồn vốn đầu tư xã hội, nhưng còn nhiều hạn chế về chất lượng tăng trưởng
- Mở rộng xuất khẩu, nhưng cũng làm tăng dòng nhập siêu

- Tạo thêm công ăn việc làm, nhưng cũng làm mất đi nhiều việc làm truyền thống và chưa coi trọng đào tạo người lao động
- Không ít doanh nghiệp FDI gây ô nhiễm môi trường tự nhiên và khai thác lãng phí tài nguyên thiên nhiên
- Tăng đóng góp tài chính quốc gia
- Tăng áp lực cạnh tranh [2, 105]

1.1.3.4 Tăng số lượng việc làm và đào tạo nhân công

Vì một trong những mục đích của FDI là khai thác các điều kiện để đạt được chi phí sản xuất thấp, nên xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ thuê mướn nhiều lao động địa phương. Thu nhập của một bộ phận dân cư địa phương được cải thiện sẽ đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của địa phương. Trong quá trình thuê mướn đó, đào tạo các kỹ năng nghề nghiệp, mà trong nhiều trường hợp là mới mẻ và tiến bộ ở các nước đang phát triển thu hút FDI, sẽ được xí nghiệp cung cấp. Điều này tạo ra một đội ngũ lao động có kỹ năng cho nước thu hút FDI. Không chỉ có lao động thông thường, mà cả các nhà chuyên môn địa phương cũng có cơ hội làm việc và được bồi dưỡng nghiệp vụ ở các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. [5, 105]

1.1.3.5 Làm tăng nguồn thu ngân sách

Đối với nhiều nước đang phát triển, hoặc đối với nhiều địa phương, thuế do các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nộp là nguồn thu ngân sách quan trọng. Trong suốt một thập kỷ qua, khu vực có vốn FDI chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong GDP. Năm 2004, khu vực FDI đóng góp 15,2 % vào GDP so với tỷ lệ đóng 6,4% của khu vực này năm 1994. Bên cạnh đó, khu vực có vốn FDI luôn dẫn đầu về tốc độ tăng giá trị gia tăng so với các khu vực kinh tế khác và là khu vực phát triển năng động nhất. Tốc độ tăng giá trị gia tăng của khu vực này luôn cao hơn mức trung bình của Việt Nam.

Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới với xuất phát điểm rất thấp. Do vậy, xét về nhu cầu vốn, FDI được coi là một nguồn vốn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư trong nước, nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư cho phát triển. Đóng góp của FDI trong đầu tư xã hội biến động lớn, một phần phản ánh diễn biến thất thường của nguồn vốn

này như đã phân tích ở trên, một phần thể hiện những thay đổi về đầu tư của các thành phần kinh tế trong nước. Cùng với sự phát triển, khu vực có vốn FDI đóng góp ngày càng tăng vào nguồn thu ngân sách của Nhà nước. Theo tính toán của Tổng cục Thuế, khu vực FDI đóng góp khoảng 480 triệu USD vào ngân sách Nhà nước, tăng 4,2 lần so với năm 1994. Tính riêng giai đoạn 2003-2009, khu vực này đóng góp (trực tiếp) vào ngân sách trung bình ở mức khoảng 6%¹⁶. Tỷ trọng đóng góp nhỏ là do các doanh nghiệp FDI được hưởng chính sách khuyến khích của Chính phủ thông qua giảm thuế thu nhập trong những năm đầu hoạt động. Tuy nhiên, nếu tính cả thu từ dầu thô thì tỷ trọng này ước khoảng 20%. Bên cạnh đó, FDI đã góp phần quan trọng vào việc tăng thặng dư của tài khoản vốn, góp phần cải thiện cán cân thanh toán và động thái của cán cân vốn trong thời gian qua. [9, 105]

1.1.3.6 Vai trò của FDI

Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với nước tiếp nhận đầu tư:

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Trước hết, FDI là nguồn vốn bổ sung quan trọng vào tổng đầu tư xã hội và góp phần cải thiện cán cân thanh toán trong giai đoạn vừa qua. Các nghiên cứu gần đây của Freeman (2000), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2003), Nguyễn Mại (2004) đều rút ra nhận định chung rằng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã đóng góp quan trọng vào GDP với tỷ trọng ngày càng tăng. Khu vực này góp phần tăng cường năng lực sản xuất và đổi mới công nghệ của nhiều ngành kinh tế, khai thông thị trường sản phẩm (đặc biệt là trong gia tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá), đóng góp cho ngân sách nhà nước và tạo việc làm cho một bộ phận lao động. Bên cạnh đó, FDI có vai trò trong chuyển giao công nghệ và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tạo sức ép buộc các doanh nghiệp trong nước phải tự đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất. Các dự án FDI cũng có tác động tích cực tới việc nâng cao năng lực quản lý và trình độ của người lao động làm việc trong các dự án FDI, tạo ra kênh truyền tác động tràn tích cực hữu hiệu.

Về mặt kinh tế:

FDI thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bổ sung nguồn vốn cho phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư là yếu tố vô cùng quan trọng tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Vốn đầu tư cho phát triển kinh tế được huy động từ hai nguồn chủ yếu là vốn trong nước và vốn ngoài nước. Vốn trong nước được hình thành thông qua tiết kiệm và đầu tư. Vốn nước ngoài được hình thành thông qua vay thương mại, đầu tư gián tiếp và hoạt động FDI. Với các nước nghèo và đang phát triển, vốn là một yếu tố đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế. Những quốc gia này luôn lâm vào tình trạng thiếu vốn đầu tư, hoạt động sản xuất và đầu tư ở những nước này như là một “vòng đói nghèo luẩn quẩn” (theo Paul A. Samuelson). Để phá vỡ vòng luẩn quẩn ấy, các nước nghèo và đang phát triển phải tạo ra “một cú huých lớn”, mà biện pháp hữu hiệu là tăng vốn cho đầu tư, huy động các nguồn lực để phát triển nền kinh tế để tạo ra tăng trưởng kinh tế dẫn đến thu nhập tăng.

So với những hình thức đầu tư nước ngoài khác, đầu tư trực tiếp nước ngoài có những ưu điểm cơ bản sau đây:

- FDI không để lại gánh nợ cho chính phủ nước tiếp nhận đầu tư về chính trị, kinh tế như hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc các hình thức đầu tư nước ngoài khác như vay thương mại, phát hành trái phiếu ra nước ngoài... Do vậy, FDI là hình thức thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài tương đối ít rủi ro cho nước tiếp nhận đầu tư.

- Nhà đầu tư không dễ dàng rút vốn ra khỏi nước sở tại như đầu tư gián tiếp. Kinh nghiệm rút ra từ cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực 1997 đã cho thấy, những nước chịu tác động nặng nề của khủng hoảng thường là những nước nhận nhiều vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài. Nên FDI mang tính ổn định hơn so với những khoản đầu tư khác.

- Tăng cường chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Phần lớn vốn FDI đầu tư cho lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, trong đó có những ngành chủ chốt như xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác chế biến dầu khí, hóa chất và sản xuất thiết bị và hàng tiêu dùng. FDI góp phần làm tăng tỉ trọng của những ngành này trong nền kinh tế đồng thời tạo điều kiện để hiện đại hóa nền sản

xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Khu vực có vốn FDI còn giúp hình thành các ngành công nghiệp và dịch vụ hiện đại như điện tử, tin học, viễn thông, lắp ráp ô tô và xe máy, giúp chuyển giao công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động mạnh đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước tiếp nhận theo nhiều phương diện: chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng lãnh thổ, cơ cấu theo nguồn vốn, cơ cấu vốn đầu tư... [10, 105]

1.2 ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÀNH DU LỊCH ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

1.2.1 Khái niệm về du lịch

Về định nghĩa du lịch, một số tổ chức quốc tế và các nhà nghiên cứu từ các góc độ khác nhau đã đưa ra nhiều định nghĩa về du lịch. Theo Tổ chức du lịch thế giới (World Tourism Organization - WTO) đã đưa ra định nghĩa “*Du lịch bao gồm những hoạt động của những người đi đến một nơi khác ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình trong thời hạn không quá một năm liên tục để vui chơi, vì công việc hay vì mục đích khác không liên quan đến những hoạt động kiếm tiền ở nơi mà họ đến*”. Còn theo Luật Du lịch Việt Nam (2005), du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định. [30, 107]

Các định nghĩa trên chưa thể thực hiện được tính hai mặt của khái niệm du lịch, đó là du lịch một mặt mang ý nghĩa thông thường là việc đi lại của con người với mục đích nghỉ ngơi, giải trí... mặt khác lại được nhìn nhận dưới góc độ là hoạt động gắn với những kết quả kinh tế do chính nó tạo ra.

Do đó, một số nhà nghiên cứu đã định nghĩa khái quát về du lịch như sau: “*Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ kinh tế – kỹ thuật – văn hóa – xã hội, phát sinh do sự tác động hỗ tương giữa du khách, đơn vị cung ứng dịch vụ, chính quyền và dân cư bản địa trong quá trình khai thác các tài nguyên du lịch, tổ chức kinh doanh phục vụ du khách*”. [5, 105]

Như vậy, du lịch được coi là sự kết hợp của ba chủ thể cơ bản là: Chủ thể của du lịch (du khách), khách thể du lịch (tài nguyên du lịch) và môi giới du lịch (ngành, dịch vụ du lịch).

1.2.2. Đặc điểm của ngành du lịch

Ngành du lịch là ngành cung cấp các dịch vụ về lữ hành, vận chuyển, lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, thông tin, hướng dẫn và các dịch vụ khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

Ngành kinh doanh du lịch có những đặc điểm chung của dịch vụ: Sản phẩm du lịch chủ yếu thỏa mãn nhu cầu thứ yếu cao cấp của du khách. Nhu cầu du lịch chỉ được đặt ra khi người ta có thời gian nhàn rỗi, có thu nhập cao. Người ta sẽ đi du lịch nhiều hơn nếu thu nhập tăng và ngược lại sẽ bỏ cắt giảm nếu thu nhập bị giảm xuống gồm các đặc điểm của dịch vụ đó là:

- Tính chất vô hình của dịch vụ: Sản phẩm du lịch về cơ bản là vô hình (không cụ thể). Thực ra nó là một kinh nghiệm du lịch hơn là một món hàng cụ thể. Mặc dù trong cấu thành sản phẩm du lịch có hàng hóa. Tuy nhiên sản phẩm du lịch là không cụ thể nên dễ dàng bị sao chép, bắt chước (những chương trình du lịch, cách trang trí phòng đón tiếp...). Việc làm khác biệt hóa sản phẩm mang tính cạnh tranh khó khăn hơn trong kinh doanh hàng hóa.

- Tính chất đúng thời điểm và không thể dự trữ, không thoả mãn hai điều kiện này dịch vụ trở nên không có giá trị.

- Phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Không gian, thời gian, trạng thái tâm lý, hoàn cảnh của các bên tham gia... nên chất lượng dịch vụ mang tính chất không đồng đều.

- Do tính chất không thể dự trữ và không đồng đều nên gặp khó khăn trong việc tiêu chuẩn hoá dịch vụ. Tuy nhiên vẫn có thể xác định được một mức độ phục vụ nhất định nào đó bởi vì sản phẩm du lịch chủ yếu là dịch vụ như dịch vụ vận chuyển, dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống....Do đó về cơ bản sản phẩm du lịch không thể tồn kho, dự trữ được và rất dễ hỏng. Ngoài ra sản phẩm du lịch còn có một đặc điểm khác:

- + Sản phẩm du lịch do nhiều nhà tham gia cung ứng
- + Việc tiêu dùng sản phẩm du lịch mang tính thời vụ
- + Sản phẩm du lịch nằm ở xa nơi cư trú của khách du lịch.

- Dịch vụ không thể tồn tại độc lập mà gắn liền với người tạo dịch vụ. Khác với hàng hoá, dịch vụ là sự gắn chặt song hành giữa dịch vụ với người tạo ra dịch vụ. [5, 105]

1.2.3. Sự cần thiết phải thu hút vốn đầu tư FDI để phát triển du lịch

Thu hút vốn đầu tư được các nhà kinh tế học quan tâm nghiên cứu, được các Chính phủ các nước đẩy mạnh thực hiện, và quá trình này đang diễn ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các quốc gia, khu vực, vùng miền. Cũng như đối với các ngành kinh tế khác, thu hút vốn đầu tư có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của ngành du lịch. Để đưa du khách đến với các địa điểm du lịch, trước hết cần phải đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, phương tiện vận chuyển... Muốn giữ chân du khách phải đầu tư xây dựng, tôn tạo các khu du lịch, xây dựng cơ sở lưu trú, hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, nước sạch cho các khu du lịch... Muốn gia tăng nguồn thu từ khách du lịch phải đầu tư vốn để tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú và hấp dẫn... Do đó, việc xác định quy mô và định hướng đầu tư vốn đúng đắn sẽ tạo điều kiện cho du lịch phát triển bền vững, khai thác tốt các tiềm năng và bảo vệ cảnh quan môi trường. Ở nhiều quốc gia trên thế giới kinh doanh du lịch đang là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn. Du lịch là “con gà đẻ trứng vàng” và kinh doanh du lịch đang trở thành một trong những ngành công nghiệp hàng đầu trong tương lai. Vì vậy, không ngừng tăng cường thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch là sự cần thiết khách quan, bởi một số lý do sau:

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần tăng trưởng kinh tế:

Mô hình Harrod – Domar đã chỉ ra rằng vốn đầu tư của nền kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp với tốc độ tăng trưởng: Mức tăng trưởng GDP = vốn đầu tư / ICOR. Muốn tăng trưởng hàng năm với tốc độ cao thì phải tăng mức đầu tư và giảm ICOR xuống hoặc hạn chế không tăng. Như vậy thu hút đầu tư sẽ làm cho lượng vốn đầu

tư tăng lên, và do đó sản lượng đầu ra cũng tăng lên sẽ góp phần thúc đẩy phát triển ngành du lịch nói riêng và tăng trưởng kinh tế nói chung.

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quá trình phát triển của các ngành kinh tế dẫn đến sự tăng trưởng khác nhau giữa các ngành và làm thay đổi tương quan giữa chúng so với một thời điểm trước đó. Đầu tư chính là phương tiện đảm bảo cho cơ cấu kinh tế được hình thành hợp lý. Ngành du lịch là một bộ phận cấu thành nên nền kinh tế do đó thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch sẽ làm ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cùng với những vai trò trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành, hoạt động thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch còn tác động mạnh mẽ đến chuyển dịch cơ cấu vùng, hình thành và phát huy vai trò của vùng trọng điểm, đồng thời tăng cường tiềm lực kinh tế cho các vùng khó khăn, thúc đẩy môi liên hệ, giao lưu kinh tế liên vùng, đảm bảo phát triển kinh tế bền vững. Định hướng và biện pháp thu hút vốn đầu tư hợp lý còn tác động đến cơ cấu thành phần kinh tế, và tác động đến mối quan hệ giữa đầu tư khu vực nhà nước và khu vực tư nhân. Đầu tư công cộng của Nhà nước phải có tác động lôi kéo, dẫn dắt mà không làm suy giảm, lấn át đầu tư tư nhân.

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần tăng cường khoa học kỹ thuật và nâng cao năng lực quản lý điều hành kinh doanh: Thu hút vốn đầu tư để phát triển ngành du lịch sẽ làm cho trình độ khoa học kỹ thuật của ngành du lịch được tăng lên thông qua các dự án đầu tư được triển khai, thay thế các thiết bị, công nghệ lạc hậu. Đối với các nước đang phát triển, mặc dù tích lũy vốn và công nghệ thấp nhưng cũng có những lợi thế của người đi sau tiếp thu, thích nghi và làm chủ công nghệ có sẵn, do đó rút ngắn thời gian và giảm những rủi ro trong áp dụng công nghệ mới. Đồng thời thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch sẽ góp phần nâng cao được trình độ quản lý, năng lực điều hành của một số nhà doanh nghiệp.

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần tạo công ăn việc làm cho địa phương và tăng nguồn thu cho NSNN: Thu hút vốn đầu tư còn góp phần tạo ra công ăn việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, làm cho nguồn nhân lực phát triển

cả về số lượng và chất lượng; đồng thời tạo điều kiện khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và góp phần tăng thu ngân sách nhà nước. [4, 105]

1.3 NỘI DUNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH

1.3.1. Chính sách xúc tiến quảng bá

Theo Dự thảo của tổng cục Du lịch về “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến Năm 2020, tầm nhìn đến 2030”, năm 2015 Việt Nam sẽ đón được từ 7 triệu đến 8 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 32 triệu – 35 triệu lượt khách nội địa, doanh thu đạt 18 – 19 tỷ đồng, đóng góp 6,5 – 7 % GDP của cả nước.

Để thực hiện được mục tiêu đã đề ra, cần có chính sách xúc tiến quảng bá, chiến dịch tuyên truyền quảng cáo và xúc tiến, xây dựng thương hiệu của điểm đến du lịch và thương hiệu của các doanh nghiệp du lịch; đo lường và hiệu chỉnh kế hoạch tuyên truyền, quảng cáo và xúc tiến định vị thương hiệu trong đó cần phải khẳng định: Việt Nam là thương hiệu của quốc gia. Thương hiệu của điểm du lịch cấp quốc gia và địa phương có vai trò định hướng cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường và mở rộng các hoạt động kinh doanh.; Đáp ứng cầu thị trường; Xác định đối thủ cạnh tranh, tổ chức lễ hội Du lịch - Văn hóa do Chính phủ/Bộ/ngành tổ chức ở nước ngoài, các nước trong khu vực và trên thế giới. Thực hiện xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam thông qua tổ chức các hội nghị, hội thảo, hội thi chuyên ngành và các sự kiện du lịch khác ở trong và ngoài nước nhằm quảng bá hình ảnh đất nước, con người và sản phẩm du lịch Việt Nam, quảng bá du lịch Việt Nam bằng nhiều thứ tiếng; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng xúc tiến du lịch cho cán bộ quản lý nhà nước về du lịch, cán bộ thuộc các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch. [30, 107]

1.3.2. Chính sách cải thiện môi trường đầu tư:

Cơ chế chính sách và môi trường kinh doanh thông thoáng, các nhóm giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô hiệu quả sẽ là những yếu tố tác động tích cực góp phần vào thành công chung cho môi trường đầu tư. Ở nước ta, nhờ thực hiện đường lối đổi mới về kinh tế, trong những năm gần đây, ngành du lịch Việt Nam đã khởi

sắc và ngày càng có tác động tích cực đến đời sống kinh tế xã hội của đất nước. [31, 107]

Mặc dù tình hình kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều biến động phức tạp, song hoạt động Đầu tư nước ngoài vẫn đạt được những kết quả khả quan trên các mặt như vốn giải ngân, xuất khẩu, nộp ngân sách, tạo việc làm, góp phần cải thiện cán cân thanh toán và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, những bất cập trong thu hút và quản lý Đầu tư nước ngoài thời gian qua chậm được khắc phục. Tình trạng cấp Giấy chứng nhận đầu tư không phù hợp quy hoạch còn diễn ra ở một số địa phương, chất lượng các dự án chưa cao, thiếu sự liên kết giữa Đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của nhà đầu tư về tiến độ góp vốn, huy động vốn, cũng như hoạt động xây dựng, môi trường, chuyển giao công nghệ, thực hiện nghĩa vụ đối với người lao động và nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước chưa tốt, thiếu sự phối hợp giữa Bộ, ngành, địa phương...

Trước tình hình đó, nhằm tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt và tập trung thực hiện công tác quản lý đầu tư nước ngoài giai đoạn 2011-2020.

Ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý dòng vốn Đầu tư nước ngoài, báo cáo Thủ tướng kết quả theo đúng tiến độ, đồng thời, chỉ đạo các cơ quan xem xét thận trọng quá trình thẩm định, cấp giấy chứng nhận đầu tư, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện của các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, đảm bảo các dự án thực hiện đúng tiến độ, đúng cam kết và pháp luật, cũng như chủ động phát hiện và xử lý các vấn đề có thể xảy ra khiếu nại, tranh chấp. (Trích: Chỉ thị 1617/CT-TTg của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, nguồn: Chinhphu.vn)

1.3.3. Chính sách hỗ trợ đầu tư

Thực hiện chính sách ưu đãi chung của Chính phủ; Các chính sách ưu đãi đầu tư; Chính sách ưu đãi về thuế...

Chính sách ưu đãi về sử dụng đất; Ưu đãi về tiền thuê đất; Ưu đãi về đền bù giải phóng mặt bằng; Hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng; Ưu đãi về giá tiền thuê đất; Miễn giảm tiền thuê đất; Đền bù giải phóng mặt bằng; Hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và các chính sách ưu đãi khác... của tỉnh Khánh Hòa. Tiếp tục thực hiện các chính sách hiện hành trên cơ sở điều chỉnh bổ sung phù hợp với từng giai đoạn. [30, 107]

1.3.3.1 Giai đoạn trước mắt

Đây là giai đoạn củng cố, duy trì và phục hồi sản xuất. Để giúp cho các doanh nghiệp trụ vững duy trì và phục hồi dần sản xuất kinh doanh và xuất khẩu Chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong lúc khó khăn (suy thoái kinh tế toàn cầu), cụ thể là:

- Cần có giải pháp kích cầu đầu tư và tiêu dùng để giải quyết việc làm, giảm tình trạng thất nghiệp và tiêu thụ sản phẩm tồn đọng của các doanh nghiệp.

- Không thu thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm nhạy cảm như gỗ...

- Dãn nợ đối với các khoản nợ đến hạn trả những hàng hoá của doanh nghiệp chưa bán được.

- Giảm hoặc cho chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Hạ lãi suất vốn vay và đảm bảo đủ nguồn vốn vay cho các doanh nghiệp.

- Kéo dài thời hạn trả nợ gốc vay để mua liệu lên 365 ngày (theo quy định cũ là 275 ngày)

- Hải quan nên ban hành nhiều mã hàng phù hợp với sản xuất và xuất khẩu hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp khi xuất khẩu sản phẩm.

1.3.3.2 Giai đoạn từ 2010:

- Về tài chính:

- + Về lâu về dài đề nghị Chính phủ không thu thuế xuất khẩu sản phẩm gỗ.

+ Về thuế thu nhập doanh nghiệp cần có sự tính toán phù hợp, trước mắt giảm hoặc dẫn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Về chính sách thuế tài nguyên đối với rừng tự nhiên trong nước cần xem xét có chính sách phù hợp để phát triển gỗ lớn, gỗ quý hiếm trong nước, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu gỗ lớn cho chế biến, xuất khẩu.

+ Về chính sách thuế Nhà nước phải nhất quán, ổn định nhất là thuế xuất nhập khẩu, nếu có thay đổi phải có lộ trình thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nếu không sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp.

+ Về vốn đầu tư tín dụng ưu đãi phải đảm bảo đủ nguồn vốn vay ngoại tệ với lãi suất thấp, với tỷ giá phù hợp từng giai đoạn để các doanh nghiệp gỗ có vốn lưu động mua gỗ nguyên liệu nhập khẩu và hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Đảm bảo vốn đầu tư xây dựng cơ bản với lãi suất ưu đãi để các doanh nghiệp chế biến gỗ đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, nâng cấp và trang bị các thiết bị công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm và tiết kiệm nguyên liệu.

+ Có chính sách ưu đãi và khuyến khích thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và xúc tiến đầu tư. [34, 107]

1.4. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH

1.4.1 Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, khí hậu, nguồn tài nguyên thiên nhiên... có thể làm tăng khả năng sinh lãi hoặc rủi ro cho các nhà đầu tư. Vì vậy, ảnh hưởng đến việc đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài ở nước nhận đầu tư. Trong đó, vị trí chiến lược (có cảng biển, có sân bay, có tài nguyên biển...) là những nhân tố quan trọng nhất tạo nên lợi thế cạnh tranh của một quốc gia trong thu hút FDI.

Vị trí địa lý của Việt Nam khá thuận lợi cho phát triển du lịch và các ngành dịch vụ du lịch. Theo đánh giá của các chuyên gia trong và ngoài nước, Việt Nam có nhiều điều kiện tự nhiên rất thuận lợi để phát triển kinh tế biển và trở thành trung tâm hậu cần cho các nước trong khu vực và thế giới và có vị trí thuận lợi để hội

nhập giao thông vận tải với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Dựa trên bản đồ khu vực, Việt Nam nằm ở trung tâm của khu vực Đông Nam Á, có bờ biển dài và điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển du lịch đường biển. [29, 107]

1.4.2. Điều kiện kinh tế

- Một quốc gia có nền kinh tế phát triển phải nói đến trình độ phát triển kinh tế của quốc gia đó là các mức độ phát triển về quản lý kinh tế vĩ mô, cơ sở hạ tầng, chất lượng cung cấp dịch vụ cho các hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài và mức độ cạnh tranh của thị trường nước chủ nhà. Có thể nói đây là các yếu tố có tác động mạnh hơn các chính sách ưu đãi về tài chính của nước chủ nhà đối với các nhà đầu tư.

- Tốc độ tăng GDP của khu vực có vốn FDI cao hơn 2,5 lần so với tốc độ tăng GDP của nền kinh tế. Khu vực FDI có tỷ lệ đóng góp trong GDP tăng dần qua các năm.

- Đảng khẳng định kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của kinh tế Việt Nam, được khuyến khích phát triển với chủ trương tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài.

- Nền kinh tế nước ta có tốc độ tăng trưởng nhanh so với các nước trong khu vực, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp, nền kinh tế tiếp tục hội nhập ngày càng sâu rộng về mọi mặt vào khu vực thế giới.

- Thị trường cho hàng hóa của Việt Nam được mở rộng và ổn định hơn. Do vậy, lợi ích từ thương mại quốc tế của chúng ta sẽ tăng.

- Nhà đầu tư muốn đầu tư vào một quốc gia, các yếu tố họ quan tâm sẽ là:

Các yếu tố kinh tế

Các yếu tố kinh tế là những yếu tố luôn luôn thay đổi và không thể kiểm soát được, phản ánh xu thế và tình hình chung trong phạm vi cả nước, cả khu vực hay toàn cầu. Các yếu tố này là nguyên nhân chính tạo ra cơ hội cũng như nguy cơ cho các hoạt động của FDI bao gồm các yếu tố:

❖ *Xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới:* Trong nền kinh tế theo xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, sự khác biệt về tính chất, trình độ nền kinh tế giữa các quốc gia, các khu vực đã tạo nên những tiền đề riêng cho quá trình dịch chuyển vốn đầu tư quốc tế. Toàn cầu hóa kinh tế góp phần thúc đẩy sự phát triển các luồng vốn FDI nhằm tối đa hóa lợi nhuận vốn đầu tư thông qua di chuyển sản xuất kinh doanh đến các địa điểm có lợi thế về chi phí và tiêu thụ.

❖ *Lãi suất:* Là một nhân tố tác động đến lợi nhuận của hoạt động đầu tư, chi phí và doanh thu được thực hiện ở những thời điểm khác nhau để so sánh doanh thu với chi phí trong điều kiện đồng tiền có giá trị biến đổi theo thời gian, các nhà đầu tư đã sử dụng lãi suất r làm tỷ suất để tính và chuyển các dòng tiền về thời điểm hiện tại. Khi đó, lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư được tính theo công thức:

$$NBV = \sum_{i=0}^n \frac{Bi - Ci}{(1 + r)^i}$$

Như vậy, lãi suất r càng tăng thì lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư càng giảm; điều này sẽ không khuyến khích được các nhà đầu tư bỏ vốn vào sản xuất kinh doanh. Do đó, mức lãi thấp là một trong những yếu tố khuyến khích nhà đầu tư, đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh hơn là gửi ngân hàng.

❖ *Tỷ giá hối đoái:* Yếu tố này tác động đến chi phí sản xuất, đó là một trong những nhân tố mà các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm. Nếu đồng tiền của nước nhận đầu tư tăng giá, chi phí sản xuất ở đây sẽ tăng; dẫn đến lợi nhuận giảm; tất nhiên các nhà đầu tư nước ngoài không muốn điều này và đó là nhân tố làm giảm quy mô vốn FDI. Để khắc phục tình trạng này, nhiều nước đã áp dụng chính sách đồng tiền yếu nhằm mục đích thu hút vốn FDI và đẩy mạnh xuất khẩu.

❖ *Tiền lương và thu nhập:* Chi phí tiền lương là một khoảng chi phí rất lớn ở hầu hết mọi doanh nghiệp, chi phí tiền lương càng cao thì giá thành càng cao; dẫn đến bất lợi cho doanh nghiệp trong lĩnh vực cạnh tranh. Các nhà đầu tư nước ngoài thường đầu tư ở các nước mới và đang phát triển (trong đó, có nước ta) do chi

phí nhân công rẻ sẽ giảm giá thành sản xuất, nâng cao khả năng tăng lợi nhuận cho nhà đầu tư. [2,105]

1.4.3. Điều kiện chính trị - xã hội:

Các ngành từ kinh tế đến khoa học, xã hội muốn phát triển đều chịu ảnh hưởng các điều kiện, hoàn cảnh đem lại cho ngành đó, tức là phải có lực đẩy, có tiềm năng. Ngành du lịch cũng không nằm ngoài quy luật đó. Tuy nhiên, là một hoạt động đặc trưng, du lịch chỉ có thể phát triển được trong những điều kiện mà nó cho phép. Trong những điều kiện này có những điều kiện mang đặc tính chung thuộc về các mặt của đời sống xã hội, bên cạnh đó do đặc điểm vị trí địa lý từng vùng mà nó tạo nên tiềm năng du lịch khác nhau. Đó chính là nét đa dạng tạo nên những chương trình du lịch độc đáo của từng vùng, miền và cái đích cuối cùng là thu hút khách du lịch, tăng sự hiểu biết, tạo môi giao lưu văn hóa giữa các vùng, miền .

Tuy có sự phân chia thành các nhóm tài nguyên song các điều kiện đều giữ một vai trò, ý nghĩa nhất định và tác động qua lại đến nhau tác động qua lại đến nhau trong sự phát triển du lịch.

An ninh chính trị, an toàn xã hội: Để du lịch không ngừng phát triển, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước nói chung và của tỉnh Khánh Hòa nói riêng, cần có phối hợp chặt chẽ giữa quốc phòng và an ninh với các hoạt động du lịch cũng như các ngành kinh tế khác có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Sự bảo đảm vững chắc về quốc phòng, an ninh tạo môi trường ổn định cho đất nước và khách tới tham quan. Sự ổn định chính trị tạo ra môi trường thuận lợi đối với hoạt động kinh doanh, tác động đến việc thu hút đầu tư và thêm lợi nhuận. Trong môi trường đó, các nhà đầu tư được bảo đảm an toàn về đầu tư, quyền sở hữu lâu dài và ổn định sự hợp pháp của họ. Từ đó họ có thể an tâm và tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và thực hiện các dự án đầu tư hiệu quả.

Mức độ an tâm của các nhà đầu tư được củng cố thông qua sự đánh giá về rủi ro chính trị. Các nhà đầu tư thường đánh giá mức độ rủi ro chính trị theo các dạng chủ yếu như: mất ổn định trong nước, xung đột với nước ngoài, xu thế chính trị và

khuyh hướng kinh tế. Tình trạng bất ổn chính trị có thể cản trở đầu tư, dẫn đến hệ thống chính sách và biện pháp không ổn định; đặc biệt, dễ có tác động bất lợi đối với nhà đầu tư nếu chính phủ có sự thay đổi về Luật đầu tư, quyền sở hữu tài sản, các chính sách về thuế và nhất là sự thay đổi thể chế chính trị sẽ làm tăng các rủi ro về tài sản...

Bảo đảm xã hội thực chất là tạo ra môi trường văn hóa – xã hội thuận lợi cho hoạt động của các nhà đầu tư, đó là một bộ phận cấu thành hệ thống hạ tầng xã hội theo hướng tích cực, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế hoạt động có hiệu quả. Những vấn đề mà xã hội và nhà nước quan tâm: Dân số, Y-tế, giáo dục, thất nghiệp, xóa đói giảm nghèo, tệ nạn, bảo vệ môi trường...

Nguồn nhân lực chất lượng: Nguồn nhân lực ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu hút FDI. Nếu một quốc gia có nguồn nhân lực được đào tạo với tay nghề kỹ thuật cao, đủ khả năng để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI thì quốc gia đó sẽ có vị thế cạnh tranh hơn các quốc gia khác. Việt Nam là nước có lực lượng lao động trong số đó đã được đào tạo và biết tiếp thu kiến thức kỹ năng; chi phí nhân công rẻ hơn các nước trong khu vực sẽ là nguồn nhân lực hấp dẫn các nhà đầu tư FDI.

Văn hóa xã hội: Đặc điểm phát triển văn hóa – xã hội của nước chủ nhà được đánh giá là hấp dẫn FDI nếu có trình độ giáo dục và nhiều mặt tương đồng về ngôn ngữ tôn giáo, phong tục tập quán với nhà đầu tư FDI. Các đặc điểm này không chỉ giảm được chi phí đào tạo nhân lực cho các nhà đầu tư FDI mà còn tạo điều kiện thuận lợi để họ hòa nhập vào cộng đồng nước sở tại. [5, 105]

1.4.4. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng

1.4.4.1 Cơ sở hạ tầng

Là tổng thể các cơ sở vật chất, kỹ thuật, các công trình, các phương tiện tồn tại trên một lãnh thổ nhất định được dùng làm điều kiện sản xuất và điều kiện sinh hoạt nói chung, bảo đảm sự vận hành liên tục, thông suốt các luồng của cải vật chất, các luồng thông tin và dịch vụ nhằm đáp ứng yêu cầu có tính phổ biến của sản xuất và đời sống.

Để thúc đẩy thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, cần phải đảm bảo hệ thống cơ sở hạ tầng để tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư nước ngoài, qua đó quyết định sự tăng trưởng kinh tế, tạo ra chuyển đổi cơ bản cơ cấu kinh tế. Đặc biệt, là công nghiệp xây dựng và dịch vụ, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân. Cần phải phát huy và tận dụng mọi nguồn lực sẵn có. Xây dựng mới đi đôi với nâng cấp, cải tạo toàn bộ hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng trong và ngoài hàng rào các khu kinh tế, khu công nghiệp, các khu du lịch...

Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội nước ta còn hạn chế, chậm phát triển, chưa đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư. Đó là: Hệ thống đường sá, sân bay, cảng biển, kho hàng, xử lý chất thải, hệ thống cung cấp nước sạch, bưu chính viễn thông... Hệ thống kết cấu hạ tầng của nước ta hiện nay so với nhiều nước trong khu vực còn quá khiêm tốn cũng là yếu tố hạn chế cho các nhà đầu tư.

Nhà nước đang đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ nhằm đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, thúc đẩy sự thu hút FDI.

1.4.4.2 Sự phát triển của cơ sở hạ tầng

Sự phát triển của hạ tầng kinh tế của một quốc gia và tại địa phương – nơi tiếp nhận đầu tư luôn là điều kiện vật chất hàng đầu để các chủ đầu tư có thể nhanh chóng thông qua các quyết định và triển khai thực tế các dự án đầu tư đã cam kết. Một tổng thể hạ tầng phát triển phải bao gồm một hệ thống giao thông vận tải đồng bộ và hiện đại với các cầu cảng, đường sá, kho bãi và các phương tiện vận tải đủ sức bao phủ quốc gia và đủ tầm hoạt động quốc tế; một hệ thống bưu điện thông tin liên lạc viễn thông với các phương tiện nghe – nhìn hiện đại, có thể nối mạng thống nhất toàn quốc và liên thông với toàn cầu; hệ thống điện, nước đầy đủ và phân bổ tiện lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đời sống xã hội; một hệ thống mạng lưới cung cấp các loại dịch vụ khác (y tế, giáo dục, giải trí, các dịch vụ hải quan, tài chính, thương mại, quảng cáo, kỹ thuật...) phát triển rộng khắp, đa dạng và có chất lượng cao. [4, 105]

1.4.5. Sự phát triển của ngành Du lịch

Đội ngũ nhân lực có tay nghề cao là điều kiện rất quan trọng để một nước và địa phương vượt qua được những hạn chế về tài nguyên thiên nhiên và trở nên hấp dẫn các nhà đầu tư. Việc thiếu các nhân lực kỹ thuật lành nghề, các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý cao cấp, các nhà doanh nghiệp tài ba và sự lạc hậu về trình độ khoa học – công nghệ sẽ khó lòng đáp ứng được các yêu cầu của nhà đầu tư để triển khai các dự án của họ, làm chậm và thu hẹp lại dòng vốn đầu tư chảy vào một lãnh thổ và địa phương. Một hệ thống doanh nghiệp trong lãnh thổ và địa phương phát triển, đủ sức hấp thu công nghệ chuyển giao, và là đối tác ngày càng bình đẳng với các nhà đầu tư là điều kiện cần thiết để lãnh thổ và địa phương tiếp nhận đầu tư có thể thu hút được nhiều hơn và hiệu quả hơn luồng vốn đầu tư.

Trong những năm qua, du lịch Việt Nam tăng trưởng tương đối ổn định với tốc độ trung bình ở mức tương đối cao (khoảng 20%), thị phần du lịch của Việt Nam trong khu vực đã tăng từ 5% năm 1995 lên trên 8% năm 2005, thu nhập từ ngành du lịch tăng lên nhiều lần. Đây là một thành công lớn góp phần giúp du lịch trở thành một trong những ngành có đóng góp lớn vào GDP.

Giai đoạn 1990-2000 có thể khẳng định là giai đoạn bứt phá trong tăng trưởng khách và thu nhập. Khách quốc tế tăng trên 9 lần, từ 250 nghìn lượt (năm 1990) lên 2,05 triệu lượt (năm 2000); khách nội địa tăng 11 lần, từ 1 triệu lượt lên 11 triệu lượt; thu nhập du lịch tăng gần 13 lần từ 1.350 tỷ đồng lên 17.400 tỷ đồng. Trong năm (5) năm gần đây (2001-2005), tuy phải đối mặt với rất nhiều khó khăn như chiến tranh, khủng bố, dịch SARS và cúm gia cầm, nhưng do áp dụng các biện pháp táo bạo tháo gỡ kịp thời, nên lượng khách và thu nhập du lịch hàng năm vẫn tiếp tục tăng trưởng hai con số. Khách quốc tế năm 2001 đạt 2,33 triệu lượt, năm 2005 đạt gần 3,47 triệu lượt; khách nội địa năm 2001 đạt 11,7 triệu lượt; năm 2005 đạt 16,1 triệu lượt; người Việt Nam đi du lịch nước ngoài năm 2005 ước khoảng 900 nghìn lượt. Du lịch phát triển đã góp phần tăng tỷ trọng GDP của ngành dịch vụ (riêng GDP du lịch hiện chiếm khoảng 4% GDP cả nước, theo cách tính của UNWTO thì con số này khoảng 10%). Du lịch là một trong ít ngành kinh tế ở nước

ta mang lại nguồn thu trên 2 tỷ USD/năm. Hơn 10 năm trước, Du lịch Việt Nam đứng vào hàng thấp nhất khu vực, nhưng đến nay khoảng cách này đã được rút ngắn, đã đuổi kịp và vượt Philippine, chỉ còn đứng sau Malaysia, Singapore, Thái Lan và Indonesia. Theo UNWTO, hiện nay Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng du lịch cao nhất khu vực và thế giới. Năm 2004, Du lịch Việt Nam được Hội đồng Du lịch và Lữ hành thế giới xếp thứ 7 thế giới về tăng trưởng lượng khách trong số 174 nước; Việt Nam được xếp vào nhóm 10 điểm đến hàng đầu thế giới.

Hiệu quả chiều sâu về nhiều mặt của du lịch ngày càng rõ nét. ở đâu du lịch phát triển, ở đó diện mạo đô thị, nông thôn được chỉnh trang, sạch đẹp hơn, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hoạt động du lịch đã thúc đẩy các ngành khác phát triển, tạo ra khả năng tiêu thụ tại chỗ cho hàng hoá và dịch vụ; mỗi năm, hàng chục lễ hội truyền thống được khôi phục, tổ chức dần đi vào nề nếp và lành mạnh, phát huy được thuần phong mỹ tục. Nhiều làng nghề thủ công truyền thống được khôi phục và phát triển, tạo thêm các điểm tham quan du lịch, sản xuất hàng lưu niệm, thủ công mỹ nghệ bán cho khách, nhân dân có thêm việc làm và thu nhập; góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo và nhiều hộ dân ở không ít địa phương đã giàu lên nhờ làm du lịch. Du lịch phát triển đã tạo thêm nguồn thu để tôn tạo, trùng tu các di tích và nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư giữ gìn, phát triển di sản văn hoá. Tuyên truyền, quảng bá du lịch ở nước ngoài và tại chỗ trong nước đã truyền tải được giá trị văn hoá dân tộc đến bạn bè quốc tế, khách du lịch và nhân dân.

Điều quan trọng hơn cả là du lịch đã góp phần phát triển yếu tố con người trong công cuộc đổi mới. Hoạt động du lịch đã tạo ra trên 80 vạn việc làm trực tiếp và gián tiếp cho các tầng lớp dân cư, góp phần nâng cao dân trí, đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; mở rộng giao lưu giữa các vùng, miền trong nước và với nước ngoài; đã thực hiện tốt vai trò ngoại giao nhân dân với chức năng “sứ giả” của hoà bình, góp phần hình thành, củng cố môi trường cho nền kinh tế mở, đẩy mạnh

phát triển kinh tế-xã hội và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ quốc tế đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Du lịch Việt Nam đã vươn lên, tham gia chủ động dần trong hội nhập du lịch quốc tế; thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác du lịch nhiều mặt với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và thế giới; ký 29 Hiệp định hợp tác du lịch song phương với những nước là thị trường du lịch trọng điểm và đầu mối giao lưu quốc tế và Hợp tác du lịch đa phương 10 nước ASEAN; đã có quan hệ bạn hàng với trên 1.000 hãng, trong đó có nhiều hãng lớn, của hơn 60 nước và vùng lãnh thổ. Du lịch nước ta là thành viên của Tổ chức Du lịch thế giới, của Hiệp hội Du lịch Châu á-Thái Bình Dương, của Hiệp hội Du lịch Đông Nam á và phát huy được vai trò, khai thác tốt quyền lợi hội viên. Tham gia chủ động hơn trong hợp tác du lịch tiểu vùng, khu vực, liên khu vực và thế giới. Nhờ thế đã tranh thủ được vốn, kinh nghiệm, công nghệ, nguồn khách để phát triển, chủ động gắn kết với du lịch khu vực và thế giới. Tính chủ động hội nhập cũng được thể hiện rõ trong việc thực hiện chủ trương dựa vào lợi thế so sánh (như văn hoá, ẩm thực, nguyên liệu, lao động rẻ...) đầu tư ra nước ngoài, chủ yếu là kinh doanh ăn uống ở các nước láng giềng, Nhật Bản, Đức và Mỹ.

Tuy nhiên, xét về giá trị tuyệt đối, quy mô ngành du lịch Việt Nam còn nhỏ. Tốc độ tăng trưởng việc làm trong ngành vẫn tiếp tục ở mức thấp hơn so với mức tăng trung bình của khu vực. Năng lực của các công ty du lịch Việt Nam không tương xứng với tiềm năng.

Nhìn chung, các ngành hỗ trợ du lịch vẫn chưa phát triển cùng nhịp với sự phát triển của ngành du lịch. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông yếu kém, phương tiện vận tải lạc hậu, đường vận chuyển hàng không vẫn chưa được phát triển đúng mức. Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng nhiều; ứng dụng thương mại điện tử trong điều hành các tour du lịch và giao dịch giữa các nhà cung cấp dịch vụ du lịch chưa được nhiều, hoạt động xúc tiến du lịch ở nước ngoài còn yếu về số lượng và hiệu quả. Các dịch vụ giải trí, văn hoá, thể thao vẫn chưa phát triển và các dịch vụ ngân hàng chưa đáp ứng nhu cầu.

Sản phẩm dịch vụ du lịch chưa phong phú, đa dạng. Ta có nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp và có bãi biển được xếp hạng tầm quốc tế, nhưng trên phạm vi cả nước, chưa có được một khu du lịch tầm cỡ và có tên tuổi như Pataya, Phuket (Thái Lan), Sentosa (Singapore), Bali (Indonesia), hay Genting, Langkawi (Malaysia). Đặc điểm này đã ảnh hưởng đến việc thu hút được sự chú ý của khách du lịch, không kéo dài được thời gian nghỉ ngơi của khách tại Việt Nam, không tạo cơ hội để tăng chi tiêu của khách quốc tế tại Việt Nam.

Nguồn nhân lực cho du lịch chưa được đào tạo một cách hệ thống về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Năng lực ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ thông tin và khả năng giao tiếp còn hạn chế. Các cơ sở đào tạo du lịch phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn. Mặc dù có sự bùng nổ về số lượng các công ty du lịch lữ hành trong nước, song các công ty này cạnh tranh thiếu lành mạnh về giá, giảm chất lượng dịch vụ, vi phạm các yêu cầu về giấy phép hành nghề.

Hiện nay sự liên kết, hợp tác giữa các Bộ ngành, địa phương, lãnh thổ tuy gần đây có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn yếu hoặc thiếu (Tổng cục Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công an) đặc biệt là việc quản lý các nguồn lực tự nhiên. Cũng chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành (tài chính, ngân hàng, hàng không, biên phòng, hải quan, điện lực và viễn thông...) trong hỗ trợ phát triển du lịch. Bên cạnh đó, hệ thống thống kê áp dụng trong ngành du lịch Việt Nam cũng chưa được cải tiến nhiều. [34, 107]

1.5. KINH NGHIỆM THU HÚT VỐN FDI CỦA CÁC NƯỚC TẠI CHÂU Á

Nguồn vốn FDI có vai trò then chốt để thực hiện công nghiệp hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của mọi quốc gia, đặc biệt là các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam. Theo nhiều cuộc khảo sát, các quốc gia Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan là các quốc gia liên tục đứng vị trí cao trong bảng xếp hạng những quốc gia thu hút vốn FDI đứng đầu khu vực Châu Á. [4, 105]

1.5.1. Cải thiện môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư

Môi trường pháp lý có vai trò quan trọng trong việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Thể chế chính trị ổn định, hệ thống pháp luật đồng bộ, thủ tục đầu tư đơn giản và nhiều chính sách khuyến khích, đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư là những bí quyết của các nước châu Á thành công nhất. [4, 105]

1.5.2. Đơn giản hóa thủ tục, quy trình đầu tư

Thủ tục đầu tư ở các nước này đều là thủ tục một cửa đơn giản, với những hướng dẫn cụ thể tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư.

Ở Thái Lan có Luật xúc tiến thương mại quy định rõ ràng cơ quan nào, ngành nào có nhiệm vụ gì trong việc xúc tiến đầu tư.

Trung Quốc thực hiện phân cấp, phân quyền, nâng cao quyền hạn nhiều hơn cho các tỉnh, thành phố, khu tự trị trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp FDI. Nhà nước cho phép mỗi tỉnh, thành phố, khu tự trị có những đặc quyền trong quản lý, phê chuẩn dự án đầu tư. [4, 105]

1.5.3. Công khai các kế hoạch phát triển kinh tế

Thái Lan thực hiện tốt công tác quy hoạch và công khai các kế hoạch phát triển đất nước từng giai đoạn, ngắn và trung hạn.

Trung Quốc cũng công bố rộng rãi và tập trung hướng dẫn đầu tư nước ngoài vào các ngành được khuyến khích phát triển. [4, 105]

1.5.4. Hệ thống pháp luật đồng bộ, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư

Hàn Quốc chú trọng xây dựng hệ thống luật đồng bộ, đảm bảo cho nhà đầu tư nước ngoài được hưởng mức lợi nhuận thỏa đáng.

Trung Quốc thể hiện sự quan tâm đến những quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài bằng cách thường xuyên bổ sung, sửa đổi Luật đầu tư nước ngoài, đảm bảo tính thực thi nghiêm túc. Những hoạt động thanh tra trái phép, thu lệ phí hay áp đặt thuế sai quy định đối với các doanh nghiệp nước ngoài bị xử lý nghiêm khắc. Nhiều quy định được xóa bỏ để phù hợp với pháp luật kinh doanh quốc tế như tỷ lệ nội địa hóa, cân đối ngoại tệ. Phạm vi ngành nghề được phép đầu tư được mở rộng, từ 186 lên đến 262 khoản mục được đầu tư. [4, 105]

1.5.5. Giảm thuế, ưu đãi tài chính tiền tệ

Thu nhiều nhất lợi nhuận từ dự án luôn là mục đích hàng đầu của các nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, nhiều nước châu Á đã có những chính sách tài chính hấp dẫn cho các nhà đầu tư như giảm thuế, ưu đãi tiền tệ, cho vay ngoại tệ...nhằm thu hút nhiều nhất nguồn vốn FDI vào các nước này.

1.5.5.1 Cắt giảm thuế

Hầu hết các nước châu Á đều đưa ra những chính sách cắt giảm thuế hấp dẫn đối với các dự án đầu tư nước ngoài.

- Hàn Quốc miễn giảm thuế 7 năm với doanh nghiệp FDI có vốn trên 50 triệu Đôla Mỹ.

- Thái Lan miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ 3 – 8 năm, miễn thuế nhập khẩu 90% đối với nguyên liệu, 50% đối với máy móc mà Thái Lan chưa sản xuất được...

- Ở Trung Quốc, các dự án đầu tư vào đặc khu kinh tế, khu công nghệ cao sẽ được ưu đãi về thuế, các dự án đầu tư vào các vùng kinh tế khó khăn như miền Tây, miền Trung - sẽ được thuê đất miễn phí, miễn thuế thu nhập trong vòng 10 năm... Indonesia miễn thuế nhập khẩu, thuế doanh thu đối với hàng nhập khẩu dùng cho mục đích đầu tư...

1.5.5.2 Cho phép nhà đầu tư hoạt động trên thị trường tài chính

- Hàn quốc cho phép nhà đầu tư nước ngoài tham gia các hoạt động của thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, sát nhập và mua lại các công ty trong nước, giao dịch ngoại hối...

- Trung Quốc mở rộng các quy định về ngoại hối, vay ngoại tệ: Doanh nghiệp FDI được cấp giấy chứng nhận quản lý ngoại hối, mở tài khoản ngoại tệ, vay vốn từ các ngân hàng Trung quốc nếu được bảo lãnh bởi các cổ đông nước ngoài. Ngoài ra, nước này còn cho phép nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của doanh nghiệp nhà nước như các ngân hàng (ngoại trừ các doanh nghiệp đặc biệt quan trọng đến kinh tế và an ninh quốc gia).

1.5.5.3 Các chính sách ưu đãi về dịch vụ

- Thái Lan giảm giá thuê nhà đất, văn phòng, cước viễn thông, vận tải...Giá dịch vụ ở Thái Lan thuộc loại hấp dẫn nhất với việc thu hút FDI. Singapore lại tạo điều kiện thuận lợi cho người thân của các nhà đầu tư nhập cư và ổn định cuộc sống tại nước này. [4, 105]

1.5.6. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng hiện đại, thuận tiện cho việc buôn bán và giao lưu quốc tế luôn là yếu tố quan trọng hấp dẫn các nhà đầu tư. Các nước Châu Á như Thái Lan , Trung Quốc, Hàn Quốc đã thấy được tiềm năng thu hút nguồn vốn FDI từ yếu tố này. Chính vì vậy, họ đã tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng: nhà xưởng, đường giao thông, viễn thông, dịch vụ...nhằm tạo môi trường hấp dẫn và dễ dàng cho các nhà đầu tư khi hoạt động trên đất nước mình.

1.5.6.1 Thái Lan chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng:

Hệ thống đường bộ, đường sắt, hệ thống sân bay, bến cảng, khu công nghiệp, kho bãi hiện đại, thuận lợi cho phát triển kinh tế và du lịch. Nước này cũng xây dựng thành công hệ thống viễn thông, bưu điện, mạng internet thông suốt cả nước phục vụ cho hoạt động kinh doanh quốc tế.

1.5.6.2 Trung Quốc

Chú trọng xây dựng nhiều đặc khu kinh tế và các thành phố duyên hải. Tại các đặc khu này, Trung Quốc tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị, nhà ở, trường học, bệnh viện, trung tâm công cộng. Nhà nước cho phép địa phương tự khai thác mọi khả năng để có vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, để khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào quá trình tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp nhà nước. [4, 105]

1.5.7. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao

Một trong những tiêu chí để các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm là thị trường lao động ở nước sở tại. Thị trường lao động của Châu Á đặc biệt hấp dẫn bởi tỷ lệ lao động trẻ, giá thấp. Tuy nhiên, phát triển nguồn lao động có trình độ cao mới chính là bí quyết thu hút đầu tư của các nước châu Á thành công nhất.

*. *Coi trọng đầu tư cho giáo dục*

- Hàn Quốc thực hiện hoạt động dự báo nhu cầu sử dụng nguồn lao động nhằm chủ động trong công tác đào tạo lao động, đáp ứng nhu cầu lao động cho thị trường. Nước này đã trang bị miễn phí máy tính cho mỗi lớp học, miễn phí dạy tin học cho mọi đối tượng.

- Thái Lan có tới 21% sinh viên tốt nghiệp đại học các ngành toán, máy tính.

- Ấn Độ và Trung Quốc đặc biệt chú trọng giáo dục đại học, số người tốt nghiệp đại học ở hai nước này chỉ sau Mỹ. Đặc biệt, Ấn Độ còn được coi là cái nôi của nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin. [4, 105]

1.5.8. Chính sách thu hút nhân tài

Không chỉ phát triển nguồn nhân lực trong nước, Singapore, quốc gia có dân số ít ỏi còn thực hiện nhiều chính sách thu hút nhân tài từ bên ngoài. Quốc đảo nhỏ bé này được coi là nơi có chính sách thu hút nhân tài bài bản nhất thế giới. Các chính sách đột phá như cho phép người nước ngoài tham gia vào bộ máy nhà nước, nhập cư dễ dàng, đãi ngộ xứng đáng theo trình độ...khiến nước này có được một đội ngũ lao động cao cấp hàng đầu thế giới, trở thành địa điểm hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các ngành nghề đòi hỏi nhiều trí tuệ, chất xám. [4, 105]

*** Một số bài học kinh nghiệm thiết thực trong quá trình thu hút vốn đầu tư FDI, cũng như thu hút khách du lịch để thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa:**

Thứ nhất, Chính Phủ cần tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và đảm bảo đầu tư lâu dài cho các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Chính Phủ xây dựng nhiều chính sách để khuyến khích đầu tư du lịch cũng như có nhiều chính sách hỗ trợ trong thu hút khách du lịch. Chính Phủ cần đầu tư và hoàn thiện hệ thống hạ tầng du lịch để tăng tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư. Điều này muốn nói rằng, trong ngành du lịch cần có sự phân công và hợp tác chặt chẽ giữa Chính Phủ, doanh nghiệp và người dân.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác quảng bá du lịch, quảng bá về đất nước bằng nhiều hình thức khác nhau thông qua việc mở văn phòng xúc tiến du lịch ở nhiều

quốc gia trên thế giới, quảng cáo trên các đài truyền hình quốc tế lớn, Chính Phủ đứng ra mời các nhà báo ở nhiều quốc gia, các công ty du lịch đến thăm để viết bài và kết nối với các doanh nghiệp trong nước, cũng như có cả một hệ thống ấn phẩm sách báo, tranh ảnh, bản đồ giới thiệu đầy đủ. Bên cạnh đó, luôn có sự nối kết, đầu tư các hoạt động quảng bá du lịch đi liền với hoạt động quảng bá của các ngành khác.

Thứ ba, ngành du lịch cần được thực hiện một cách chuyên nghiệp trong từng chi tiết nhỏ, từ sắp xếp lại lịch trình cho hợp lý, từ sự đón tiếp nồng hậu của mỗi nhân viên hướng dẫn du lịch, nhân viên khách sạn và cả người dân, cho đến những lời giới thiệu ngắn gọn mà vô cùng bài bản của mỗi nơi tham quan.

Thứ tư, ngành du lịch cần khai thác các điểm mạnh của mình bằng cách tận dụng triệt để những lợi thế về thiên nhiên, luôn biết tạo ra những điều mới mẻ, hấp dẫn để thu hút du khách. Bên cạnh đó, cần phát triển đa dạng các loại hình du lịch như du lịch biển, du lịch núi, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch mạo hiểm, du lịch chữa bệnh, du lịch khám phá... để tạo nên nhiều sản phẩm mang nét đặc sắc riêng cho từng địa phương du lịch nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của du khách.

Thứ năm, ngành du lịch còn liên kết chặt chẽ giữa các ngành nhau để khai thác dịch vụ du lịch như liên kết với các hãng hàng không, hệ thống bệnh viện, siêu thị...trong đó, các sản phẩm cung cấp cho khách du lịch phải đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý và thống nhất. Vì vậy, khi xây dựng chương trình tour du lịch thường cũng có điểm đến là siêu thị, trung tâm thương mại, chợ.

Thứ sáu, xen kẽ với các yếu tố văn hoá bản sắc, cần có các cơ sở vật chất du lịch hiện đại. Tuy nhiên, 2 vẻ đẹp này phải được hài hòa và nâng tầm nhau.

Thứ bảy, coi trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng cao để phục vụ trong ngành. [31, 107]

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương này, tác giả đã trình bày những lý luận cơ bản về đầu tư, cách phân loại đầu tư, chỉ ra các nguồn vốn phục vụ đầu tư cũng như ưu nhược điểm của từng nguồn vốn đầu tư; tác giả cũng tìm hiểu khái niệm về du lịch và chỉ ra sự cần thiết phải thu hút các nguồn vốn để phát triển du lịch, cũng như tổng hợp các nhân tố có ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư vào ngành du lịch. Ngoài ra, tác giả cũng tìm hiểu một số kinh nghiệm thu hút các nguồn vốn cho đầu tư vào ngành du lịch cũng như kinh nghiệm thu hút khách du lịch của các nước có hoạt động du lịch phát triển trong khu vực Asean, đó là Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan và Singapore, trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm thiết thực trong quá trình huy động các nguồn vốn cũng như thu hút khách du lịch để thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

2.1. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

Mọi hoạt động đầu tư là để thu lợi nhuận, vì thế môi trường đầu tư hấp dẫn phải là một môi trường đầu tư có hiệu quả cao, mức độ rủi ro thấp. Điều này lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố như điều kiện tự nhiên, chính sách, cơ chế ưu đãi đầu tư của địa phương, điều kiện phát triển về cơ sở hạ tầng kinh tế, mức độ hoàn thiện về thể chế hành chính - pháp lý, khả năng ổn định về mặt chính trị - xã hội, độ mở của nền kinh tế, sự phát triển của hệ thống thị trường...[3, 105] Các nhân tố trên có mối quan hệ và tác động qua lại lẫn nhau, vì vậy, để nâng cao chất lượng và hiệu quả của môi trường đầu tư nhằm tăng tính hấp dẫn hơn nữa trong thu hút đầu tư FDI, tỉnh Khánh Hòa nhất thiết phải quan tâm xử lý đồng bộ các nhân tố ảnh hưởng sau đây.

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1 Vị trí địa lý

Khánh Hoà nằm ở vị trí địa lý từ 11⁰41'53" đến 12⁰52'35" vĩ độ Bắc và từ 108⁰40' đến 109⁰23'24" kinh độ Đông. Phía bắc giáp Phú Yên, phía nam giáp Ninh Thuận, phía tây giáp Đắk Lắk và Lâm Đồng, phía đông giáp với biển Đông với đường bờ biển dài 385 Km. Khánh Hoà nằm ở giữa hai thành phố lớn là thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, là các trọng điểm phát triển kinh tế của cả nước. Khánh Hoà có trung tâm là thành phố Nha Trang cách thành phố Hồ Chí Minh 450 Km, cách thành phố Đà Nẵng 525 Km [29, 107]. Với vị trí địa lý đặc thù của Khánh Hoà đã tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh mở rộng giao lưu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có hoạt động du lịch với các tỉnh. Tuy nhiên, đây cũng là thách thức trong việc cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường của các tỉnh.

2.1.1.2. Địa hình

Khánh Hoà là một trong những tỉnh có địa hình đa dạng, thấp dần từ tây sang đông và phong phú với đầy đủ các thể loại địa hình: biển đảo, núi, đồng bằng... tạo nên nhiều thắng cảnh đẹp để phát triển các loại hình du lịch. [29, 107]

2.1.1.3. Khí hậu

Khí hậu Khánh Hoà vừa chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa mang tính chất của khí hậu đại dương nên tương đối ôn hoà. Nhiệt độ trung bình năm là 26⁰C, ánh sáng dồi dào. Mùa hè không bị oi bức, mùa đông không quá lạnh. Do có những vùng núi cao trên 1.000 mét nên có các đặc trưng của khí hậu nhiệt đới vùng núi cao, ôn hoà mát mẻ quanh năm, không có các hiện tượng thời tiết đặc biệt như gió nóng, sương muối... thuận lợi cho việc phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, các hoạt động du lịch bơi lặn biển... [32, 107]

2.1.1.4. Thủy văn

Dãy Trường Sơn thuộc địa phận Khánh Hoà chạy gần sát biển, do vậy các con sông suối chảy qua tỉnh đều ngắn và dốc. Chiều dài trung bình của các con sông từ 10 – 15 Km. Mật độ sông, suối của Khánh Hoà từ 0,5 đến 1 Km/Km². Khánh Hoà có hai con sông lớn đổ ra biển là sông Cái Nha Trang và sông Cái Ninh Hoà. Trên các con sông này đang hình thành các tour du lịch để thu hút và khai thác khách du lịch. [30, 107]

2.1.1.5. Tài nguyên du lịch tự nhiên

a. *Tài nguyên du lịch biển – đảo*: Bao gồm Vịnh Nha Trang, Vịnh Vân Phong, Vịnh Vân Phong, Biển Đại Lãnh, Biển Dốc Lếch, Đầm Nha Phu, Vịnh Cam Ranh, Bãi dài... thực sự là những kỳ quan thiên nhiên đẹp với khí hậu ôn hoà, bãi biển đẹp, cát mịn, núi đồi hùng vĩ bao quanh, có thể phát triển nhiều hoạt động du lịch như tổ chức hội nghị, tắm biển, vui chơi giải trí cao cấp, thể thao, bơi thuyền, câu cá, lặn biển, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, vui chơi giải trí thể thao trên cát, trên biển, tham quan các tuyến đảo... và các hoạt động khác.v.v...

b. *Tài nguyên du lịch hang động, suối, thác*: Tài nguyên du lịch hang động, suối, thác ở Khánh Hoà rất phong phú, có thể kể ra đây bao gồm: *Suối Ba Hồ*, *Suối*

Hoa Lan, Suối khoáng nóng Trường Xuân, Suối Tiên, Hòn Bà, Thác Yang Bay... nằm trên nhiều địa phương khác nhau ở Khánh Hòa. Các hang động, suối, thác vẫn còn giữ nguyên nét hoang sơ, lãng mạn của sông hồ, núi rừng. Do đó, đây là khu vực thích hợp phát triển du lịch sinh thái núi với các loại hình tham quan, nghiên cứu, vui chơi giải trí, thể thao... Bên cạnh đó, Khánh Hòa còn có *Trung tâm suối khoáng nóng Tháp Bà* nằm tại thành phố Nha Trang thật sự mang lại cho du khách cảm giác thư giãn và phục hồi sức khỏe sau những đợt dã ngoại ngoài trời.

c. Tài nguyên rừng: Diện tích rừng hiện có là 186,5 nghìn ha, trong đó có 64,8% là rừng sản xuất, 34% rừng phòng hộ và 1,2% rừng đặc dụng. Độ che phủ của rừng là 38,5%, lớn nhất là huyện Khánh Vĩnh (65,4%), tiếp đến là huyện Khánh Sơn (45,9%), các huyện còn lại đều dưới mức bình quân của tỉnh, thấp nhất là thành phố Nha Trang (10,8%), thị xã Cam Ranh (11,8%). Rừng là một thế mạnh của Khánh Hòa, song việc khai thác bừa bãi những năm qua đã làm tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt dẫn đến suy giảm cân bằng sinh thái. [30, 107]

2.1.1.6. Tài nguyên du lịch nhân văn

Bên cạnh sự nổi trội về tài nguyên du lịch tự nhiên, với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, là mảnh đất sinh sống của nhiều dân tộc anh em, tài nguyên nhân văn của Khánh Hòa cũng có giá trị phục vụ du lịch.

a. Di tích gồm có: Tháp Bà Ponaga, Chùa Long Sơn, Viện Hải Dương Học, Bảo tàng tỉnh Khánh Hòa, Chợ Đầm, Khu tưởng niệm bác sĩ Alexandre Yersin, Di tích Am Chúa, Đền đá Khánh Sơn... nằm ngay trong nội thành Nha Trang và các vùng phụ cận, tạo nên một quần thể điểm tham quan du lịch văn hoá độc đáo. Hệ thống di tích này sẽ thích hợp với loại hình tham quan, nghiên cứu, văn cảnh... đặc biệt đối với Chợ Đầm là điểm thu hút khách du lịch mua sắm hàng hoá sau các kỳ nghỉ.

b. Các lễ hội: Bên cạnh các di tích, Khánh Hòa cũng còn được biết đến như là nơi có nhiều lễ hội nổi tiếng trong cả nước – một sản phẩm văn hóa rất độc đáo gồm có: *Lễ hội Nghinh cá Ông, Lễ hội Tháp Bà Ponaga, Lễ hội Am Chúa...* đều được tổ chức gắn liền với các di tích lịch sử văn hoá, là những yếu tố thuận lợi phát triển các

loại hình du lịch tâm linh, tham quan các danh lam thắng cảnh trong những dịp đầu xuân. [32, 107]

2.1.2. Điều kiện kinh tế

Nếu như trong giai đoạn 1996 - 2005 phát triển Du lịch Khánh Hoà với mục tiêu chỉ để trở thành một ngành kinh tế đủ mạnh và có sức thuyết phục, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thì giai đoạn từ nay đến năm 2010 và những năm tiếp theo du lịch Khánh Hoà phát triển với mục tiêu thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, làm động lực thúc đẩy để phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế khác theo tinh thần của Nghị quyết XIV và XV/NQ-TU tỉnh Khánh Hoà đã đề ra. Phần đầu đưa Khánh Hoà trở thành trung tâm du lịch biển tầm cỡ không chỉ của cả nước mà của khu vực. [26, 106]

Về kinh tế

- Duy trì và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Tốc độ tăng GDP thời kỳ 2006 - 2010 khoảng 12%/năm, thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 12,5%/năm, thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 13%/năm. Tổng GDP của tỉnh (giá 1994) đạt khoảng 13.226 tỷ đồng vào năm 2010; 23.834 tỷ vào năm 2015 và 43.913 tỷ vào năm 2020. GDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt 19,477 triệu đồng năm 2010 và 32,777 triệu năm 2015.

- Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch nhanh theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ và công nghiệp. Cơ cấu kinh tế năm 2010 là công nghiệp - xây dựng 43,5%; nông-lâm- ngư nghiệp 13%; dịch vụ 43,5%; năm 2015 cơ cấu tương ứng là 45%, 8% và 47%.

- Quản lý và tổ chức nguồn thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, phần đầu đạt tỷ lệ huy động vào ngân sách thời kỳ 2006 - 2010 khoảng 22% GDP, thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 22 - 23% GDP.

- Tăng nhanh đầu tư toàn xã hội, giải quyết tốt quan hệ tích lũy và tiêu dùng, thu hút mạnh các nguồn vốn bên ngoài, thời kỳ 2006 - 2010 tổng vốn đầu tư xã hội đạt 38 - 40% GDP.

Tốc độ phát triển kinh tế

Nhiều năm qua, Khánh Hoà là tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế và đóng góp ngân sách cao trong khu vực miền trung và cả nước. Khánh Hoà được biết tới không chỉ là địa phương có tiềm năng lớn về du lịch và kinh tế biển mà Khánh Hoà cũng là địa phương có tốc độ phát triển về công nghiệp khá. Chính vì thế mà hơn mười năm qua, kinh tế tỉnh Khánh Hoà phát triển với tốc độ tương đối cao, tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng trưởng bình quân hàng năm trên 10%. Nếu như năm 2000, GDP tỉnh Khánh Hoà chỉ đạt 6.327 tỷ đồng (tính theo giá hiện hành) thì ước tính đến cuối năm 2007, GDP đạt được 18.470 tỷ đồng, gấp 2,9 lần. Nhờ đó GDP bình quân đầu người ước tính năm 2007 là 16,07 triệu đồng/người/năm. Một khi thu nhập của người dân được nâng lên, thì chi tiêu của họ cũng tăng lên, trong đó có chi tiêu cho nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng... Do đó, đây cũng là nhân tố quan trọng để thu hút vốn đầu tư. Tuy nhiên, sự quan tâm đầu tư để phát triển ngành du lịch còn nhiều hạn chế làm cho tốc độ phát triển của ngành du lịch không tương xứng với tiềm năng du lịch ở địa phương. Do đó trong thời gian tới, muốn đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỉnh Khánh Hoà cần quan tâm đúng mức đến đầu tư và thu hút vốn đầu tư để phát triển ngành du lịch. [26, 106]

2.1.3. Điều kiện xã hội

Là một thành phố du lịch nên trong những năm qua, Khánh Hoà đã thu hút rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan nghỉ dưỡng. Để giữ chân du khách, Khánh Hoà đã không ngừng hoàn thiện và phát triển mạnh nhiều loại hình dịch vụ và đây cũng chính là mảnh đất màu mỡ cho nhiều băng nhóm tội phạm phát triển. Đặc biệt kể từ khi Phạm Chí Tin (tức "Tin Pales"), vốn là trùm băng đảng trong vụ án tại nhà hàng 62 Trần Phú được đặc xá tha tù trước thời hạn vào dịp 2-9-2005, trở về cũng là lúc nhiều băng nhóm xã hội đen khác hoạt động mạnh như băng nhóm tội phạm của Võ Quảng Hà (tức Hà "lê"), Nguyễn Ngọc Thành Hạnh (tức Hạnh "Nhật"), Trần Thị Hoàng Ánh (tức Ánh "phú")... Các băng nhóm này có tham gia kinh doanh trong nhiều lĩnh vực như kinh doanh khách sạn, nhà hàng, vũ trường, cho vay nặng lãi... và đã nhiều lần gây mất an ninh, trật tự nơi công cộng.

Điều này đã gây ra tâm lý lo sợ của du khách khi đến Khánh Hòa. Và như thế nếu không tiêu diệt tận gốc các băng nhóm tội phạm này chắc chắn Nha Trang không bình lặng như cái vẻ hiền hòa của nó mà du khách vẫn thường thấy. Ngoài các băng nhóm tội phạm ra, môi trường xã hội phục vụ du lịch tại Khánh Hòa cũng còn nhiều bất cập và gây bức xúc cho du khách. Trước mắt hiện nay là tình trạng cò mồi, chèo kéo, bán hàng rong, nâng giá bán các sản phẩm, bán vé số cho khách du lịch... đã làm nản lòng khách du lịch. Phần đông trong số lao động này là người ngoài tỉnh đến làm ăn và mang tính thời vụ, nhận thức của họ về kinh doanh du lịch rất hạn chế... Điều đó đã làm cho khách du lịch, đặc biệt là du khách nước ngoài rất khó chịu và không quay lại.

Như vậy, bên cạnh vị trí địa lý thuận lợi, điều kiện thiên nhiên ưu đãi, hệ thống hạ tầng cơ sở du lịch ngày càng được hoàn thiện, các dịch vụ hỗ trợ du lịch tương đối phát triển, có các chính sách thu hút đầu tư cởi mở, năng động nhằm thu hút vốn đầu tư vào các ngành trọng điểm ở địa phương, trong đó có ngành du lịch... thì Khánh Hòa vẫn còn nhiều vấn đề cần phải khắc phục để tạo môi trường đầu tư hấp dẫn hơn, thân thiện hơn với môi trường tự nhiên để ngày càng thu hút nhiều du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng, hội họp... Khi đó, Khánh Hòa sẽ là nơi đầu tư an toàn và phát triển, tạo ra những cơ hội mới cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư và cùng hợp tác phát triển. [31, 107]

2.1.4. Hệ thống cơ sở hạ tầng

Khánh Hòa có 42% dân số trong độ tuổi lao động, trên 2.1% tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên. Có ba trường đại học và cao đẳng, bốn trường trung học chuyên nghiệp, ba viện nghiên cứu quốc gia và hệ thống các loại hình đào tạo dạy nghề. Mặt bằng dân trí và hệ thống các trường đào tạo này là cơ sở đảm bảo nguồn nhân lực cho phát triển trong tương lai. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề năm 2005 đạt 26%.

Qua điều tra hiện trạng lao động và nghiên cứu thực tế về đào tạo lại lao động trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh. Mặc dù công tác đào tạo nhân lực trong những năm qua đã được quan tâm, nhưng so với nhu cầu phát triển du lịch hiện nay

chỉ mới đáp ứng về mặt số lượng. Ngành du lịch Khánh Hoà vẫn còn thiếu cán bộ quản lý giỏi và nhân viên phục vụ có kỹ năng chuyên môn cao, kể cả đào tạo trong và ngoài nước. Tuy nhiên trong điều kiện hiện nay việc đáp ứng nhu cầu này còn rất hạn chế, rất cần sự ủng hộ tạo điều kiện từ Tổng cục Du lịch và UBND tỉnh Khánh Hoà. [27, 107]

2.1.4.1 Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông

Cùng với sự phát triển kinh tế- xã hội, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà như giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc... đã được cải thiện đáng kể, có tác dụng tích cực đến sự phát triển du lịch của địa phương, góp phần tăng khả năng vận chuyển khách, khả năng tiếp cận các điểm du lịch, tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt của du khách và là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển du lịch trong thời gian tới.

- *Đường hàng không*: liên hệ giao thông hàng không đến tỉnh Khánh Hoà qua các cảng hàng không Nha Trang, Cam Ranh. Sân bay Nha Trang có một đường băng rộng 45m, dài 1.950m, là sân bay nhỏ, hiện nay chỉ phục vụ cho các máy bay quân sự nhỏ. Tháng 6/2004, sân bay Cam Ranh với một đường băng dài 3.080m, là sân bay đã được đưa vào sử dụng vận chuyển hành khách thay thế cho sân bay Nha Trang, và sắp tới nó được nâng cấp lên thành sân bay quốc tế.

- *Đường sắt*: tuyến đường sắt Bắc – Nam chạy dọc tỉnh Khánh Hoà dài khoảng 149,2 Km với ga Nha Trang là ga chính, có qui mô lớn, làm nhiệm vụ trung chuyển hành khách và hàng hoá từ Lâm Đồng, Buôn Mê Thuộc tới các tỉnh phía Bắc và phía Nam. Tuyến đường sắt qua Nha Trang là một trong những phương tiện quan trọng vận chuyển khách du lịch.

- *Đường biển*: Khánh Hoà có 385 Km bờ biển với nhiều điều kiện thuận lợi để thiết lập cảng biển, hệ thống cảng biển trên địa bàn tỉnh bao gồm cảng cát Đầm Môn, cảng Hòn Khói, cảng Ba Ngòi nằm trong vịnh Cam Ranh, cảng Nha Trang hiện được sử dụng là cảng đa chức năng phục vụ vận tải hành khách và chuyển tải hàng hoá các loại.

- *Đường bộ*: trên địa bàn Khánh Hoà có nhiều tuyến quốc lộ đi qua như quốc lộ 1A chạy dọc bờ biển tỉnh Khánh Hoà, quốc lộ 26 nối tỉnh Khánh Hoà với thành phố Buôn Mê Thuột... Hiện nay tuyến đường Khánh Lê – Lâm Đồng qua địa phận huyện Khánh Vĩnh đang được nâng cấp, do đó tương lai nó sẽ là hành lang lưu thông trực tiếp từ Nha Trang, Diên Khánh đi Đà Lạt.

Tuy nhiên, hệ thống đường bộ, đường thủy dẫn đến các khu du lịch mới chưa được đầu tư hay đầu tư chưa đồng bộ nên giảm đi tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư.

2.1.4.2. Hệ thống thông tin liên lạc

Khánh Hoà hiện đang sử dụng hệ thống tổng đài điện tử kỹ thuật hiện đại, các huyện đều có tổng đài số, mạng điện thoại phủ kín 100% các xã. Hầu hết các mạng điện thoại di động và internet băng tầng rộng cũng được đầu tư và sử dụng rãi ở thành phố Nha Trang cũng như ở các huyện thị trong toàn tỉnh, do đó rất thuận lợi trong thông tin liên lạc của du khách. Hệ thống phát thanh truyền hình từ tỉnh đến huyện, xã đều được đầu tư nâng cấp, cải tạo. Đến nay, 100% xã có trạm truyền thanh; 95% địa bàn dân cư được phủ sóng phát thanh, truyền thanh, truyền hình.

2.1.4.3. Hệ thống các dịch vụ tài chính - ngân hàng

Khánh Hoà cũng là một trong những tỉnh có tốc độ phát triển hệ thống ngân hàng thương mại nhanh nhất trong cả nước. Các ngân hàng thương mại đã chú trọng hơn trong việc cung cấp các sản phẩm mới với chất lượng, cũng như phát triển hệ thống thu đổi ngoại tệ, hệ thống rút tiền tự động đã đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Do đó, số dư tiền gửi tiết kiệm trong giai đoạn 2003 - 2009 đã tăng cao, tốc độ tăng bình quân 29,29%/năm. Hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại đã tạo nên một kênh huy động vốn không thể nào thiếu đối với nền kinh tế nói chung và các nhà đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hoà nói riêng. Điều này được thể hiện thông qua số dư nợ tín dụng ngắn hạn và dài hạn tại Khánh Hoà trong giai đoạn 2003 - 2009 có tốc độ tăng rất cao tương ứng là 25,8% và 32,6%. Riêng tốc độ cho vay trung và dài hạn đối với ngành dịch vụ trong giai đoạn này đạt tốc độ 45,71% và chiếm tỷ trọng cao nhất trong các ngành kinh tế của tỉnh.

Ngoài hệ thống ngân hàng nêu trên, tỉnh Khánh Hòa còn có một công ty cho thuê tài chính và có đến chín công ty bảo hiểm mở chi nhánh tại Khánh Hòa. Bên cạnh đó, cùng với sự ra đời hàng loạt các chi nhánh chứng khoán như chi nhánh chứng khoán của ngân hàng Công thương; ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu và ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu cũng góp phần thỏa mãn nhu cầu đầu tư của các doanh nhân. [28, 107]

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

2.2.1. Điều kiện trang bị cơ sở vật chất

Trong thời gian qua, để đáp ứng sự tăng lên số lượng du khách cũng như những đòi hỏi chất lượng sản phẩm du lịch ngày càng cao của khách du lịch, các doanh nghiệp du lịch Khánh Hòa cũng không ngừng đầu tư tăng thêm cả về số lượng cũng như chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng hiện đại với qui mô ngày càng lớn hơn. Bảng 2.1 thể hiện tình hình đầu tư cơ sở lưu trú ở tỉnh Khánh Hòa từ năm 2003 đến năm 2009 như sau:

Bảng 2.1. Hiện trạng cơ sở lưu trú của Khánh Hòa giai đoạn 2003 -2009

Hạng mục	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Số cơ sở lưu trú	202	233	259	273	314	349	387
Số phòng	3.707	4.679	5.629	6.030	6.714	8.279	8.841
Công suất sử dụng phòng (%)	50,6	51,5	47,8	45,7	52,0	51,2	52,8

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa (2010), Niên giám thống kê Khánh Hòa 2009)

Qua Bảng 2.1 cho thấy: Số cơ sở lưu trú tăng đều qua các năm với tốc độ tăng bình quân 12,66% làm cho số phòng lưu trú cũng tăng liên tục qua các năm. So với năm 2003 thì số phòng lưu trú đến cuối năm 2009 đã tăng hơn 2,38 lần. Còn so với năm 2007 thì đến cuối năm 2009, số cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch tăng thêm là 73 cơ sở (với số phòng tăng tương ứng là 2.127 phòng), đưa tổng số cơ sở lưu trú trên địa bàn toàn tỉnh là 387 cơ sở, theo đó số phòng cũng tăng lên và đạt 8.841 phòng, tăng 6,79%, trong đó có 303 khách sạn với 7.559 phòng (bao gồm 2 khách sạn 5 sao với 606 phòng, 3 khách sạn 4 sao với 396 phòng, 5 khách sạn 3 sao với 382 phòng, 39 khách sạn 2 sao với 1.575 phòng, 81 khách sạn 1 sao với 1.715 phòng...). Tuy nhiên công suất khai thác phòng vẫn chưa cao, chỉ xoay quanh 50%. Do đó, ngành du lịch cần có những giải pháp tăng công suất sử dụng phòng để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Xu thế hiện nay là các doanh nghiệp du lịch xây dựng các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch với qui mô lớn, trang thiết bị hiện đại ngày càng rõ nét, nhiều khách sạn tư nhân rất chú trọng đầu tư mở rộng qui mô, nâng cấp trang thiết bị, nâng cao chất lượng phục vụ để được xét nâng hạng lên từ 3 đến 5 sao. Đây là vấn đề cần được quan tâm phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, so với tiến độ đã đăng ký của một số dự án đầu tư tại các khu, điểm du lịch lớn như khu Du lịch - Giải trí Sông Lô, các dự án du lịch ở các khu du lịch mới tại Vân Phong, Bãi Dài - Cam Ranh và một số dự án, công trình tại một số địa điểm trên đường Trần Phú - Nha Trang vẫn còn chậm, việc này đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư và phát triển du lịch của tỉnh. [19, 106]

**Bảng 2.2: Số cơ sở lưu trú và số phòng nghỉ ở tỉnh Khánh Hòa
giai đoạn 2003 - 2009**

Hạng mục	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Số cơ sở lưu trú	202	233	259	273	314	349	387
Số phòng	3.707	4.679	5.629	6.030	6.714	8.279	8.841

(Nguồn: Trích Báo cáo của Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Khánh Hòa, 2009)

2.2.2. Xây dựng và khai thác các tuyến, điểm du lịch

Ngoài những điểm du lịch tham quan, vui chơi giải trí hình thành từ những năm trước luôn được khai thác hiệu quả và không ngừng đầu tư bổ sung, nâng cao chất lượng kinh doanh như suối khoáng nóng Tháp Bà, Dốc Lếch, Thủy Cung, khu du lịch Hòn Tằm, Đảo Khi, khu du lịch công viên Yang Bay, công viên văn hóa Hòn Tre, công viên văn hóa Vinpearl, khu du lịch Cát Trắng (Ninh Hòa)... một số điểm du lịch mới hình thành và đưa vào hoạt động trong năm 2007 như khu du lịch và giải trí Nha Trang (khu vui chơi dành cho thiếu nhi); khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh đã có 01 dự án khởi công xây dựng. Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Khánh Hòa luôn chủ động, tích cực phối hợp cùng các sở ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan xúc tiến việc khảo sát xây dựng các tuyến, điểm du lịch mới phục vụ du khách. Hoàn thiện các tuyến du lịch đồng quê, thành phố, du lịch Sông Cái... Bên cạnh các điểm, tuyến du lịch trong tỉnh, sở đã tăng cường phối hợp với các tỉnh trong khu vực miền trung, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh khảo sát, mở các tuyến liên tỉnh theo chương trình hợp tác đã ký kết. Tiềm năng khai thác các tuyến, điểm du lịch vẫn còn rất lớn. Tuy nhiên, để việc khai thác, quản lý các điểm du lịch đạt hiệu quả cao, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường, bảo vệ tài nguyên du lịch, xây dựng môi trường du lịch an toàn, bền vững thì cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành; có sự phân công, phân cấp cụ thể về quản lý các hoạt động khai thác kinh doanh các tuyến, điểm du lịch. [19, 106]

2.2.3. Hoạt động kinh doanh lữ hành và hướng dẫn du lịch

Đến cuối năm 2009, trên địa bàn tỉnh có 51 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đang hoạt động, trong đó có 09 doanh nghiệp lữ hành quốc tế. Thời gian qua, các doanh nghiệp lữ hành trên địa bàn đã tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện và lao động, tăng cường các hình thức liên kết, hợp tác để đưa khách từ tỉnh ngoài về Khánh Hòa và ngược lại. Hình thức trung chuyển du khách giữa các tỉnh qua Khánh Hòa cũng ngày càng phổ biến, nhờ vậy hoạt động kinh doanh lữ hành đã có bước cải thiện cả về năng lực và tính hiệu quả. Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động lữ hành hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Các

doanh nghiệp lữ hành của tỉnh vẫn chưa có sự đầu tư đúng mức nên chưa đủ mạnh cả về quy mô cơ sở vật chất kỹ thuật và thị trường, hoạt động chủ yếu là khai thác nguồn du khách trong nước. Việc tổ chức, khai thác các tuyến du lịch quốc tế vẫn phải phụ thuộc vào sự phối hợp các doanh nghiệp lữ hành lớn của thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Đầu năm 2009, sau khi kết thúc khóa đào tạo bồi dưỡng lớp Hướng dẫn viên du lịch cho 138 lao động từ các doanh nghiệp, Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Khánh Hòa đã xét cấp 52 thẻ hướng dẫn viên dài hạn, nâng tổng số thẻ hướng dẫn viên dài hạn đến cuối năm là 72 thẻ (ngưng cấp thẻ tạm thời). Đây được coi là một sự cố gắng của ngành trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên. Tuy vậy, đến nay số lượng và chất lượng hoạt động của đội ngũ hướng dẫn viên du lịch trên địa bàn vẫn còn nhiều hạn chế, vì vậy trong thời gian tới cần quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo cơ bản, cũng như công tác quản lý hoạt động hướng dẫn viên du lịch trên địa bàn. [19, 106]

2.2.4. Về hoạt động đón khách du lịch tàu biển

Trong năm 2009, Nha Trang đón được 23 chuyến tàu du lịch quốc tế bằng đường biển với 15.000 lượt khách lên bờ tham quan (tăng 7,1% so cùng kỳ năm 2008). Số lượng các doanh nghiệp khai thác, phục vụ du khách tham quan cũng tăng hơn năm trước. Tuy nhiên, hiện tại môi trường tại các điểm phục vụ khách du lịch tàu biển còn yếu kể cả cơ sở hạ tầng (vệ sinh môi trường, trật tự an toàn xã hội) lẫn trình độ dân trí, văn minh (ăn xin, hàng rong, tranh dành khách) còn nhiều bức xúc. Vì vậy, trong thời gian đến, tỉnh Khánh Hòa cần giải quyết tận gốc tình trạng ăn xin, nạn bán hàng rong, cò mồi đeo bám quấy rầy khách du lịch... giữ được nét văn minh, hiếu khách và an toàn của một thành phố du lịch. [19, 106]

2.2.5. Khách du lịch và doanh thu du lịch

Trong những năm gần đây, ngành du lịch Khánh Hòa có những bước tăng trưởng mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng trung bình hằng năm của thị trường khách du lịch đạt 19,22%. Nếu như năm 2002 lượng khách du lịch đến Khánh Hòa là 397.509 lượt khách thì đến cuối năm 2009, lượt khách đến Khánh Hòa đạt 1.360.421 lượt khách, cao gấp 3,42 lần so với năm 2002. Khách quốc tế đến Khánh Hòa từ nhiều

nước khác nhau như Anh, Đức, Pháp, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Mỹ, Canada, Úc... trong đó 5 thị trường hàng đầu là Mỹ, Úc, Pháp, Anh, Đức. Ngoài ra, khách nội địa liên tục tăng qua các năm, tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 11,24%/năm. Khách nội địa chủ yếu đến từ TP.HCM (50,5%), các tỉnh miền đông Nam bộ (9%), Hà Nội, Hải Phòng (27,8%)... [19, 106]

Bảng 2.3: Khách du lịch và doanh thu du lịch

Khách du lịch	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Ngàn lượt	495	540	584	609	902	1089	1360
Doanh thu (Ngàn tỷ đồng)	236	297	360	458	820	834	1020

(Nguồn: Báo cáo của Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Khánh Hòa – Năm 2009)

Tuy nhiên, số ngày lưu trú trung bình của khách du lịch tại Khánh Hòa chỉ đạt 1,93 ngày, so với bình quân chung cả nước và các địa phương khác trong khu vực thì còn thấp như Ninh Thuận, Bình Thuận đạt 2,5 ngày; thành phố Hồ Chí Minh ba ngày, Hà Nội 2,13 ngày... Nhờ tốc độ tăng trưởng du khách đến thị trường Khánh Hòa ngày càng tăng đã đẩy tốc độ tăng doanh thu du lịch đạt tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2004 – 2009 đạt 26,31%/năm. Bảng 2.3 (dưới đây) sẽ cung cấp số liệu về doanh thu ngành du lịch và số lượng khách du lịch đến tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn này. [19, 107]

Qua Bảng 2.3 Cho thấy hoạt động du lịch vẫn phát triển cao và khá ổn định qua các năm với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 26% mỗi năm, đặc biệt năm 2007 có tốc độ tăng trưởng doanh thu cao nhất (41,17%). Riêng năm 2007 là năm

thứ 2 liên tiếp Khánh Hòa có hơn 1 triệu lượt du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng (1.360.421 lượt khách) với tổng doanh thu hơn 1.020 tỉ đồng, đạt 107,4% chỉ tiêu kế hoạch, tăng hơn 22% so với năm 2009 và chiếm gần 5,5% tỉ trọng GDP của tỉnh. So với năm 2003, doanh thu ngành du lịch năm 2007 đã tăng hơn 5 lần. Có thể nói trong những năm qua, ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đã đạt những thành tựu nhất định, thương hiệu du lịch Khánh Hòa ngày càng được khẳng định uy tín trên thị trường. [16, 106]

2.3. CHÍNH SÁCH THU HÚT VỐN FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

2.3.1. Chính sách xúc tiến quảng bá đầu tư du lịch

Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch Khánh Hòa đã tham gia nhiều hội chợ, triển lãm, hội thảo du lịch ở trong nước và quốc tế. Đồng thời tổ chức các chiến dịch xúc tiến, sự kiện quảng bá, phát động thị trường theo chuyên đề... để giới thiệu, quảng bá tiềm năng du lịch Khánh Hòa. Điển hình như: tham gia quảng bá tại Hội chợ Du lịch Quốc tế Travex 2009. Hội chợ này nằm trong khuôn khổ Chương trình Diễn đàn du lịch ASEAN 2009, với sự tham gia của hơn 400 công ty lữ hành quốc tế. Mục tiêu của Diễn đàn là quảng bá mạnh mẽ cho du lịch biển. Trong những ngày đầu tháng 10 năm 2009, Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch Khánh Hòa đã tổ chức đoàn tham gia Triển lãm Quốc tế Du lịch thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 5. Đây là sự kiện du lịch được tổ chức thường niên, nhằm mục đích tạo cơ hội để các doanh nghiệp du lịch trong và ngoài nước giới thiệu sản phẩm, đẩy mạnh hợp tác kinh doanh, mở rộng thị trường. Tham dự cùng Trung tâm có các doanh nghiệp du lịch lớn của tỉnh như: Khu nghỉ mát Ana Mandara, Khách sạn Novotel, Trung tâm Du lịch Suối khoáng nóng Tháp Bà, Hòn Tằm, Công ty TNHH Yến Sào Khánh Hòa... Trong thời gian triển lãm, gian hàng Du lịch Nha Trang - Khánh Hòa đã quảng bá hình ảnh đến các thị trường khách du lịch quốc tế là thị trường trọng điểm của du lịch Việt Nam và người dân thành phố Hồ Chí Minh - một thị trường nội địa lớn của du lịch Khánh Hòa.

Đồng thời, qua các buổi gặp gỡ với các hãng lữ hành quốc tế lớn, Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch đã cùng các doanh nghiệp giới thiệu điểm đến Nha Trang - Khánh Hòa cùng các sản phẩm du lịch đặc sắc đến 150 Khách hàng là các hãng lữ hành quốc tế lớn, các nhà báo đến từ các Tạp chí Du lịch quốc tế chuyên ngành. Cũng trong thời gian triển lãm, Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch đã phối hợp với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch TP. Hồ Chí Minh đưa đoàn Fam Trip với hơn 30 Khách hàng của các nước Úc, Campuchia, Thái Lan, Mã Lai, Mỹ, Đức... đến khảo sát các điểm du lịch tại Nha Trang – Khánh Hòa để nắm bắt thông tin nhiều hơn về sự phát triển của du lịch tại đây, giới thiệu cho họ các sản phẩm du lịch tốt tại các điểm đến.

Đây là một hình thức rất mới và tính hiệu quả lại rất cao, tiết kiệm được chi phí và nâng cao hiệu quả xúc tiến. Vì chỉ trong một thời gian ngắn, các doanh nghiệp đã có dịp tiếp xúc với rất nhiều đối tác để giới thiệu sản phẩm du lịch của đơn vị mình. Thời gian qua, Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch cũng đã tổ chức thành công nhiều đoàn Fam Trip đến Nha Trang như: Đoàn Fam Trip Nhật – Hàn, hoặc nhiều đoàn Fam Trip khác có sự tham gia của nhiều nhà báo quốc tế. Trong thời gian đến, Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch sẽ tiếp tục tổ chức các chương trình như thế này để xúc tiến quảng bá du lịch Nha Trang - Khánh Hòa.

Để thực hiện một trong những chính sách xúc tiến quảng bá, Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch Khánh Hòa chuẩn bị phối hợp với Tổng Công ty Cảng hàng không miền Trung để tổ chức hội nghị xúc tiến mở đường bay quốc tế đến Cảng Hàng không Cam Ranh nhằm giới thiệu tiềm năng phát triển của du lịch Khánh Hòa và bàn giải pháp cũng như các chính sách hỗ trợ... cho các hãng hàng không mở đường bay quốc tế đến Khánh Hòa – điều mà nhiều doanh nghiệp du lịch đã chờ đợi lâu nay.

Tỉnh đã xây dựng và đưa vào khai thác thành công website du lịch về Khánh Hòa; duy trì việc phát hành bản tin Du lịch – Thương mại; tổ chức các đợt khảo sát thực tế cùng với đài phát thanh – truyền hình Khánh Hòa để xây dựng chương trình du lịch giới thiệu trên sóng phát thanh và truyền hình địa phương và Trung ương.

Nhờ đó, năm 2006 công tác tuyên truyền quảng bá du lịch của tỉnh Khánh Hòa đến thị trường trong nước và ngoài nước đạt được nhiều thành tựu. Ngay từ đầu năm 2006, song song với việc thường xuyên giới thiệu tiềm năng, sản phẩm du lịch trên các phương tiện thông tin, chương trình phục vụ khách du lịch đã được các ngành, các doanh nghiệp trong tỉnh chuẩn bị khá chu đáo với nhiều nội dung đa dạng đầy ấn tượng, đặc biệt là sự kiện cuộc thi Hoa hậu Việt Nam năm 2006 được tổ chức tại khu nghỉ mát cao cấp Hòn Ngọc Việt. Tổ chức thành công Festival biển Nha Trang năm 2007, tổ chức các sự kiện lớn như Hoa hậu báo Tiền Phong, Hoa hậu thế giới người Việt, Hoa hậu Trái Đất kết hợp tổ chức cuộc thi thuyền buồm từ Hồng Kông và điểm đến là Nha Trang... và đặc biệt năm 2008 thành phố Nha Trang đăng cai tổ chức cuộc thi hoa hậu Hoàn Vũ nên Khánh Hòa sẽ đón lượng khách quốc tế rất lớn từ các nơi trên thế giới. Ngoài ra, tỉnh còn tích cực trong hoạt động tuyên truyền quảng bá cho hình ảnh và du lịch của thành phố Nha Trang, giới thiệu tiềm năng và phương hướng phát triển du lịch trong thời gian tới. Tuy nhiên, hoạt động xúc tiến quảng bá các sản phẩm du lịch ở địa phương ra thị trường thế giới, đặc biệt là với các nước phát triển mạnh chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, chưa được đầu tư đúng mức như các nước trong khu vực và chưa có tính chuyên nghiệp. [19, 106]

2.3.2. Chính sách cải thiện môi trường đầu tư

Trong giai đoạn 5 năm 2006-2010, UBND tỉnh Khánh Hòa đã đề ra nhiều giải pháp chỉ đạo quyết liệt, thực hiện Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mục tiêu đầu tiên xuyên suốt trong chỉ đạo thực hiện hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, là phải cải thiện môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, phát triển ổn định, góp phần tăng năng lực cạnh tranh của tỉnh Khánh Hòa. Tất cả tám nội dung hỗ trợ do UBND tỉnh Khánh Hòa nêu ra cho các ban, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai đều rất phù hợp, đáp ứng nguyện vọng của doanh nghiệp, trực tiếp đẩy lùi mọi sự ách tắc, trì trệ, khó khăn trước đây.

Về cải cách thủ tục hành chính, đến nay Khánh Hòa đã đồng loạt triển khai thống nhất quy chế một cửa tại các cơ quan hành chính ba cấp tỉnh, huyện và xã;

hiện tại đang đẩy mạnh triển khai chính sách một cửa liên thông tại cấp tỉnh trong các lĩnh vực liên quan đến nhiều ngành, như đất đai, thuế, hải quan, tư pháp, xây dựng... Thực hiện Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, Khánh Hòa đã cắt giảm khoảng 30%, tạo điều kiện cho doanh nghiệp vừa tiết kiệm được thời gian, chi phí quản lý, vừa có thêm niềm tin đối với cơ chế mới trong hoạt động của mình.

UBND tỉnh Khánh Hòa đã sớm triển khai các đề án xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo nghề, thể dục – thể thao, du lịch, lễ hội truyền thống... trong đó, đào tạo đội ngũ lao động bao gồm cả cán bộ công chức tỉnh, huyện, xã và công nhân chuyên nghiệp, đạt tiêu chuẩn quản lý, giám sát khi vào làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh được đặt lên hàng đầu, Kết quả, chỉ trong vòng bốn năm trở lại đây, Khánh Hòa đã tổ chức được 300 lớp đào tạo, tập huấn và 20 cuộc hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh, các ngành liên quan với cộng đồng doanh nghiệp, cùng nhau hiểu và thực hiện đúng các quy định chung của Nhà nước cũng như của tỉnh trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, thuế vụ, hải quan, đăng ký kinh doanh, cơ chế đầu tư, du lịch...

Đặc biệt, trong hai năm 2009-2010, Khánh Hòa xây dựng xong cổng thông tin điện tử có sự phối kết hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc cung cấp thông tin đã tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân và các tổ chức tiếp cận các nguồn thông tin kịp thời, chính xác, theo đó là đề xuất ý kiến xây dựng, bổ sung, chuẩn hóa thông tin (nếu có) lên cấp trên xem xét, bổ sung. Và, cũng từ ngày có cổng thông tin điện tử, chương trình đăng ký kinh doanh trực tuyến cũng được ra đời đã thực sự tạo mọi thuận lợi cho doanh nghiệp, tăng nhanh số lượng doanh nghiệp đăng ký mới thành lập (dự kiến năm 2010 là 1.200, trong khi bình quân các năm trước chỉ trên dưới 800 doanh nghiệp). Thành lập kiện toàn các tổ chức tư vấn, hỗ trợ phát triển mạng lưới doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn. Đó là các Trung tâm: xúc tiến đầu tư, thông tin và xúc tiến du lịch, khuyến công và xúc tiến thương mại, nghiên cứu công nghệ cao, khuyến nông – lâm – ngư... và các tổ chức Hiệp hội doanh nghiệp, văn phòng luật sư, tư vấn phát triển doanh nghiệp, Quỹ đầu tư và phát triển địa phương, Quỹ bảo lãnh tín dụng... giúp các Hợp tác xã cũng như các nghiệp nhỏ và vừa tiếp

cận nguồn vốn của các Tổ chức tín dụng, ngân hàng chính sách xã hội, ngân hàng phát triển đúng quy định Nhà nước ban hành một cách kịp thời, dễ dàng hơn...

Chính nhờ làm tốt các nội dung lớn nêu trên, môi trường kinh doanh phục vụ cho cộng đồng doanh nghiệp ở Khánh Hòa được cải thiện. Hiệu quả hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn ngày một cao, góp phần to lớn vào sự phát triển nhanh và ổn định của kinh tế tỉnh nhà. Điều này được chứng minh qua thước đo “chỉ số năng lực cạnh tranh” năm 2009 của Khánh Hòa đạt loại khá (58,66 điểm), cao nhất từ năm 2004 đến nay. [19, 106]

2.3.3. Chính sách hỗ trợ đầu tư

Thời gian qua, tỉnh Khánh Hoà đã có nhiều chính sách hỗ trợ đầu tư trong nước và nước ngoài như ban hành chính sách ưu đãi về thuế, về sử dụng đất đối với các doanh nghiệp ngoài các khu công nghiệp (theo Quyết định số 126 và 127/2004/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Khánh Hoà) và chính sách ưu đãi của tỉnh Khánh Hoà áp dụng cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà (theo Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Khánh Hoà). Do đó, cho đến nay tỉnh đã có 65 dự án đầu tư nước ngoài vào Khánh Hoà với tổng vốn đăng ký trên 505,86 triệu USD. Riêng khu công nghiệp Suối Dầu đã có 22 dự án đầu tư (13 dự án đầu tư nước ngoài và 09 dự án trong nước) với tổng vốn đăng ký là 55,477 triệu USD. Hiện nay, Khánh Hoà đang khẩn trương xây dựng các khu công nghiệp Ninh Thủy, Nam Cam Ranh, Bắc Cam Ranh, Vạn Ninh và các khu công nghiệp vừa và nhỏ Hòn Nghe, Đắc Lộc thuộc thành phố Nha Trang, Diên Phú thuộc huyện Diên Khánh.

2.3.2.1 Chính sách ưu đãi về thuế:

Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước (áp dụng Quyết định số 126 /2004/QĐ-UB ngày 10/5 /2004 của UBND tỉnh Khánh Hoà):

- Dự án thuộc Danh mục I và đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục III của Phụ lục kèm theo quy định này được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong 10 (mười) năm đầu kể từ khi nộp thuế.

- Dự án đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục III; hoặc dự án thuộc Danh mục I và đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục II của Phụ lục kèm theo quy định này được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong 5 (năm) năm đầu kể từ khi nộp thuế.

- Dự án đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục II của Phụ lục kèm theo quy định này được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong 3 (ba) năm đầu kể từ khi nộp thuế.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (áp dụng Quyết định số 127/2004/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Khánh Hoà):

- Dự án thuộc Danh mục I và đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục III của Phụ lục kèm theo quy định này được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong 10 (mười) năm đầu kể từ khi nộp thuế.

- Dự án đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục III; hoặc dự án thuộc Danh mục I và đầu tư vào địa bàn thuộc danh mục II của Phụ lục kèm theo quy định này được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong 5 (năm) năm đầu kể từ khi nộp thuế.

- Dự án đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục II của Phụ lục kèm theo quy định này được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong 3 (ba) năm đầu kể từ khi nộp thuế.

2.3.2.2 Chính sách ưu đãi về sử dụng đất:

Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước (áp dụng Quyết định số 126 /2004/QĐ-UB ngày 10/5 /2004 của UBND tỉnh Khánh Hoà):

a. Ưu đãi về tiền thuê đất:

- Dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (sau đây gọi là Danh mục III) của Phụ lục kèm theo quy định này được miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án.

- Dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư (sau đây gọi là Danh mục I) và đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (sau đây gọi là Danh mục II) của Phụ lục kèm theo quy định này được miễn tiền thuê đất 5 (năm) năm kể từ ngày phải nộp tiền thuê đất.

- Dự án đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục II của Phụ lục kèm theo quy định này được miễn tiền thuê đất 3 (ba) năm kể từ ngày phải nộp tiền thuê đất.

b. Ưu đãi về đền bù giải phóng mặt bằng:

UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng trong thời gian quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư.

c. Hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng: Doanh nghiệp chịu mọi chi phí thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định chung của Nhà nước. UBND tỉnh sẽ xem xét cho phép được khấu trừ một phần chi phí thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp đối với các dự án đầu tư cụ thể thuộc Danh mục I, nhưng không vượt quá tổng số tiền thuê đất phải nộp, mức hỗ trợ như sau:

- Mức 80% đối với các dự án đáp ứng một trong 3 điều kiện sau:

- Tổng vốn đầu tư từ 70,0 tỷ đồng trở lên
- Thuộc lĩnh vực công nghiệp phân mềm
- Thuộc lĩnh vực ngành nghề truyền thống.

- Mức 50% đối với các dự án có tổng vốn đầu tư từ 30,0 tỷ đồng đến dưới 70,0 tỷ đồng

- Không quá 30% đối với các dự án còn lại.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (áp dụng Quyết định số: 127/2004/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Khánh Hoà):

2.3.2.3 Các chính sách ưu đãi khác:

Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước (áp dụng Quyết định số 126/2004/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Khánh Hòa):

a. Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề: Doanh nghiệp được cung cấp lao động đã qua đào tạo nghề. Trường hợp doanh nghiệp tự đào tạo, tùy theo ngành nghề thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 1,0 triệu đồng cho một lao động địa phương.

b. Hỗ trợ khác:

- UBND tỉnh tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được ưu tiên vay vốn từ các nguồn vốn ưu đãi của Quỹ hỗ trợ phát triển và Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa.

- UBND tỉnh và các ngành tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tìm kiếm tiếp cận, khai thác mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (áp dụng Quyết định số 127/2004/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Khánh Hòa):

- Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề: Doanh nghiệp được cung cấp lao động đã qua đào tạo nghề. Trường hợp doanh nghiệp tự đào tạo, tùy theo ngành nghề thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 1,0 triệu đồng cho một lao động địa phương.

[19, 106]

2.3.4. Kết quả thu hút vốn FDI vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa

Hoạt động thu hút các nguồn đầu tư để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đã đạt được trong thời gian qua và được đánh giá là tích cực ở các mặt sau:

Trong những năm qua, mặc dù phải đối phó với nhiều khó khăn gay gắt, nhất là tác động của lạm phát toàn cầu, nhưng Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa đã không ngừng phát huy tinh thần tự lực, tự cường, chủ động sáng tạo, phấn đấu thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Sự nghiệp đổi mới ở địa phương tiếp tục phát triển và đạt nhiều thành tựu sâu sắc, toàn diện trên tất cả lĩnh vực đời sống xã hội: kinh tế liên tục tăng trưởng cao và ổn định; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ (6 tháng đầu năm 2008, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng

chiếm 44,74%, dịch vụ - du lịch chiếm 38,65% và nông - lâm - thủy sản chiếm 16,6%); GDP bình quân đầu người năm 2007 đạt 1.005 USD; thu hút vốn đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài, sau nhiều năm không đạt nay đã có chuyển biến mạnh, tổng vốn đầu tư nước ngoài đã đăng ký vượt ngưỡng 1 tỉ USD; một số chỉ tiêu quan trọng có khả năng đạt và vượt kế hoạch như: giá trị sản xuất dịch vụ - du lịch (năm 2007 đạt 5.988 tỉ đồng, tăng 13,9% so với năm 2006, bình quân hai năm là 15,3%), thu ngân sách (ước 6 tháng đầu năm 2008 đạt 2.496 tỉ đồng, tăng 32,17% so với cùng kỳ, dự kiến năm 2008 đạt 5.000 tỉ đồng)... Nửa nhiệm kỳ qua, tỉnh đã thu hút và cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký hơn 10.500 tỉ đồng, riêng khu kinh tế Vân Phong, thu hút được 73 dự án đầu tư (23 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, 50 dự án trong nước; 20 dự án đang hoạt động, 25 dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư) với tổng vốn đầu tư trên 23,3 tỉ USD; khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh có 32 nhà đầu tư đăng ký với tổng vốn 18.900 tỉ đồng. [19, 106]

Cùng với kinh tế, lĩnh vực văn hóa - xã hội được tỉnh chăm lo thường xuyên và có bước tiến bộ mới; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được đẩy mạnh; quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố, trật tự trị an được giữ vững; bộ mặt thành thị, nông thôn, hải đảo, miền núi có nhiều khởi sắc; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao... Trong 2 năm 2006 - 2007, toàn tỉnh giảm được 7,2% số hộ nghèo theo chuẩn quốc gia và 7,6% số hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh, đưa tỷ lệ hộ nghèo từ 15,32% giảm xuống còn 8,12% theo chuẩn quốc gia và từ 17,83% giảm xuống còn 10,23% theo chuẩn nghèo của tỉnh.

Trong chuyến về thăm và làm việc tại tỉnh vào tháng 07-2008, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã đánh giá cao những cố gắng lớn trên của địa phương và ghi nhận *"Khánh Hòa đã trở thành trung tâm kinh tế lớn của khu vực miền Trung và của cả nước"*.

Như vậy, tuy không phải là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nhưng với lợi thế so sánh và những thành tựu đạt được, Khánh Hòa đã từng bước trở thành một trọng điểm, một trung tâm phát triển ở khu vực Nam Trung Bộ

và Nam Tây Nguyên. Đây được xem là nền tảng cơ bản, vững chắc và tiền đề quan trọng để tỉnh tiếp tục đẩy nhanh tốc độ phát triển trong những năm tiếp theo.

Từ kết quả trên, Khánh Hòa rút ra được không ít bài học quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Trong đó, bài học quan trọng nhất là phải biết coi trọng công tác dự báo và đầu tư thỏa đáng cho việc nghiên cứu xây dựng các mục tiêu trong các chương trình hành động của Tỉnh ủy; tránh nóng vội, chủ quan, đưa ra các mục tiêu không phù hợp. Chương trình cần tập trung vào các mục tiêu chính, cụ thể, tránh dàn trải, gây khó khăn cho sự chỉ đạo, điều hành và không bảo đảm nguồn lực thực hiện.

Những thành quả đạt được tuy lớn, nhưng xét tổng thể vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương cũng như yêu cầu nhiệm vụ mới trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

- Trước hết, một số chỉ tiêu quan trọng về kinh tế - xã hội đạt thấp so với Nghị quyết đề ra như: tốc độ tăng trưởng GDP (bình quân hai năm đạt 10,7%), tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp (bình quân 2 năm tăng 14,25%), huy động vốn đầu tư toàn xã hội hai năm rưỡi mới đạt 38,8% (13.981/36.000 tỉ đồng), tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh tăng chậm (bình quân 2 năm tăng 1,8%, năm 2007 đạt 490 triệu USD), chỉ tiêu về chuẩn phổ cập bậc trung học chưa đạt nếu không có sự điều chỉnh tiêu chí đạt chuẩn, tỷ lệ số trạm y tế xã có bác sĩ mới đạt 58% (81/140 xã), việc triển khai thực hiện chủ trương xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và y tế còn rất chậm...

- Thứ hai, công tác xây dựng Đảng, nhất là Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" tuy đã đạt được một số kết quả đáng phấn khởi nhưng chưa tạo được phong trào tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội, một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức ở các cấp chưa có sự chuyên biến rõ nét, tinh thần trách nhiệm đối với công việc còn hạn chế, một số mặt công tác vẫn còn trì trệ.

Nhiệm vụ trong nửa nhiệm kỳ còn lại rất nặng nề, nhiều khó khăn, thách thức lớn đã và đang đòi hỏi sự nỗ lực và quyết tâm cao của toàn Đảng bộ và nhân dân

trong tỉnh. Thực hiện sự chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, hướng tới xây dựng Khánh Hòa thực sự trở thành trung tâm kinh tế, du lịch lớn của khu vực miền Trung và cả nước, Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh xác định: Từ nay đến hết nhiệm kỳ, toàn tỉnh tập trung thực hiện tốt 3 nhiệm vụ lớn: Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh. Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ đó, thời gian tới, tỉnh chú trọng thực hiện tốt một số giải pháp cụ thể sau:

- ❖ Tiếp tục thực hiện nhanh, mạnh, đồng bộ các giải pháp, biện pháp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp chủ lực của tỉnh đẩy mạnh sản xuất kinh doanh những mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tăng nhanh nhiều sản phẩm xã hội, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu về giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu, GDP. Đặc biệt, quan tâm đến các doanh nghiệp lớn và các ngành công nghiệp, như: Tổng Công ty Khánh Việt, ngành đóng tàu, chế biến thủy sản, các khu và cụm công nghiệp, kho xăng dầu ngoại quan...
- ❖ Đẩy mạnh xúc tiến thủ tục đầu tư một số dự án công trình lớn, mang tính đột phá trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế lâu dài của tỉnh. Trước mắt, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư lớn hoàn tất các thủ tục đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án lớn trên địa bàn tỉnh trong thời gian ngắn nhất, gồm: khởi công xây dựng cảng trung chuyển container quốc tế Vân Phong; nâng cấp sân bay Cam Ranh thành sân bay quốc tế; Nhà máy đóng tàu của Tập đoàn STX; các khu công nghiệp Nam và Bắc Cam Ranh; khu công nghiệp Ninh Thủy; các hồ chứa nước Đồng Điền, Sông Chò, Sông Cạn, Tà Rục...

Phối hợp triển khai nhanh các thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án lớn như: dự án Nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn Simutomo (Nhật Bản), với tổng vốn đầu tư 3,8 tỉ USD; dự án Nhà máy thép

liên hợp của Tập đoàn Posco (Hàn Quốc), với tổng vốn đầu tư 7,5 tỉ USD; dự án Tổ hợp lọc hóa dầu Petrolimex, tổng vốn đầu tư 7,5 tỉ USD... sớm được triển khai và đi vào sản xuất, tạo ra bước đột phá về tăng trưởng kinh tế.

Đối với khu kinh tế Vân Phong và khu vực kinh tế vịnh Cam Ranh, sẽ tập trung rà soát cụ thể các công trình đầu tư kết cấu hạ tầng cần được ưu tiên đầu tư, công trình nào của bộ, ngành Trung ương thì tích cực kiến nghị để được bố trí vốn, công trình nào của tỉnh thì chủ động xây dựng phương án huy động vốn đầu tư, như: huy động vốn đóng góp từ các nhà đầu tư, bố trí ngân sách nhà nước, vốn từ quỹ đất, theo hình thức BOT, BTO, BT, vay vốn nhân rồi từ kho bạc, xin chủ trương của Chính phủ để phát hành trái phiếu công trình.

❖ Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện kiểm chế lạm phát, ổn định nền kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Cụ thể:

- Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp để thúc đẩy sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu. Thực hiện nghiêm việc rà soát, cắt giảm các khoản chi cho các nhiệm vụ chưa thật cấp bách, dành nguồn lực để bảo đảm an sinh xã hội cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách...

- Kiên quyết rà soát, cắt giảm, đình hoãn những công trình, dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bằng nguồn vốn ngân sách nếu xét thấy chưa thật sự bức thiết; điều chuyển, tập trung vốn cho các công trình, dự án có hiệu quả, có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2008, 2009, 2010, đồng thời ưu tiên đầu tư thực hiện đề án kiên cố hóa trường lớp và nhà công vụ giai đoạn II (2008 - 2010); kế hoạch xây dựng bệnh viện huyện, khu vực, trạm y tế xã; chương trình xây dựng nhà ở xã hội; đẩy mạnh thực hiện các nội dung về lĩnh vực dạy nghề theo chương trình dạy nghề - giải quyết việc làm và giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010, trọng tâm là xây dựng ở mỗi huyện một trường trung cấp nghề. Phấn đấu đến năm 2010, hoàn thành mục tiêu của các đề án, chương trình này.

- Tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong xây dựng cơ bản, xây dựng các công trình, trong đó, tập trung khắc phục yếu kém trong công tác bồi thường giải tỏa, tái định cư; chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ

tục hành chính theo hướng gộp và làm song song các khâu của thủ tục xây dựng cơ bản; triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ứng trước tiền thuê đất gắn với cam kết tiến độ của các dự án đầu tư ngoài ngân sách, xóa dự án “treo”.

❖ Tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" với nhiệm vụ trọng tâm là chuyển từ "học tập" sang "làm theo" tấm gương đạo đức của Bác.

- Tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra định kỳ, đánh giá sự chuyển biến trong công việc; tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân; sự liêm chính trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức; tình hình xây dựng đoàn kết nội bộ cơ quan, đơn vị, gắn với kiểm tra việc thực hiện các quy định của Bộ Chính trị, chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Cuộc vận động, nhằm tạo ra chuyển biến thật sự trong cán bộ, đảng viên, nhất là trong giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân, trong cải cách thủ tục hành chính.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển Đảng, lập chi bộ đảng, nhất là ở những thôn, đơn vị, trường học chưa có tổ chức đảng và đảng viên, theo tinh thần Chỉ thị số 06 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phấn đấu đến năm 2009, 100% số xã có đảng bộ (hoàn thành trước 1 năm so với Nghị quyết); đến năm 2010, 100% số thôn, tổ dân phố có chi bộ, 100% cơ quan, đơn vị, trường học có chi bộ hoặc có đảng viên.

- Tích cực triển khai thực hiện công tác tạo nguồn cán bộ dự bị dài hạn theo tinh thần Chương trình số 07-CT/TU của Tỉnh ủy về đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ, công chức của tỉnh đến năm 2010 và xây dựng, tạo nguồn cán bộ sau năm 2010. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng mà tỉnh cần tập trung thực hiện tốt trong các năm tiếp theo, nhằm tiến tới xây dựng một đội ngũ cán bộ trẻ, có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Báo cáo đầu tư thế giới năm 2007 cũng chỉ ra rằng dòng vốn FDI trên thế giới đang có xu hướng tập trung vào lĩnh vực dịch vụ. Là một nước tiếp nhận đầu tư, Việt Nam có nhiều cơ hội để thu hút vốn FDI vào lĩnh vực này.

Việc mở cửa thị trường dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài sẽ tạo điều kiện đa dạng hoá và nâng cao chất lượng phát triển của các ngành dịch vụ, qua đó, góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo thêm giá trị gia tăng và nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam. Ngược lại, sự tăng trưởng và phát triển của các ngành dịch vụ cũng tạo điều kiện để Việt Nam tăng sức hấp dẫn và cạnh tranh thu hút FDI vào các ngành kinh tế khác.

Trong xu thế vốn đầu tư nước ngoài đổ vào Việt Nam ngày càng nhiều, dòng vốn đang có sự chuyển dịch cơ cấu “chảy” mạnh vào lĩnh vực dịch vụ, chiếm 47,7% tổng vốn đăng ký của cả nước trong năm 2007 vừa qua, trong đó tập trung chủ yếu vào kinh doanh bất động sản, bao gồm: xây dựng căn hộ, văn phòng, phát triển khu đô thị mới, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (42% tổng vốn đầu tư nước ngoài trong khu vực dịch vụ), du lịch-khách sạn (24%), giao thông vận tải-bưu điện (18%).

Trong số các ngành dịch vụ, lĩnh vực dịch vụ du lịch đang nổi lên là điểm sáng đáng chú ý của nền kinh tế Việt Nam với số lượng các dự án lớn đang tìm hiểu và xúc tiến đầu tư tăng mạnh.

Chỉ tính riêng năm 2007, số liệu thống kê của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch cho thấy: ngành du lịch Việt Nam đã thu hút 47 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký lên đến trên 1,86 tỷ USD, tăng 19,57% so với năm 2006.

Ngày 14/01/2008, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong đã chính thức trao Giấy chứng nhận đầu tư Dự án “Khu du lịch sinh thái biển và giải trí cao cấp Hòn Ngang” - Bãi Cát Thắm cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch T&M Vân Phong thuộc tập đoàn T&M Trans (Ukraina). Đây là dự án du lịch lớn nhất hiện nay tại Vân Phong với hơn 295 ha mặt đất và hơn 160 ha mặt nước, tổng vốn đầu tư 3.742 tỉ đồng, được thực hiện từ nay đến năm 2018.

Nhận định về sự tăng tốc của các doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực này, ông Hồ Việt Hà, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch cho rằng, đây là kết quả của việc mở cửa theo lộ trình Việt Nam gia nhập WTO.

Bảng 2.4: Đóng góp của ngành du lịch vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2003 – 2009

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
1. Tổng sản phẩm du lịch	Triệu đồng	442.956	510.000	479.261	574.711	673.528	838.233	953.282
2. Tổng sản toàn tỉnh	Triệu đồng	7.285.371	8.931.193	9.737.436	11.460.703	13.397.489	15.608.412	18.184.200
3. Tỷ trọng GDP Du lịch/ tỉnh	(%)	6,08	5,71	4,92	5,01	5,03	5,37	5,24
4. Số thu NSNN du lịch	Triệu đồng	186.570	209.650	262.400	334.840	371.700	427.455	504.545
5. Số thu NSNN tỉnh	Triệu đồng	2.096.456	2.624.045	3.348.418	4.111.578	4.001.534	4.084.576	4.126.740

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
6. Tỷ trọng NSNN Du lịch/ tỉnh	(%)	8,90	7,99	7,84	8,14	9,29	10,47	12,23
7. Số lao động	Người	2.850	3.800	4.354	4.660	5.200	6.032	6.920

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa (2010), Niên giám thống kê Khánh Hòa 2009)

Trước đây, nhiều ngành dịch vụ du lịch được coi là “kín cổng, cao tường” thì nay đã có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Nhưng nguyên nhân quan trọng hơn, theo ông Hà, là “sức hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam với sự ổn định cao về chính trị và những ưu đãi đối với nhà đầu tư”.

Đóng góp vào tăng trưởng, phát triển ngành Du lịch: Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Khánh Hòa luôn ổn định và ở mức cao trong cả nước. Không chỉ tổng thể nền kinh tế Khánh Hòa phát triển mà các lĩnh vực trong nền kinh tế cũng đảm bảo tăng trưởng tốt, trong đó không thể không kể đến sự đóng góp của ngành du lịch Khánh Hòa. Kết quả tổng sản phẩm được tạo ra trong ngành du lịch tăng đều qua các năm với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2003 – 2009 là 13,1%/năm. Tuy nhiên, so với tổng sản phẩm được tạo ra từ các ngành trong toàn tỉnh thì tổng sản phẩm ngành du lịch chỉ chiếm bình quân hơn 5,3%. Năm 2003 tỷ lệ đóng góp vào GDP của tỉnh cao nhất cũng đạt 6,08% và năm 2005 tỷ lệ đóng góp vào GDP của tỉnh thấp nhất là 4,92%. Điều này được thể hiện trong Bảng 2.4 cho thấy việc đóng góp tổng sản phẩm của ngành du lịch vào sự tăng trưởng GDP chung của toàn tỉnh trong những năm qua là chưa cao, chưa tương

xứng với lợi thế du lịch ở địa phương. Do đó, tỉnh Khánh Hòa cần tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư nhiều hơn nữa để tăng tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư vào ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.. [19, 106]

- Tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Khánh Hòa: Hoạt động đầu tư có vai trò quan trọng đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Năm 2002, cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa là dịch vụ, du lịch - công nghiệp, xây dựng - nông lâm nghiệp, nhưng đến năm 2009 thì tỷ trọng dịch vụ, du lịch tăng lên đáng kể và cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng công nghiệp, xây dựng - dịch vụ, du lịch - nông lâm nghiệp. Biến động cơ cấu ngành kinh tế này được thể hiện qua Bảng 2.5:

Bảng 2.5: Cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2002 - 2009

Ngành nghề	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Công nghiệp, xây dựng (%)	35,31	37,40	38,60	39,26	40,65	41,58	41,54	42,38
Du lịch, Dịch vụ (%)	37,82	38,20	39,50	39,48	40,13	40,50	40,05	41,47
Nông,Lâm, Thủy sản	26,87	24,40	21,90	21,26	19,22	17,92	18,41	16,15
Tổng cơ cấu (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa (2010), Niên giám thống kê Khánh Hòa 2009)

Từ Bảng 2.5 cho thấy chiều hướng tích cực rõ nét có thể ghi nhận ở đây là tỷ trọng của ngành nông lâm nghiệp đã giảm đáng kể, từ 26,87% trong năm 2002 xuống còn 16,15% năm 2009. Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế năm 2009 chỉ tạm thời bởi vì đầu tư của Khánh Hòa đang trong giai đoạn đầu tư tập trung nhiều vào dịch vụ - du lịch. Ngành công nghiệp vẫn đang được tỉnh đầu tư phát triển, tuy nhiên ngành công nghiệp Khánh Hòa không có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển như ngành du lịch. Trong những năm gần đây, mặc dù các dự án lớn của ngành du lịch chưa đưa vào sử dụng khai thác, nhưng tốc độ phát triển của ngành du lịch - dịch vụ vẫn gần tương đương với ngành công nghiệp. Do đó, nếu các dự án lớn của ngành du lịch hoàn thành và đưa vào sử dụng thì tốc độ phát triển của ngành du lịch sẽ cao hơn ngành công nghiệp, dẫn đến sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế sẽ là dịch vụ, du lịch

- công nghiệp, xây dựng - nông lâm nghiệp. Chính yếu tố thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch đã góp phần tạo ra sự chuyển dịch tỷ trọng của ngành dịch vụ - du lịch. Như vậy, ngành du lịch trong thời gian qua đã đóng góp một phần làm chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng của ngành dịch vụ - du lịch, và đây cũng là một sự dịch chuyển hợp lý.

- Tác động đến tăng thu ngân sách của tỉnh Khánh Hòa: Thuế và các khoản phải nộp cho NSNN từ ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2003 – 2009 có xu hướng tăng qua các năm. Nếu như năm 2003 tổng số nộp ngân sách đạt 168.750 triệu đồng thì đến năm 2009 ước tính nộp ngân sách đạt 504.545 triệu đồng. Như vậy, tốc độ tăng các khoản nộp ngân sách bình quân trên 18% mỗi năm. Mặc dù tốc độ đóng góp ngân sách có tăng qua các năm, nhưng so với tổng thu ngân sách toàn tỉnh thì tỷ lệ đóng góp của ngành du lịch Khánh Hòa vẫn còn thấp, bình quân chiếm tỷ trọng hơn 9,27%. Với tỷ lệ đóng góp này có thể thấy mức đóng góp vào ngân sách của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong những năm vừa qua chưa tương xứng với ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Sở dĩ ngành du lịch có mức đóng góp vào ngân sách trong những năm qua còn khá khiêm tốn là do:

+ Phần lớn các dự án (đặc biệt là các dự án có qui mô lớn) đang trong giai đoạn triển khai xây dựng cơ bản hoặc chỉ mới bắt đầu đi vào hoạt động nên sản phẩm cung cấp còn ít và chưa tạo nguồn thu lớn cho tỉnh.

+Đối với những dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh thì trong giai đoạn đầu còn nhiều khó khăn, phát sinh nhiều chi phí, chưa có lãi. Hơn nữa các dự án mới đầu tư thành lập được hưởng chính sách miễn giảm thuế liên tục từ 1 – 3 năm.

- Đóng góp vào việc giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương: Theo thống kê của sở Thương mại – Du lịch Khánh Hòa, tổng số lao động làm trong ngành du lịch tính đến 31/12/2009 là 6.920 người, so với năm 2008 tăng 888 người hay tăng 14,72%. Nếu so với năm 2003 thì số lao động đã tăng hơn 2,4 lần. Trong đó, số lao động tăng mạnh nhất vào năm 2004 là 950 người, so với năm 2003 tăng 33,33%. Ngành du lịch trong những năm qua đã tích cực tạo thêm công ăn việc làm

cho nhiều lao động tại địa phương. Tuy nhiên, theo đánh giá của chúng thì lực lượng lao động trong ngành vẫn còn thiếu nhiều, đặc biệt là lao động có tay nghề cao. [20, 106]

- Góp phần đẩy nhanh cải cách thủ tục hành chính: Cải cách hành chính nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính và nâng cao tính minh bạch, công khai về các chủ trương, chính sách để cho các nhà đầu tư dễ dàng tìm hiểu trong quyết định đầu tư của mình. Cơ chế hành chính của tỉnh đã được thực hiện như sau: Tất cả các nội dung có liên quan đến thủ tục thành lập, triển khai thực hiện dự án được tập trung giải quyết theo cơ chế “một cửa”. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước giải quyết hoặc phối hợp các ban ngành để giải quyết và tham mưu cho UBND tỉnh quyết định đối với các dự án đầu tư trong và ngoài nước nằm ngoài các khu công nghiệp và khu kinh tế. Còn các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế do Ban quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế làm đầu mối. Chính vì thế mà thời gian cấp phép đầu tư được rút ngắn xuống đáng kể.

Tóm lại: Các doanh nghiệp trong ngành du lịch trong những năm qua ít nhiều đã có đóng góp nhất định đến sự phát triển kinh tế – xã hội chung của tỉnh. Khi nói đến Khánh Hòa, người ta nghĩ ngay đến ngành du lịch sẽ có mức đóng góp vào GDP, NSNN... cao nhất tỉnh. Tuy nhiên, mức đóng góp của ngành du lịch trong GDP và NSNN trong những năm vẫn còn thấp (dẫn đầu đóng góp vào ngân sách của tỉnh là ngành công nghiệp), chưa tương xứng với tiềm năng du lịch của địa phương.

2.3.4.1. Kết quả thu hút FDI trong ngành du lịch

Kết quả thu hút dự án đầu tư FDI vào ngành du lịch trong những năm gần đây có bước phát triển rất khích lệ. Số dự án đầu tư tăng liên tục qua các năm, đến cuối năm 2009 tổng số dự án đầu tư 931 dự án, so với cuối năm 2006 thì số dự án tăng thêm là 340 dự án, hay tăng 57,53%, tốc độ tăng dự án bình quân trong giai đoạn này là 16,36%. Điều này được thể hiện thông qua bảng 2.6 như sau:

Bảng 2.6: Số dự án đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2006 -2009

STT	Thành phần kinh tế	Đến 31/12/2006	Đến 31/12/2007	Đến 31/12/2008	Đến 31/12/2009
1	Doanh nghiệp Nhà nước	23	26	36	32
2	Doanh nghiệp có Vốn Đầu tư nước ngoài (FDI)	05	07	09	09
3	Công ty Cổ phần	65	75	88	95
4	Công ty TNHH	175	230	274	314
5	Chi nhánh các công ty	26	42	49	63
6	Doanh nghiệp tư nhân	280	355	355	401
7	Các Đơn vị, tổ chức khác	17	17	17	17
Tổng số:		591	752	828	931
Số Dự án tăng thêm:		-	161	76	103
Tốc độ tăng trưởng (%):		-	27,24	10,11	12,44

(Nguồn: Tổng hợp từ Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa)

Từ Bảng 2.6 cho thấy, đến cuối năm 2008 trên địa bàn Khánh Hòa có 828 đơn vị đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, trong đó có 36 doanh nghiệp nhà nước, 09 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, 49 chi nhánh công ty trong nước, 88 công ty cổ phần, 274 công ty trách nhiệm hữu hạn, 355 doanh nghiệp tư nhân và 17 đơn vị, tổ chức khác tham gia kinh doanh du lịch. Như vậy, so với năm 2007 thì trong năm 2008 số dự án tăng thêm là 76 dự án, tương ứng với tốc độ tăng là 10,11%. Sang năm 2009, số dự án tiếp tục tăng mạnh (tăng 103 dự án), làm cho số dự án đầu tư vào du lịch tính lũy kế dự kiến đến 31/12/2009 là 931 dự án. Tuy nhiên, thành phần kinh tế của dự án đã thay đổi đáng kể so với năm 2008. Cụ thể là số doanh nghiệp nhà nước giảm 4 doanh nghiệp và chỉ còn 32 doanh nghiệp là do các doanh nghiệp này tiến hành cổ phần hóa; còn các doanh nghiệp thuộc các thành phần khác như Công ty cổ phần, công ty TNHH, các chi nhánh của các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh, đặc biệt là doanh nghiệp

tư nhân có số doanh nghiệp tăng nhiều nhất (46 doanh nghiệp); Riêng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong năm 2009 không tăng.

2.3.4.2 Tác động của vốn FDI với phát triển ngành du lịch và kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Khánh Hòa luôn ổn định và ở mức cao, trong đó có sự đóng góp của ngành du lịch. Rõ ràng ở đây có mối quan hệ chặt chẽ giữa mức tăng trưởng cao của nền kinh tế và những nỗ lực vượt bậc trong việc gia tăng vốn đầu tư trên cơ sở huy động từ nhiều vốn khác nhau, trong đó có phần đóng góp từ nguồn vốn đầu tư cho ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, trong thời gian qua, ngành du lịch đã có những đóng góp quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu NSNN... của tỉnh nhà.

Bảng 2.7 Đóng góp tổng sản phẩm của ngành du lịch vào tổng sản phẩm của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2003 – 2009

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
1. Tổng sản phẩm du lịch	Triệu đồng	442.956	510.000	479.261	574.711	673.528	838.233	953.282
2. Tổng sản toàn tỉnh	Triệu đồng	7.285.371	8.931.193	9.737.436	11.460.703	13.397.489	15.608.412	18.184.200
3. Tỷ trọng GDP Du lịch/ tỉnh	(%)	6,08	5,71	4,92	5,01	5,03	5,37	5,24

4.Số thu NSNN du lịch	Triệu đồng	186.570	209.650	262.400	334.840	371.700	427.455	504.545
5.Số thu NSNN tỉnh	Triệu đồng	2.096.456	2.624.045	3.348.418	4.111.578	4.001.534	4.084.576	4.126.740
6.Tỷ trọng NSNN Du lịch/ tỉnh	(%)	8,90	7,99	7,84	8,14	9,29	10,47	12,23
7. Số lao động	Người	2.850	3.800	4.354	4.660	5.200	6.032	6.920

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa (2010), Niên giám thống kê Khánh Hòa 2009)

- Đóng góp vào tăng trưởng và phát triển ngành du lịch: Ngành Du lịch cũng như một số ngành kinh doanh khác cũng cần vốn đầu tư nước ngoài, và khi ít có những rào cản cụ thể, những cải cách tiến bộ trong gây tác động đến FDI trong lĩnh vực này (như quyền thành lập, quản lý kinh tế vĩ mô, can thiệp về hành chính, tính minh bạch, xử lý lợi nhuận để lại...) lại có tiềm năng cải thiện đáng kể triển vọng toàn ngành trong tương lai. Những tác động tích cực có thể xảy ra đối với những lĩnh vực sau:

Đầu tư vốn:

Thiếu vốn thường xuyên và thiếu phương tiện kỹ thuật hiện đại hiện đại là một thách thức lớn đối với sự phát triển của ngành kinh doanh nói chung và của ngành du lịch nói riêng. Do đó, mức vốn đầu tư thấp sẽ ảnh hưởng đến tiềm năng vốn có của ngành.

Lao động: Đa số lực lượng lao động thiếu kỹ năng do trình độ công nghệ lạc hậu và chưa được đào tạo đúng mực và do yếu kém trong quản lý ở nhiều

doanh nghiệp. *Thiết lập quan hệ đối tác với các nhà đầu tư nước ngoài có thể là một giải pháp để giúp nâng cao kỹ năng mà ngành này đòi hỏi.*

Tích cực đào tạo nhân viên là rất cần thiết nếu Việt Nam muốn đạt được trình độ quản lý tốt như các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tiếp cận cơ sở hạ tầng cơ bản: Những cơ hội hợp tác mang lại lợi ích cho cả hai bên giữa các nhà đầu tư nước ngoài và DNNN vẫn còn rất nhiều, và thiết lập quan hệ đối tác với một doanh nghiệp nhà nước có thể mang lại lợi ích chiến lược cho nhà đầu tư nước ngoài.

- Tác động đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Khánh Hòa: Hoạt động đầu tư có vai trò quan trọng đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Khánh Hòa. Năm 2002, cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa là dịch vụ, du lịch - công nghiệp, xây dựng - nông lâm nghiệp, nhưng đến năm 2009 thì tỷ trọng dịch vụ, du lịch tăng lên đáng kể và cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng công nghiệp, xây dựng - dịch vụ, du lịch - nông lâm nghiệp. Biến động cơ cấu ngành kinh tế này được thể hiện qua Bảng 2.9 như sau:

Bảng 2.8: Tăng trưởng kinh tế của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2002 - 2009

Ngành nghề	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Công nghiệp, Xây dựng (%)	35,31	37,40	38,60	39,26	40,65	41,58	41,54	42,38
Du lịch, Dịch vụ (%)	37,82	38,20	39,50	39,48	40,13	40,50	40,05	41,47
Nông,Lâm, Thủy sản	26,87	24,40	21,90	21,26	19,22	17,92	18,41	16,15
Tổng cơ cấu (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa (2010), Niên giám thống kê Khánh Hòa 2009)

Từ Bảng 2.8 cho thấy chiều hướng tích cực rõ nét có thể ghi nhận ở đây là tỷ trọng của ngành nông lâm nghiệp đã giảm đáng kể, từ 26,87% trong năm 2002 xuống còn 16,15% năm 2009. Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế năm 2009 chỉ tạm thời bởi vì đầu tư của Khánh Hòa đang trong giai đoạn đầu tư tập trung nhiều vào dịch vụ - du lịch. Ngành công nghiệp vẫn đang được tỉnh đầu tư phát triển, tuy nhiên ngành công nghiệp Khánh Hòa không có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển như ngành

du lịch. Trong những năm gần đây, mặc dù các dự án lớn của ngành du lịch chưa đưa vào sử dụng khai thác, nhưng tốc độ phát triển của ngành du lịch - dịch vụ vẫn gần tương đương với ngành công nghiệp. Do đó, nếu các dự án lớn của ngành du lịch hoàn thành và đưa vào sử dụng thì tốc độ phát triển của ngành du lịch sẽ cao hơn ngành công nghiệp, dẫn đến sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế sẽ là dịch vụ, du lịch - công nghiệp, xây dựng - nông lâm nghiệp. Chính yếu tố thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch đã góp phần tạo ra sự chuyển dịch tỷ trọng của ngành dịch vụ - du lịch. Như vậy, ngành du lịch trong thời gian qua đã đóng góp một phần làm chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng của ngành dịch vụ - du lịch, và đây cũng là một sự dịch chuyển hợp lý. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Khánh Hòa luôn ổn định và ở mức cao trong cả nước. Không chỉ tổng thể nền kinh tế Khánh Hòa phát triển mà các lĩnh vực trong nền kinh tế cũng đảm bảo tăng trưởng tốt, trong đó không thể không kể đến sự đóng góp của ngành du lịch Khánh Hòa. Kết quả tổng sản phẩm được tạo ra trong ngành du lịch tăng đều qua các năm với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2003 – 2009 là 13,1%/năm. Tuy nhiên, so với tổng sản phẩm được tạo ra từ các ngành trong toàn tỉnh thì tổng sản phẩm ngành du lịch chỉ chiếm bình quân hơn 5,3%. Năm 2003 tỷ lệ đóng góp vào GDP của tỉnh cao nhất cũng đạt 6,08% và năm 2005 tỷ lệ đóng góp vào GDP của tỉnh thấp nhất là 4,92%. Điều này được thể hiện trong Bảng 2.7 cho thấy việc đóng góp tổng sản phẩm của ngành du lịch vào sự tăng trưởng GDP chung của toàn tỉnh trong những năm qua là chưa cao, chưa tương xứng với lợi thế du lịch ở địa phương. Do đó, tỉnh Khánh Hòa cần tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư nhiều hơn nữa để tăng tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư vào ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Khánh Hòa: Nếu mức tăng GDP bình quân hằng năm của Khánh Hòa giai đoạn 1991-1995 là 6%; giai đoạn 1996-2000 là 8,2% thì đến giai đoạn 2001-2010 mức tăng trưởng dự kiến sẽ là 10,8%. Cơ cấu kinh tế của Khánh Hòa đã có sự chuyển dịch theo hướng hiện đại. Tỷ trọng dịch vụ - du lịch, công nghiệp - xây dựng tăng; nông nghiệp giảm. Đến hết

năm 2009, tỷ trọng dịch vụ - du lịch chiếm 43,32% trong cơ cấu kinh tế; công nghiệp - xây dựng chiếm 41,71%; nông nghiệp 14,97%. Trong quá trình phát triển, tỷ trọng dịch vụ - du lịch trong cơ cấu kinh tế tăng khá nhanh, với mức tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hằng năm khoảng 16,3%. Nhiều ngành dịch vụ, như hoạt động trung chuyển xăng, dầu, đã có đóng góp khá lớn vào GDP của Khánh Hòa. Năng lực về cơ sở vật chất, dịch vụ của ngành du lịch đang có bước phát triển mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng. Công nghiệp tăng trưởng bình quân hằng năm ở mức 12,4%, bước đầu đã hình thành một số ngành kinh tế mũi nhọn như: Đóng tàu, chế biến, xuất khẩu thủy sản... Trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi, diện tích, số lượng cây, con có giá trị kinh tế cao đang được nâng lên. Điều đáng lưu ý là tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế tuy giảm nhưng chất lượng tăng trưởng liên tục tăng lên nhờ được chú trọng đầu tư nhiều mặt. Quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn đã có sự tăng tốc; tốc độ đô thị hóa nông thôn diễn ra nhanh hơn trước thông qua việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội lớn của tỉnh như: Giao thông nông thôn; điện nông thôn; kiên cố hóa kênh mương... Cơ cấu lao động nông thôn, theo đó, cũng đang chuyển biến theo hướng giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động dịch vụ, công nghiệp, lao động trình độ kỹ thuật, lao động được đào tạo. Dịch vụ - du lịch đang vươn lên dẫn đầu trong cơ cấu kinh tế của Khánh Hòa. Xét ra, một trong những yếu tố khá quan trọng làm tăng nhanh tỷ trọng ngành dịch vụ là hoạt động chuyển tiếp xăng, dầu trên vịnh Vân Phong. Chỉ tính riêng trong năm 2009, mức thu từ hoạt động chuyển tiếp xăng, dầu ở đây đạt hơn 1.800 tỷ đồng. Nguồn thu này không chỉ góp phần làm tăng GDP của tỉnh mà còn làm tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu kinh tế địa phương. Tuy nhiên, qua đây, có thể thấy, nếu không tính sự đóng góp của nguồn thu từ chuyển tiếp xăng, dầu, tỷ trọng ngành dịch vụ trong tổng sản phẩm của tỉnh còn thấp. Cũng qua đây cho thấy, sự tăng trưởng của ngành dịch vụ ở Khánh Hòa còn lệ thuộc khá nặng vào nhiều yếu tố từ bên ngoài. Do vậy, sự phát triển bền vững của ngành dịch vụ ở Khánh Hòa đang là vấn đề được đặt ra. Tuy được xếp sau dịch vụ - du lịch, nhưng xét về mức thu nộp ngân sách, công nghiệp - xây dựng lại chiếm vị trí quan trọng. Tuy nhiên hiện

nay, tốc độ phát triển, tỷ trọng công nghiệp trong GDP cũng như mức thu nộp ngân sách của ngành vẫn phải trông chờ vào một số ngành sản xuất truyền thống như thuốc lá, bia..., điều mà các nhà nghiên cứu kinh tế gọi là tăng trưởng dựa vào yếu tố bề rộng. Có thể nói, so với yêu cầu đặt ra, tốc độ và chất lượng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Khánh Hòa chưa như mong muốn, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Cả dịch vụ - du lịch lẫn công nghiệp - xây dựng vẫn còn nhiều hạn chế, cần sớm được khắc phục để trở thành những lĩnh vực mang tính chất đầu tàu trong phát triển kinh tế địa phương. Vậy thì đặt dịch vụ - du lịch lên trước hay là đặt công nghiệp - xây dựng lên trước trong cơ cấu kinh tế của Khánh Hòa? Câu hỏi này đang là mối quan tâm của nhiều người. Bởi, có xác định được cụ thể mới có thể xây dựng những chiến lược tập trung đầu tư đúng mức, hiệu quả. Nhiều ý kiến cho rằng nên đặt song song. Điều quan trọng là trong quá trình phát triển, ở mỗi ngành, Khánh Hòa cần chọn ra những lĩnh vực mũi nhọn, những dự án trọng điểm để ưu tiên tập trung đầu tư, tránh dàn trải. Cùng với đó là việc xác định các giải pháp thúc đẩy nâng cao chất lượng tăng trưởng trong phát triển công nghiệp và dịch vụ; chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang dịch vụ và công nghiệp...

- Tác động đến tăng thu ngân sách của tỉnh Khánh Hòa: Thuế và các khoản phải nộp cho NSNN từ ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2003 – 2009 có xu hướng tăng qua các năm. Nếu như năm 2003 tổng số nộp ngân sách đạt 168.750 triệu đồng thì đến năm 2009 ước tính nộp ngân sách đạt 504.545 triệu đồng. Như vậy, tốc độ tăng các khoản nộp ngân sách bình quân trên 18% mỗi năm. Mặc dù tốc độ đóng góp ngân sách có tăng qua các năm, nhưng so với tổng thu ngân sách toàn tỉnh thì tỷ lệ đóng góp của ngành du lịch Khánh Hòa vẫn còn thấp, bình quân chiếm tỷ trọng hơn 9,27%. Với tỷ lệ đóng góp này có thể thấy mức đóng góp vào ngân sách của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong những năm vừa qua chưa tương xứng với ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh - Bảng 2.4 (đã nêu: Trang 66).

Sở dĩ ngành du lịch có mức đóng góp vào ngân sách trong những năm qua còn khá khiêm tốn là do:

+ Phần lớn các dự án (đặc biệt là các dự án có qui mô lớn) đang trong giai đoạn triển khai xây dựng cơ bản hoặc chỉ mới bắt đầu đi vào hoạt động nên sản phẩm cung cấp còn ít và chưa tạo nguồn thu lớn cho tỉnh.

+ Đối với những dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh thì trong giai đoạn đầu còn nhiều khó khăn, phát sinh nhiều chi phí, chưa có lãi. Hơn nữa các dự án mới đầu tư thành lập được hưởng chính sách miễn giảm thuế liên tục từ 1 – 3 năm.

- Đóng góp vào việc giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương: Theo thống kê của sở Thương mại – Du lịch Khánh Hòa, tổng số lao động làm trong ngành du lịch tính đến 31/12/2009 là 6.920 người, so với năm 2008 tăng 888 người hay tăng 14,72%. Nếu so với năm 2003 thì số lao động đã tăng hơn 2,4 lần. Trong đó, số lao động tăng mạnh nhất vào năm 2004 là 950 người, so với năm 2003 tăng 33,33%. Như vậy, ngành du lịch trong những năm qua đã tích cực tạo thêm công ăn việc làm cho nhiều lao động tại địa phương. Tuy nhiên, theo đánh giá của chúng thì lực lượng lao động trong ngành vẫn còn thiếu nhiều, đặc biệt là lao động có tay nghề cao (Bảng 2.7)

2.4 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

Qua phân tích tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để phát triển ngành du lịch Khánh Hòa trong giai đoạn 2003 – 2009 có thể rút ra một số nhận xét sau:

2.4.1 Những thành công

Hoạt động thu hút các nguồn đầu tư để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong thời gian qua được đánh giá là tích cực ở các mặt sau:

- Công tác thu hút các nguồn FDI phục vụ đầu tư phát triển du lịch trong những năm qua còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, đã tạo được sự phát triển cho ngành

du lịch của địa phương và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tiến bộ.

- Các kênh huy động vốn từng bước được đa dạng hóa. Trong những năm trước đây nguồn vốn đầu tư cho ngành du lịch chủ yếu là từ ngân sách và các doanh nghiệp nhà nước trong ngành, thì đến nay việc huy động vốn qua kênh tín dụng, doanh nghiệp tư nhân, cá nhân trong và ngoài tỉnh, nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài ngày càng chiếm tỷ trọng lớn và đóng vai trò quan trọng trong đầu tư phát triển du lịch ở địa phương.

- Công tác thu ngân sách địa phương đạt được một số kết quả nhất định, thu vào ngân sách năm sau đều cao hơn năm trước, tốc độ tăng thu ngân sách bình quân trong giai đoạn 2003 – 2009 trên 18%/năm. Cơ cấu chi ngân sách ngày càng hợp lý hơn thể hiện chi cho đầu tư phát triển và chi sự nghiệp kinh tế ngày càng chiếm tỷ trọng cao. Chi đầu tư phát triển đã có sự tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, tập trung phục vụ các công trình kinh tế trọng điểm của ngành nhằm tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Ngoài ra, để đạt được những kết quả về thu hút đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa như đã phân tích ở trên, trong thời gian qua, tỉnh Khánh Hòa đã có nhiều cố gắng cải thiện môi trường đầu tư để tăng tính hấp dẫn của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa bằng một loạt các biện pháp sau:

+ Năm 2009, tỉnh Khánh Hòa đã hoàn thành “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020” để làm định hướng cho việc kêu gọi đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa. Bên cạnh đó, nguồn vốn ngân sách Nhà nước tập trung ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch mà không đầu tư vào doanh nghiệp kinh doanh, nhằm tạo cho môi trường đầu tư được hấp dẫn hơn trong thu hút đầu tư vào ngành du lịch.

+ Thành lập Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư du lịch trực thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa, là cơ quan hỗ trợ các nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch trong giai đoạn đầu để tìm hiểu về môi trường đầu tư trước khi quyết định đầu tư. UBND Tỉnh thường xuyên quan tâm đến ý kiến của các doanh nghiệp trên cơ sở tổ chức

đôi thoại trực tiếp. Bên cạnh đó, tỉnh còn quan tâm đến việc nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến của tỉnh Khánh Hòa để đẩy mạnh xúc tiến đầu tư trong quá trình tiếp xúc với các doanh nhân nước ngoài.

+ Tiếp tục cải cách hành chính của tỉnh Khánh Hòa nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao tính minh bạch, công khai về chủ trương chính sách, làm cơ sở cho các nhà đầu tư khi quyết định đầu tư. [24, 106]

2.4.2. Những tồn tại trong thu hút vốn FDI và nguyên nhân

Bên cạnh những mặt tích cực, vẫn có một số điểm tồn tại cần được giải quyết nhằm gia tăng nguồn vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong thời gian tới, đó là:

- Lượng vốn đầu tư cho ngành du lịch trong thời gian qua có tăng nhưng chưa đều qua các năm, nguồn vốn gia tăng chủ yếu là khu vực doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài tỉnh, và thật sự lượng vốn này chưa đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng tăng của ngành du lịch. Các kênh huy động vốn khác tăng chậm hoặc giảm sút như nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Một số kênh huy động vốn khác chưa được tỉnh quan tâm như thị trường cho thuê tài chính, thị trường trái phiếu, nguồn vốn mạo hiểm... Công tác cổ phần hóa DNNN còn chậm, một số doanh nghiệp du lịch đã cổ phần hóa chưa đủ điều kiện để tham gia thị trường chứng khoán, do đó lượng vốn huy động qua cổ phần hóa còn thấp.

- Cơ cấu vốn đầu tư trong nước và nước ngoài được huy động để phát triển du lịch trong thời gian qua chưa hợp lý. Nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài chiếm tỷ trọng rất thấp và không liên tục. Điều này thể hiện công tác thu hút vốn đầu tư ở địa phương chưa thật sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào các dự án du lịch có nhu cầu vốn lớn, sản phẩm đa dạng, có sức hấp dẫn đối với du khách nước ngoài.

- Huy động vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch còn nhiều bất cập, thể hiện lượng vốn đầu tư thực tế không đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư, đầu tư còn dàn trải, tiến độ triển khai thi công chậm vào các khu du lịch trọng điểm của tỉnh. Hiện nay,

nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên nguồn ngân sách nhà nước còn rất hạn hẹp trước mắt cũng như trong thời gian đến vì nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch còn rất lớn. Vì vậy, ngoài việc bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước một cách thỏa đáng, tỉnh cần phải tích cực tìm kiếm thêm các nguồn vốn khác, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để đáp ứng yêu cầu cấp bách này.

- Hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong thời gian qua còn rất thấp hơn con số kỳ vọng; mặc dù đây là ngành có thế mạnh của tỉnh Khánh Hòa.

- Quỹ đất sẵn sàng có thể tiếp nhận dự án đầu tư nước ngoài không nhiều, không đáp ứng được điều kiện của nhà đầu tư; thời gian qua, phần lớn các khu vực tiềm năng du lịch mà các nhà đầu tư nước ngoài chú ý thì đang trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết, phải chờ quy hoạch được phê duyệt mới có cơ sở tiếp nhận các dự án đầu tư mới.

- Năng lực của cán bộ trong các lĩnh vực liên quan đến thu hút đầu tư, đặc biệt là trong ngành du lịch chưa cao, nhiều chủ trương chính sách và quyết định của tỉnh Khánh Hòa ban hành để đẩy mạnh thu hút đầu tư cho ngành du lịch, nhưng do năng lực quản lý điều hành của các cán bộ tham mưu, giúp việc của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan còn hạn chế, kém minh bạch dẫn đến thực hiện cấp giấy phép đầu tư còn chậm, còn né tránh trách nhiệm, kéo dài tình trạng thủ tục hành chính rườm rà... dẫn đến sự ái ngại của các nhà đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa.

- Vẫn còn phát sinh nhiều tiêu cực trong thu hút vốn đầu tư như cố tình gây nhiễu nhiều nhà đầu tư, phát sinh tiêu cực phí, tham nhũng, nhiều đối tác đến Khánh Hòa tham gia và đầu tư với mục đích chính là để chiếm dụng dự án, chiếm dụng quỹ đất tốt để sau đó tìm kiếm cơ hội “sang tay” cho người khác để hưởng phần lợi nhuận mà họ có thể tranh thủ được... điều đó làm giảm tính hấp dẫn trong môi trường đầu tư tại Khánh Hòa.

- Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng du lịch phát triển chậm và không đồng bộ, đặc biệt là nguồn nước, điện cung cấp cho các khu du lịch, cũng là một trong những

nguyên nhân giảm tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư. Ngoài ra đối với các nhà đầu tư nước ngoài sẽ gặp nhiều khó khăn cho hoạt động đầu tư trong lĩnh vực này vì đụng chạm đến mối quan hệ giữa kinh tế, chính trị, ninh quốc phòng, và xã hội để vừa mở rộng hợp tác quốc tế, vừa đề phòng các nguy cơ tiềm ẩn.

- Hoạt động du lịch chỉ mới phát triển về bề rộng mà chưa đi vào chiều sâu, trên địa bàn toàn tỉnh còn thiếu các dự án cao cấp để thu hút du khách quốc tế có mức chi tiêu cao, thiếu các dịch vụ nhà hàng ăn uống cao cấp, khu vui chơi giải trí, khu thể thao sân gôn (Golf)...

- Ngoài ra, mặc dù trong thời gian qua, UBND tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, tuy nhiên, hiện nay hoạt động xúc tiến và quảng bá các sản phẩm du lịch của địa phương ra thị trường thế giới, đặc biệt là với các nước phát triển mạnh kinh tế du lịch vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu, chưa có tính chuyên nghiệp, hoạt động còn manh mún, chưa có chương trình cụ thể theo từng thời điểm, từng đợt, chưa tạo được sức mạnh tổng hợp để cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Các doanh nghiệp tuy có thực hiện nhưng vẫn còn hạn chế do điều kiện kinh phí. Việc áp dụng các phương tiện điện tử để quảng bá du lịch (trang Website, đăng ký qua mạng...) chưa được các doanh nghiệp hưởng ứng cao; chưa có sự phối hợp thật chặt chẽ giữa các đơn vị, tổ chức liên quan trong việc cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư; còn thiếu tiếng nói “tự nguyện” của các khách sạn cho một chương trình quảng bá xúc tiến chung cho cả hệ thống khách sạn Khánh Hòa.

- Tầm nhìn trong qui hoạch phát triển du lịch kém dẫn đến phải điều chỉnh qui hoạch thường xuyên. Và một khi đã có qui hoạch thì công bố không rõ ràng và còn mang tính cục bộ địa phương. [3, 105]

Tóm lại: Công tác thu hút các nguồn vốn cho đầu tư phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần tạo nên sự tăng trưởng cao của du lịch địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn những tồn tại không ít hạn chế, vướng mắc cần có giải pháp khắc phục để trong thời gian tới, ngành dịch vụ quan trọng này sẽ có những bước phát triển mới, nhanh và bền vững, thực hiện tốt các chiến lược phát triển du lịch của Tỉnh Khánh Hòa đã đề ra.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương này tác giả tập trung làm rõ thực trạng thu hút các nguồn vốn đầu tư để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2003 – 2009.

Cụ thể là tác giả đã trình bày khái quát quá trình phát triển ngành du lịch Khánh Hòa; tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa, đó là do Khánh Hòa có vị trí địa lý thuận lợi, nguồn tài nguyên du lịch phong phú, các ngành hỗ trợ cho phát triển du lịch địa phương phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế địa phương tăng đều qua các năm...; tác giả đi sâu phân tích các nguồn vốn tài trợ cho đầu tư phát triển du lịch trong thời gian qua ở Khánh Hòa tập trung chủ yếu là nguồn vốn trong nước, trong đó nguồn vốn đầu tư của các chủ sở hữu chiếm tỷ lệ cao nhất, đóng vai trò quyết định trong huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa, trên cơ sở đó đã tìm ra những hạn và nguyên nhân có tác động làm cản trở công tác huy động vốn cho đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

3.1. Những căn cứ cho việc xây dựng các giải pháp

3.1.1 Quan điểm và mục tiêu phát triển du lịch đến năm 2015

3.1.1.1. Quan điểm

Căn cứ yêu cầu và nhiệm vụ phát triển của ngành du lịch trong tình hình mới (trên cơ sở bốn quan điểm và mục tiêu phát triển mà quy hoạch 1995 đã đề xuất) những quan điểm phát triển du lịch tỉnh Khánh Hoà đến năm 2015 được bổ sung và điều chỉnh phù hợp với đường lối phát triển kinh tế của Đảng và nhà nước, với chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, của khu vực miền Trung Tây Nguyên và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh mà nghị quyết Đại hội XV, Quyết định số: 251/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/10/2006 đã đề ra, đó là:

- Phát triển du lịch theo hướng sinh thái kết hợp văn hoá trong đó chú trọng phát triển du lịch sinh thái biển để khai thác tối đa các tiềm năng, nội lực của tỉnh.

- Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm song song với việc nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm để tạo ra bước đột phá.

Phát huy các lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa truyền thống, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất du lịch sẵn có, đẩy mạnh tốc độ phát triển du lịch, từng bước đa dạng hóa các sản phẩm, các loại hình du lịch.

- Phát triển du lịch trên cơ sở toàn diện du lịch quốc tế và du lịch nội địa, trong đó phát triển mạnh du lịch quốc tế, lấy du lịch quốc tế làm động lực thúc đẩy du lịch nội địa và các ngành dịch vụ phát triển.

- Phát triển du lịch Khánh Hoà với vai trò là trung tâm du lịch của tiểu vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ và cả nước, là đầu mối phân phối khách du lịch cho khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Với tài nguyên du lịch phong phú và nổi trội, có vị trí thuận lợi, có hai khu du lịch Quốc gia, do vậy đây là một trong những quan điểm thiết thực để phát huy lợi thế phát triển du lịch của tỉnh Khánh Hoà.

- Phát triển du lịch phải bảo đảm tính tổng hợp liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao với vai trò du lịch là động lực thúc đẩy để phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế khác.

Đẩy mạnh xã hội hóa về du lịch, huy động các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị xã hội và toàn thể cộng đồng đầu tư phát triển, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh du lịch, dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước.

- Phát triển du lịch một cách bền vững trên cơ sở gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng, trật tự và an toàn xã hội, có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc xoá đói giảm nghèo. (Trích Quyết định số: 251/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/10/2006)

Phát triển du lịch bền vững phải đặt trong mối quan hệ liên ngành, liên vùng trong khu vực và cả nước. Phát triển du lịch gắn với phát triển kinh tế xã hội, có cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong Tỉnh nhằm tác động lẫn nhau cùng phát triển, bảo vệ môi trường tài nguyên sinh thái, bảo vệ giá trị tài nguyên du lịch và xoá đói giảm nghèo. Ngoài ra, đối với Khánh Hoà tỉnh có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng, phát triển du lịch phải gắn với đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn thuần phong mỹ tục và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. [32, 107]

3.1.1.2. Mục tiêu

- Mục tiêu chung:

a. Về kinh tế: Nếu như trong giai đoạn 1996 - 2005 phát triển Du lịch Khánh Hoà với mục tiêu chỉ để trở thành một ngành kinh tế đủ mạnh và có sức thuyết phục, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thì giai đoạn từ nay đến năm 2010 và những năm đến 2015 du lịch Khánh Hoà phát triển với mục tiêu thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, làm động lực thúc đẩy để phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế khác theo tinh thần của Nghị quyết XIV/NQ-

TU và XV/NQ-TU tỉnh Khánh Hoà đã đề ra. Phần đầu đưa Khánh Hoà trở thành trung tâm du lịch biển tầm cỡ không chỉ của cả nước mà của khu vực.

b. Về văn hoá - xã hội: Phát triển du lịch nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao vị thế du lịch Khánh Hoà đối với cả nước và trên trường quốc tế; cải tạo cảnh quan môi trường; nâng cao trình độ dân trí; thúc đẩy tiêu dùng và phát triển nhiều dịch vụ; tạo việc làm, góp phần xoá đói giảm nghèo ở các vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

c. Về môi trường: Phát triển du lịch Khánh Hoà giai đoạn từ nay đến năm 2015 gắn liền với phát triển du lịch bền vững, vì vậy mục tiêu phát triển du lịch là góp phần gìn giữ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, môi trường tự nhiên và nhân văn.

d. Về an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội: Khánh Hoà là tỉnh thuộc vùng duyên hải có vị trí quan trọng đối với an ninh quốc phòng vùng biển đảo đối với khu vực và cả nước vì vậy phát triển du lịch Khánh Hoà nhằm góp phần giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định khu vực, tạo nên một điểm đến an toàn và thân thiện.

- Các chỉ tiêu cụ thể:

a. Khách du lịch: Tăng cường thu hút khách du lịch, năm 2010, đón 1.565 ngàn lượt khách trong đó có 600 lượt khách quốc tế; năm 2012 đón khoảng 2.300 ngàn lượt trong đó có gần 900 ngàn lượt khách quốc tế; năm 2015 đón được 3.400 ngàn lượt khách; trong đó có khoảng 1.400 ngàn lượt khách quốc tế.

Ngày 11/5/2010, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Khánh Hoà vừa công bố sẽ đồng loạt khuyến mãi đến 50% các khách sạn 5 sao. Đợt kích cầu này nhằm đạt mục tiêu đón 1,76 triệu lượt du khách và doanh thu 1.750 tỷ đồng của ngành du lịch Khánh Hoà trong năm 2010.

b. Thu nhập từ du lịch: Nâng cao nguồn thu từ du lịch; phần đầu năm 2010 thu nhập du lịch đạt hơn 2.500 tỷ VNĐ (trong đó doanh thu du lịch hơn 1.500 tỷ), năm 2015 khoảng 5.000 tỷ VNĐ (doanh thu du lịch 3.200 tỷ); năm 2015 đạt 10.700 tỷ VNĐ (doanh thu du lịch đạt 7.000 tỷ); đưa tổng giá trị GDP du lịch năm 2010 đạt

hơn 1.200 tỷ VNĐ (9,09% tổng GDP toàn tỉnh); năm 2012 đạt 2.400 tỷ (9,94%) và năm 2015 đạt gần 5.000 tỷ VNĐ (chiếm 11,53% tổng GDP của tỉnh). (Nguồn: *Sổ kế hoạch và đầu tư Khánh Hòa*)

c. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; tăng cường đầu tư, xây dựng các khu du lịch tổng hợp và chuyên đề quốc gia trên địa bàn, các khu du lịch có ý nghĩa vùng và địa phương; nâng cấp các tuyến, điểm du lịch quốc gia và địa phương trên địa bàn; nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở lưu trú đảm bảo đến năm 2010 có khoảng 8.520 phòng khách sạn trong đó có 5.500 phòng đạt tiêu chuẩn xếp hạng với gần 1.400 phòng đạt tiêu chuẩn 4 – 5 sao, năm 2012 khoảng 12.400 phòng với hơn 8.700 phòng đạt tiêu chuẩn xếp hạng trong đó có 2.200 phòng đạt tiêu chuẩn 4 – 5 sao; năm 2015 đạt gần 21.000 phòng với hơn 15.700 phòng đạt tiêu chuẩn xếp hạng; trong đó có 4.000 phòng đạt tiêu chuẩn 4 – 5 sao.

d. Lao động và việc làm: Tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, phần đầu đến năm 2010 toàn ngành du lịch Khánh Hòa có khoảng 33.400 lao động (trong đó hơn 13.500 lao động trực tiếp), năm 2012 đảm bảo hơn 60.000 lao động (trong đó có khoảng 20.000 lao động trực tiếp) và năm 2015 có hơn 113.000 lao động (trong đó có hơn 38.000 lao động trực tiếp). [19, 106]

3.1.2. Dự báo GDP, nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015

3.1.2.1. Dự báo GDP của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015

Để đạt được các chỉ tiêu cơ bản trong định hướng phát triển của ngành du lịch Khánh Hòa thời kỳ 2005 - 2015, vấn đề đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành, các cơ sở vui chơi - giải trí - thể thao, phương tiện vận chuyển khách, các cơ sở sản xuất hàng lưu niệm, các cơ sở đào tạo nghiệp vụ du lịch... giữ vai trò hết sức quan trọng. Nếu không có đầu tư, hoặc đầu tư không đồng bộ thì việc thực hiện quy hoạch sẽ gặp nhiều khó khăn. Năm 2005 thu nhập du lịch đạt hơn 2.500 tỷ đồng (trong đó doanh thu du lịch hơn 1.500 tỷ đồng), năm 2010 khoảng 5.000 tỷ đồng (doanh thu du lịch 3.200 tỷ đồng); năm 2015 đạt 10.700 tỷ đồng

(doanh thu du lịch đạt 7.000 tỷ đồng); đưa tổng giá trị GDP du lịch năm 2010 đạt hơn 1.200 tỷ đồng (chiếm 9,09% tổng GDP toàn tỉnh); năm 2015 đạt 2.400 tỷ đồng (chiếm 9,94%) và năm 2020 đạt gần 5.000 tỷ đồng (chiếm 11,53% tổng GDP của tỉnh).

Theo *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hòa đến 2015*, dự báo chỉ tiêu GDP của tỉnh và ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015 như sau:

Bảng 3.1: Dự báo chỉ tiêu GDP của tỉnh và ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015

Chỉ tiêu	2005	2010	2015
1. Tổng giá trị tăng GDP của tỉnh (tỷ đồng)	13.226,00	23.834,00	43.913,00
2. Tổng giá trị GDP của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa (tỷ đồng)	1.200,27	2.369,22	5.061,98
3. Tốc độ tăng trưởng GDP du lịch (% năm)	19,21	16,39	15,54
4. Tỷ lệ GDP du lịch so với GDP toàn tỉnh (%)	9,09	9,94	11,53

(Nguồn: *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hòa đến Năm 2015*)

3.1.2.2. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư vào du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015

Dựa trên cơ sở của dự báo chỉ tiêu GDP của tỉnh và ngành du lịch đến năm 2015 và dự báo hệ số ICOR trong từng giai đoạn đầu tư, bảng *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hòa đến 2015*, dự báo nhu cầu vốn cho đầu tư du lịch đến năm 2015 như sau:

Bảng 3.2: Dự báo nhu cầu vốn đầu tư cho du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015

Chỉ tiêu	2005	2010	2015
1. Tổng giá trị tăng GDP của tỉnh (tỷ đồng)	13.226,00	23.834,00	43.913,00
2. Tổng giá trị GDP của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa (tỷ đồng)	1.202,27	2.369,22	5.061,98
3. Hệ số ICOR cho ngành du lịch	4,00	3,50	3,50
4. Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho du lịch (tỷ đồng)	4.500,00	8.500,00	10.100,00

(Nguồn: *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hòa đến Năm 2015 - Báo điện tử Khánh Hòa tháng 06/2010*, Nguồn: <http://www.baokhanhhoa.com.vn>)

Theo cách tính toán trên, kết quả cho thấy ngành du lịch Khánh Hoà cần đầu tư trong năm 2005 là 4.500 tỷ đồng, với khoảng 1.350 tỷ đồng (chiếm 30%) đầu tư cho các lĩnh vực kết cấu hạ tầng du lịch, xúc tiến quảng bá, đào tạo nhân lực, tôn tạo môi trường... Thời kỳ này một mặt cần đầu tư nâng cấp các cơ sở lưu trú đã có, mặt khác cần tập trung đầu tư vào các cơ sở vui chơi - giải trí, các phương tiện vận chuyển, các cơ sở đào tạo và các cơ sở dịch vụ khác với quy mô thích hợp để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách du lịch. Thời kỳ 2005 – 2015, du lịch Khánh Hoà cần được đầu tư khoảng 18.600 tỷ đồng, trong đó đầu tư cho các lĩnh vực xúc tiến quảng bá, đào tạo nhân lực, bảo vệ môi trường... khoảng 3.700 tỷ đồng (chiếm 20%). Số còn lại sẽ tiếp tục đầu tư có chiều sâu vào các cơ sở dịch vụ du lịch để tạo ra các sản phẩm du lịch có chất lượng cao. Như vậy, theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hoà thì nhu cầu vốn trong cả giai đoạn 2005 -2015 đã được dự báo là 23.100 tỷ đồng. Tuy nhiên, dự báo nhu cầu vốn này đã hoàn thành cách đây hơn hai năm, mặt khác năm 2007 lạm phát Việt Nam đã 12,6% và năm 2008 là 19,89% kèm theo giá cả một số mặt hàng trên thế giới tăng rất mạnh, đặc biệt là giá xăng, dầu nên theo tôi cần xác định lại mức dự báo nhu cầu vốn. Căn cứ vào số liệu lạm phát 5 năm, từ năm 2004 đến năm 2008, tốc độ lạm phát bình quân trong giai đoạn 2005 – 2015 của Việt Nam sẽ vào khoảng 11,84%. Do đó, nhu cầu vốn đầu tư phát triển du lịch trong giai đoạn 2005 – 2015 sẽ được điều chỉnh lại là $23.100 * 111,84\% = 25.835$ tỷ đồng. Từ dự báo nhu cầu vốn đã được điều chỉnh này, dự kiến các nguồn vốn có thể huy động để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư du lịch Khánh Hoà theo các nguồn sau:

3.1.3. Mục tiêu thu hút vốn FDI vào ngành du lịch đến năm 2015

- Mục tiêu chung

a. Về kinh tế: Nếu như trong giai đoạn 1996 – 2005 phát triển Du lịch Khánh Hoà với mục tiêu chỉ để trở thành một ngành kinh tế đủ mạnh và có sức thuyết phục, đóng góp vào sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, thì giai đoạn từ nay đến năm 2010 và những năm đến 2015 du lịch Khánh Hoà phát triển với mục tiêu thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, làm động lực thúc đẩy để phát huy

sức mạnh của các thành phần kinh tế khác theo tinh thần của Nghị quyết XIV/NQ-TU và XV/NQ-TU tỉnh Khánh Hoà đã đề ra. Phấn đấu đưa Khánh Hoà trở thành trung tâm du lịch biển tầm cỡ không chỉ của cả nước mà của khu vực.

b. Về văn hoá - xã hội: Phát triển du lịch nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao vị thế du lịch Khánh Hoà đối với cả nước và trên trường quốc tế; cải tạo cảnh quan môi trường; nâng cao trình độ dân trí; thúc đẩy tiêu dùng và phát triển nhiều dịch vụ; tạo việc làm, góp phần xoá đói giảm nghèo ở các vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

c. Về môi trường: Phát triển du lịch Khánh Hoà giai đoạn từ nay đến năm 2015 gắn liền với phát triển du lịch bền vững, vì vậy mục tiêu phát triển du lịch là góp phần gìn giữ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, môi trường tự nhiên và nhân văn.

d. Về an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội: Khánh Hoà là tỉnh thuộc vùng duyên hải có vị trí quan trọng đối với an ninh quốc phòng vùng biển đảo đối với khu vực và cả nước vì vậy phát triển du lịch Khánh Hoà nhằm góp phần giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định khu vực, tạo nên một điểm đến an toàn và thân thiện. [24, 106]

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ FDI ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH KHÁNH HOÀ ĐẾN NĂM 2015

3.2.1. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch

3.2.1.1. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch

Kinh nghiệm các nước Đông Á cho thấy công tác vận động phải luôn đi trước một bước và được xúc tiến có hiệu quả sẽ có tác dụng góp phần đáng kể trong việc khơi tăng nguồn vốn đầu tư và khả năng lựa chọn đúng đối tác. Công tác vận động càng trở nên cấp bách hơn một khi sự thu hút đầu tư thể hiện tính chất cạnh tranh khá gay gắt giữa các nước. Công tác xúc tiến quảng bá cần phải được chuyên nghiệp và chủ động hơn. Các sự kiện chính trị văn hóa kết hợp du lịch phải được chuẩn bị bài bản, thật sự tạo ấn tượng sâu đậm cho khách du lịch, huy động được sự hưởng ứng và đóng góp của doanh nghiệp; tích cực tham gia các tổ chức du lịch

quốc tế và khu vực, thường xuyên tham gia các hội chợ, triển lãm, hội thảo, festival trong và ngoài nước, thông qua đó quảng bá, tuyên truyền, kêu gọi đầu tư, giao lưu rộng rãi với bạn bè quốc tế, tìm đối tác kinh doanh cũng như tìm thị trường và nguồn khách du lịch. Tăng cường và mở rộng hợp tác, liên doanh trong và ngoài nước để tranh thủ kinh nghiệm, vốn và nguồn khách góp phần đưa du lịch của tỉnh cùng với du lịch của cả nước nhanh chóng hội nhập và đuổi kịp sự phát triển chung về du lịch của khu vực và thế giới. Thường xuyên liên hệ với đại diện du lịch Việt Nam ở các nước ngoài (nơi đã có), với Cục Xúc tiến du lịch để tăng cường tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước, xây dựng và phát hành rộng rãi các phim ảnh tư liệu về lịch sử, văn hóa, các di tích, các danh lam, thắng cảnh, các làng nghề, lễ hội... để giới thiệu về du lịch của tỉnh. Ưu tiên cấp kinh phí ngân sách cho hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch để thực hiện nghiên cứu tâm lý, thị hiếu, tập quán, thói quen tiêu dùng của các đối tượng khách làm cơ sở xây dựng sản phẩm và hình thức tuyên truyền quảng bá phù hợp với mỗi loại thị trường. Đề nghị cấp chi từ 1-2% trên tổng doanh thu du lịch hàng năm cho công tác hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch. Tổ chức phối hợp các hoạt động quảng cáo riêng lẻ của các doanh nghiệp tạo tiếng nói chung về du lịch của tỉnh. Thuê các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp xây dựng chiến lược quảng bá cũng như thực hiện tổ chức các sự kiện lớn của tỉnh.

3.2.1.2. Hợp tác, liên kết vùng

Du lịch là ngành kinh tế mang tính liên vùng vì vậy phối hợp liên kết vùng là hướng mở phát triển du lịch cho các địa phương nói chung và Khánh Hòa nói riêng. Du lịch Khánh Hòa là một cực của Trung tâm du lịch Nha Trang - Ninh Chữ - Đà Lạt, ngoài ra mối quan hệ giữa Du lịch Khánh Hòa với du lịch TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh duyên hải miền Đông Nam Bộ như Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu...không thể thiếu được trong hướng phát triển du lịch tỉnh trong những năm tiếp theo. Trong mối liên kết vùng của du lịch Khánh Hòa đặc biệt là đối với các tỉnh Tây Nguyên, sản phẩm du lịch biển càng có vai trò đặc biệt. Liên kết vùng được thể hiện trong việc xây dựng tour và sản phẩm du lịch, trong việc phối hợp đào tạo nhân lực du

lịch, trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ... Phải tạo thành "sân chơi chung" cho du lịch các tỉnh trong khu vực để vươn lên nhiều mặt. Chính vì vậy, mối liên kết vùng du lịch với các tỉnh Tây Nguyên và thành phố Hồ Chí Minh là một trong những giải pháp quan trọng trong việc thu hút đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa.

3.2.1.3. Tìm kiếm và mở rộng thị trường

Để thực hiện giải pháp này cần có các chiến lược về sản phẩm và thị trường với việc tiếp tục xem xét lựa chọn chiến lược sản phẩm và thị trường phù hợp với một số phương án đã được quy hoạch 1996-2010 đề cập, như sau:

* *Chiến lược sản phẩm cũ, thị trường cũ:* Chiến lược sản phẩm cũ thị trường cũ là tiếp tục phát triển các sản phẩm đã khai thác cho những thị trường khách du lịch quen thuộc. Như vậy, với chiến lược này, cần thiết phải có những chính sách thích hợp và đầu tư thỏa đáng nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch của tỉnh. Ngoài ra cũng cần có những chính sách giá cả phù hợp để khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm du lịch. Cho đến nay, thị trường khách quốc tế của Khánh Hòa phần lớn là bà con Việt Kiều, khách Đài Loan, Pháp, Trung Quốc, Hongkong và Mỹ gần đây là thị trường Nga và một số nước SNG. Mặc dù phần lớn khách này thuộc nhóm khách có yêu cầu cao trong dịch vụ và thưởng thức các sản phẩm du lịch, tuy nhiên họ đã phần nào chấp nhận và quen với những sản phẩm du lịch của Việt Nam nói chung và của Khánh Hòa - Nha Trang nói riêng.

* *Chiến lược sản phẩm cũ, thị trường mới:* Chiến lược sản phẩm cũ thị trường mới là tiếp tục phát triển các sản phẩm đã khai thác cho những thị trường khách du lịch mới. Như vậy, với chiến lược này, cần thiết phải đẩy mạnh quảng bá du lịch ở các thị trường tiềm năng như Nhật, Úc, các nước châu Âu. Tuy nhiên chiến lược này gặp nhiều khó khăn trong tuyên truyền quảng cáo cũng như triển vọng thực hiện lâu dài là thấp.

* *Chiến lược sản phẩm mới, thị trường cũ:* Chiến lược sản phẩm mới thị trường cũ là phát triển sản phẩm du lịch mới cho những thị trường khách du lịch quen thuộc. Đây là chiến lược có nhiều khả năng thực thi hơn cả vì chỉ có đa dạng hóa sản phẩm du lịch mới có khả năng ngăn được sự nhàm chán và giảm sút của thị

trường khách cũ, đồng thời có sức hấp dẫn thu hút đối với những thị trường khách mới.

* *Chiến lược sản phẩm mới, thị trường mới*: Chiến lược sản phẩm mới, thị trường mới là đồng thời phát triển sản phẩm du lịch mới kết hợp khai thác thị trường khách du lịch chưa đến Khánh Hoà. Chiến lược này đòi hỏi phải có sự đầu tư lớn cho việc đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, cho công tác tuyên truyền quảng cáo để tìm thị trường mới. Trong điều kiện cụ thể hiện nay ở Việt Nam nói chung và ở Khánh Hoà nói riêng, chiến lược này ít có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

3.2.1.4. *Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch*

Du lịch là một ngành kinh tế đòi hỏi có sự giao tiếp rộng và trực tiếp hơn đối với khách, đòi hỏi trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ giao tiếp của cán bộ, nhân viên trong ngành, đặc biệt là hướng dẫn viên, lễ tân... hết sức cao. Để đáp ứng được yêu cầu trên, cần phải có một chương trình đào tạo toàn diện với những kế hoạch cụ thể về đào tạo mới và đào tạo bổ túc, nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên. Những hướng để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho ngành du lịch trước mắt cũng như lâu dài bao gồm:

Trước tiên, chính doanh nghiệp phải đáp ứng đòi hỏi của thị trường, tức là tự đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh của mình, chứ không chỉ trông chờ vào các cơ sở đào tạo.

Tiếp theo, chính quyền địa phương cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho ngành thông qua kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp, lao động kỹ thuật nghiệp vụ du lịch. Nên định kỳ mở các khoá đào tạo, bồi dưỡng dưới các hình thức ngắn hạn, dài hạn, tại chỗ và ở các địa phương khác trong nước, ngoài nước, tìm hiểu kinh nghiệm thực tế, hội thảo, diễn đàn, cấp học bổng du học, thu hút chuyên gia từ các nơi khác trong nước, nước ngoài đến giảng dạy... và khẩn trương xây dựng hoàn thành trường Trung học nghiệp vụ du lịch tại Nha Trang.

Ngoài ra, tỉnh cần triển khai chương trình giáo dục du lịch toàn dân để nâng cao nhận thức về hoạt động du lịch, và làm du lịch, tinh thần tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hoá, lòng tôn trọng, hiếu khách, cởi mở, giữ gìn môi trường... thông qua việc thông tin, tuyên truyền rộng rãi trong công chúng trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức tuyên truyền khác. Đối với hướng dẫn viên du lịch là các đoàn khách nước ngoài, các doanh nghiệp có thể ký hợp đồng với những người Việt Nam đã ra nước ngoài học tập và làm việc để cùng tham gia hướng dẫn. Có thể xin phép Nhà nước cấp phép có thời hạn cho những người nước ngoài sống và làm việc tại Nha Trang có am hiểu về ngôn ngữ, văn hoá, phong tục, lịch sử địa phương để họ trở thành hướng dẫn viên. Đây cũng chính là biện pháp chống hướng dẫn viên chui hiệu quả nhất, đồng thời làm tăng lực lượng hướng dẫn viên.

3.2.1.5. Khai thác mạnh lợi thế về tài nguyên du lịch của địa phương

* *Sản phẩm du lịch gắn với thể thao, giải trí, nghỉ dưỡng biển:* Du lịch biển là thế mạnh truyền thống của tỉnh cần được tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển. Du lịch biển, bao gồm cả du lịch đảo được phát triển ở dải ven biển từ Vân Phong, Vịnh Nha Trang và Cam Ranh với việc chú trọng phát triển các loại hình du lịch thể thao, khám phá đáy biển, lướt ván, đua thuyền, vui chơi giải trí, du lịch tàu biển... đặc biệt lưu ý xây dựng thương hiệu các bãi biển có khả năng thu hút khách du lịch quốc tế và khách nghỉ cuối tuần từ các đô thị lớn như bãi tắm Đại Lãnh, Dốc Lếch – Vân Phong, bãi tắm Nha Trang, bãi Trữ - Hòn Tre và bãi Dài - Cam Ranh. Ngoài ra, du lịch thương mại công vụ kèm theo những sự kiện đặc biệt cũng là thế mạnh của du lịch Khánh Hoà cần được ưu tiên đầu tư, đặc biệt là khu vực vịnh Nha Trang.

* *Sản phẩm du lịch gắn với khai thác giá trị văn hoá, tài nguyên nhân văn:*

- Thực hiện đầu tư, tôn tạo và thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ cảnh quan, môi trường, tính tôn nghiêm cho các di tích văn hoá, lịch sử cách mạng, các danh lam thắng cảnh và các điểm tham quan. Xây dựng các phương án cụ thể triển khai phục hồi làng nghề truyền thống: gốm, nón, chiếu, thủ công mỹ nghệ... tại một số địa phương tiêu biểu. Đẩy mạnh sản xuất và đưa vào tiêu thụ tại các cơ sở du lịch các hàng lưu niệm mang nét độc đáo riêng của Nha Trang, Khánh Hoà.

- Xây dựng làng du lịch văn hoá của các dân tộc, kết hợp du lịch với các khu nông nghiệp kỹ thuật cao, các công trình thuỷ lợi như: Hồ Suối Dầu, Cam Ranh, Đá Bàn... Lòng ghép tính thẩm mỹ, hiện đại và bản sắc dân tộc khi xây dựng công trình kiến trúc trong các khu du lịch. Việc hình thành các khu du lịch sinh thái và cơ sở hạ tầng liên quan cần khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch triển khai phục hồi các hoạt động văn hoá nhân dịp lễ, Tết và các lễ hội truyền thống đặc biệt của địa phương: Lễ hội Tháp Bà Ponaga, lễ hội Am Chúa, lễ hội Nghinh cá Ông kết hợp với hồ Bá Trạo...

* *Sản phẩm du lịch tham quan, nghiên cứu về hệ sinh thái*: Tạo điều kiện cho khách du lịch tham quan, nghiên cứu hệ sinh thái biển tại khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang và Rạng Trào - Vân Phong; hệ sinh thái rừng, hồ, thác tại các khu núi phía Tây thuộc các huyện Ninh Hoà, Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Khánh Sơn. Ngoài ra, trong giai đoạn 2010 - 2015 sẽ từng bước phát triển loại hình du lịch công vụ, hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, hội chợ... tập trung tại thành phố Nha Trang, Bãi Dài - Cam Ranh và khu Trung tâm dịch vụ và hậu cần cảng tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế tổng hợp vịnh Vân Phong. [28, 106]

3.2.2. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư lành mạnh

Sự nỗ lực chủ quan từ hệ thống cơ quan hành chính nhà nước có tác động rất lớn đến thu hút đầu tư, trong nhiều trường hợp có tính vượt trội hơn cả chính sách ưu đãi, những hỗ trợ cụ thể hay cơ sở hạ tầng hiện đại. Thực tế trong thời gian qua có nhiều chính sách thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khá hiện đại, ban hành nhiều chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn nhưng khối lượng thu hút, huy động vốn đầu tư lại không đáng kể; trong khi đó nhiều địa phương lại chú trọng đến cải cách thủ tục hành chính, nâng ý thức trách nhiệm của các nhà lãnh đạo địa phương và hệ thống cơ quan thừa hành, thực hiện một cách triệt để các cam kết và trực tiếp tháo gỡ các rào cản vô hình dù ở bất cứ cấp nào gây ra đã tạo được lòng tin đối với các nhà đầu tư và đem lại những kết quả tương xứng. Nguồn vốn đầu tư giảm sút có nguyên nhân về mặt chủ quan thuộc trách nhiệm của các cơ quan quản lý tỉnh

Khánh Hòa do chậm cải thiện môi trường đầu tư, chậm xử lý các vấn đề phát sinh, để kéo dài tình trạng thủ tục hành chính phiền hà, nặng nề. Cho nên cần phải thực hiện:

- Nhất quán trong tư tưởng và hành động về quan điểm thu hút, huy động, khuyến khích đầu tư. Xem đây là trách nhiệm của mọi cán bộ lãnh đạo, nhân viên các ngành các cấp. Khi giải quyết công việc cụ thể có liên quan đến việc đầu tư phải đặt quyền lợi nhà đầu tư lên trên hết. Điều cần thiết là thái độ rõ ràng, dứt khoát của các nhà lãnh đạo địa phương, có như vậy mới xóa được những rào cản vô hình từ những tắc trách, nặng nề của cấp thừa hành.

- Nâng cao năng lực, thái độ làm việc của cán bộ, cơ quan thừa hành. Phải xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ có đủ năng lực giải quyết các công việc cụ thể có liên quan đến thu hút đầu tư. Chấn chỉnh thái độ làm việc tắc trách, được chăng hay chớ, suy nghĩ theo cơ chế “xin – cho” khi giải quyết công việc có liên quan đến doanh nghiệp, đến các nhà đầu tư. Kiên quyết xử lý, đưa ra khỏi bộ máy các cán bộ công nhân viên không đủ năng lực và thiếu trách nhiệm.

- Các Sở, Ban, Ngành, Chính quyền các cấp phải tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các quy định của tỉnh Khánh Hòa, tạo sự chuyển biến căn bản cải thiện môi trường đầu tư. Cải cách triệt để thủ tục hành chính, tạo môi trường minh bạch, lành mạnh, an toàn trong đầu tư. Có làm được điều này mới hạn chế được sự “dựa dẫm” vào những quy định không rõ ràng của thủ tục hành chính mà cán bộ nhân viên thừa hành gây khó khăn sách nhiễu.

- Nâng cao nhận thức của người dân về chính sách thu hút đầu tư của đất nước, của địa phương để tạo được sự đồng tình ủng hộ và sự tham gia của cộng đồng trong công tác thu hút đầu tư cho ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa.

- Ngoài ra, chính quyền tỉnh kiên quyết xóa bỏ các dự án treo và thu hồi đất đối với các nhà đầu tư không đủ năng lực tài chính bằng cách quy định khi đấu thầu các dự án khuyến khích đầu tư, các chủ đầu tư phải ký quỹ bằng 5% giá trị đất của dự án và chứng minh năng lực tài chính có thể đầu tư dự án. Nếu sau 2 năm không

khởi động dự án thì phần ký quỹ sẽ sung vào NSNN và sẽ mời nhà đầu tư khác đầu tư. [32, 107]

3.2.3. Tăng cường công tác hỗ trợ các nhà đầu tư FDI

Tỉnh Khánh Hòa không chỉ thực hiện nỗ lực thu hút đầu tư FDI mà chúng ta còn tạo ra mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đã đầu tư này tiếp tục phát triển tốt các hoạt động kinh doanh của mình. Nếu chúng ta thực hiện tốt được nghiệp vụ này thì chính các doanh nghiệp kể trên sẽ trở thành một trong những cầu nối thu hút các nhà đầu tư mới đến làm ăn tại tỉnh Khánh Hòa. Nhằm thực hiện nâng cao hiệu quả của công tác hỗ trợ các nhà đầu tư FDI cần chú trọng đến việc hướng dẫn doanh nghiệp tìm đến đúng địa chỉ cơ quan quản lý Nhà nước cần thiết. Giải pháp này nên được thực hiện bởi Trung tâm xúc tiến đầu tư du lịch tỉnh Khánh Hòa hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

3.2.3.1 Hỗ trợ nhà đầu tư

Hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc tìm kiếm thông tin về môi trường đầu tư của tỉnh Khánh Hòa. Hướng dẫn thủ tục, quy trình đầu tư vào tỉnh Khánh Hòa (soạn thảo và phát hành sách hướng dẫn “Guide Book” cho các nhà đầu tư nước ngoài).

Tập hợp các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước của tỉnh Khánh Hòa và sau đó, biên soạn; hiệu đính, dịch thuật và in ấn phát hành sách về các vướng mắc này và phát miễn phí cho doanh nghiệp.

Can thiệp, hướng dẫn nhà đầu tư khi có vướng mắc, khó khăn thông qua việc giúp đỡ về văn bản (gửi công văn đến các sở, ngành giới thiệu, hoặc lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa trong trường hợp có khó khăn...). Duy trì thường xuyên việc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp qua mạng.

3.2.3.2 Hoàn chỉnh về các chính sách ưu đãi đầu tư: Thuế, đất đai...

- *Chính sách ưu đãi chung của Chính phủ*

+ Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%, được áp dụng trong 12 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (Điểm 3/Điều 1 của Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004; và Khoản 2b/Điều 35 của Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003)

+ Miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo (Điểm 4/Điều 1 của Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004)

- Các chính sách ưu đãi đầu tư

Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (áp dụng Quyết định số: 127/2004/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

- Chính sách ưu đãi về sử dụng đất:

Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước (áp dụng Quyết định số: 126 /2004/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Khánh Hòa):

+ Ưu đãi về tiền thuê đất

Dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư (còn được gọi là Danh mục I) và đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (còn được gọi là Danh mục II) được miễn tiền thuê đất 5 (năm) năm kể từ ngày phải nộp tiền thuê đất.

+ Dự án đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục I được miễn tiền thuê đất 3 (ba) năm kể từ ngày phải nộp tiền thuê đất.

b. Ưu đãi về đền bù giải phóng mặt bằng

UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng trong thời gian quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư (nói chung cho cả đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước)

c. Hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng

Doanh nghiệp chịu mọi chi phí thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định chung của Nhà nước. UBND tỉnh sẽ xem xét cho phép được khấu trừ một phần chi phí thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp đối với các dự án đầu tư cụ thể thuộc Danh mục I, nhưng không vượt quá tổng số tiền thuê đất phải nộp, mức hỗ trợ như sau:

+ Mức 80% đối với các dự án đáp ứng một trong 3 điều kiện sau:

- ❖ Tổng vốn đầu tư từ 70,0 tỷ đồng trở lên
 - ❖ Thuộc lĩnh vực công nghiệp phần mềm.
 - ❖ Thuộc lĩnh vực ngành nghề truyền thống
- + Mức 50% đối với các dự án có tổng vốn đầu tư từ 30,0 tỷ đồng đến dưới 70,0 tỷ đồng
- + Không quá 30% đối với các dự án còn lại.
- *Chính sách ưu đãi Thuế:* Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước (áp dụng Quyết định số: 126 /2004/QĐ-UB ngày 10/5 /2004 của UBND tỉnh Khánh Hoà):
- + Thuế suất thuế TNDN là 15%, được áp dụng trong 12 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.
 - + Miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.
 - + Dự án thuộc Danh mục I và đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục III được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số TNDN đã nộp trong 10 (mười) năm đầu kể từ khi nộp thuế.
 - + Dự án đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục III; hoặc dự án thuộc Danh mục I và đầu tư vào địa bàn thuộc danh mục II được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số thuế TNDN đã nộp trong 5 (năm) năm đầu kể từ khi nộp thuế.
 - + Dự án đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục II được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số thuế TNDN đã nộp trong 3 (ba) năm đầu kể từ khi nộp thuế. [28, 107]

3.2.4. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch

Quan điểm sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm làm cơ sở kích thích phát triển du lịch; ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, quảng bá xúc tiến du lịch, đào tạo nguồn nhân lực du lịch... để tạo tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư. Một khi cơ sở hạ tầng hoàn thiện theo hướng đồng bộ nó sẽ góp phần đảm bảo cho hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được tốt hơn. Do đó cơ sở hạ tầng đầu tư đồng bộ có thể đáp ứng được nhu cầu thu hút đầu tư. Vì vậy, trong thời gian tới tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện

cơ sở hạ tầng du lịch theo hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch như giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, cải tạo môi trường... là tiền đề quan trọng thu hút các nhà đầu tư phát triển du lịch. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hạ tầng đến các khu du lịch và hạ tầng trong khu du lịch (hạ tầng khung) đều cần được quan tâm đầu tư phát triển, đặc biệt đối với các khu du lịch quốc gia (thành phố Nha Trang, vịnh Cam Ranh, vịnh Vân Phong), các khu điểm du lịch quan trọng có khả năng thu hút khách lớn. Để có vốn đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch, tỉnh Khánh Hòa một mặt cần dùng quỹ đất để tạo nguồn vốn thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn NSNN, mặt khác cần mạnh dạn vay nợ bổ sung nguồn vốn đầu tư. Bởi vì nếu chỉ tập trung sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong dự toán ngân sách hàng năm thì các công trình phải kéo dài nhiều năm mới hoàn thành, gây ứ đọng vốn đầu tư và như thế việc đầu tư trở nên không hiệu quả. Do đó, tỉnh cần mạnh dạn vay vốn đầu tư trên cơ sở phát hành trái phiếu công trình hoặc có thể phát hành trái phiếu quốc tế để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng. Việc vay này sẽ có tác dụng tập trung thêm nguồn vốn cho đầu tư công trình lớn và tạo ra sức ép phải trả nợ vào các năm sau nên kích thích tính sáng tạo và quyết tâm của tỉnh thúc đẩy phát triển kinh tế, chống thất thu ngân sách để có nguồn trả nợ. Vì vậy, trong thời gian tới tỉnh cũng cần phải nghiên cứu phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu công trình để thực hiện xã hội hóa vốn đầu tư vào các công trình trọng điểm du lịch. [28, 107]

3.2.5. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch

Du lịch là một ngành kinh tế đòi hỏi có sự giao tiếp rộng và trực tiếp hơn đối với khách, đòi hỏi trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ giao tiếp của cán bộ, nhân viên trong ngành, đặc biệt là hướng dẫn viên, lễ tân... hết sức cao. Để đáp ứng được yêu cầu trên, cần phải có một chương trình đào tạo toàn diện với những kế hoạch cụ thể về đào tạo mới và đào tạo bổ túc, nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên. Những hướng để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho ngành du lịch trước mắt cũng như lâu dài bao gồm:

Trước tiên, chính doanh nghiệp phải đáp ứng đòi hỏi của thị trường, tức là tự đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh của mình, chứ không chỉ trông chờ vào các cơ sở đào tạo.

Tiếp theo, chính quyền địa phương cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho ngành thông qua kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp, lao động kỹ thuật nghiệp vụ du lịch. Nên định kỳ mở các khoá đào tạo, bồi dưỡng dưới các hình thức ngắn hạn, dài hạn, tại chỗ và ở các địa phương khác trong nước, ngoài nước, tìm hiểu kinh nghiệm thực tế, hội thảo, diễn đàn, cấp học bổng du học, thu hút chuyên gia từ các nơi khác trong nước, nước ngoài đến giảng dạy... và khẩn trương xây dựng hoàn thành trường Trung học nghiệp vụ du lịch tại Nha Trang.

Ngoài ra, tỉnh cần triển khai chương trình giáo dục du lịch toàn dân để nâng cao nhận thức về hoạt động du lịch, và làm du lịch, tinh thần tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hoá, lòng tôn trọng, hiếu khách, cởi mở, giữ gìn môi trường... thông qua việc thông tin, tuyên truyền rộng rãi trong công chúng trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức tuyên truyền khác. Đối với hướng dẫn viên du lịch là các đoàn khách nước ngoài, các doanh nghiệp có thể ký hợp đồng với những người Việt Nam đã ra nước ngoài học tập và làm việc để cùng tham gia hướng dẫn. Có thể xin phép Nhà nước cấp phép có thời hạn cho những người nước ngoài sống và làm việc tại Nha Trang có am hiểu về ngôn ngữ, văn hoá, phong tục, lịch sử địa phương để họ trở thành hướng dẫn viên. Đây cũng chính là biện pháp chống hướng dẫn viên chui hiệu quả nhất, đồng thời làm tăng lực lượng hướng dẫn viên. [28, 107]

Tóm lại: Thực hiện tốt và đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần to lớn trong việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa đến năm 2020, từ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Bên cạnh đó, với tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch sẽ là đầu tàu kéo theo các ngành kinh tế liên quan phát triển theo, do đó góp phần phát triển kinh tế xã hội ngày càng bền vững, giữ vững an ninh quốc phòng và an toàn xã hội ở địa phương.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở mục tiêu và định hướng của ngành du lịch Khánh Hòa đến năm 2015, chương này tác giả đã mạnh dạn đưa ra hệ thống các giải pháp huy động các nguồn vốn chủ yếu là nguồn FDI để đầu tư phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa và tiết kiệm trong doanh nghiệp và dân cư, từ các định chế tài chính trung gian... và chỉ ra huy động vốn từ nước ngoài bằng cách thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI). Đồng thời tác giả cũng đưa ra các giải pháp hỗ trợ cho việc thu hút vốn đầu tư FDI, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, hoàn thiện qui hoạch và quản lý qui hoạch phát triển du lịch, đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch, cải cách thủ tục hành chính, lành mạnh môi trường đầu tư...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Với mục tiêu của đề tài là thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp để nghiên cứu, đề tài này, tác giả đã hoàn thành những nội dung sau đây:

Tác giả nêu cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI vào ngành du lịch, chỉ ra các nguồn vốn phục vụ đầu tư cũng như ưu nhược điểm của từng nguồn vốn đầu tư FDI; Tác giả cũng tìm hiểu khái niệm về du lịch và chỉ ra sự cần thiết phải thu hút các nguồn vốn để phát triển du lịch, cũng như tổng hợp các nhân tố có ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư FDI để phát triển ngành du lịch. Bên cạnh đó, tác giả cũng tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm thu hút các nguồn vốn cho đầu tư FDI để phát triển ngành du lịch của một số quốc gia có hoạt động du lịch phát triển trong khu vực Asean, trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm thiết thực trong quá trình huy động các nguồn lực FDI để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa.

Trên cơ sở phát triển ngành du lịch Khánh Hòa trong giai đoạn 2003- 2009, cũng như phân tích những lợi thế và hạn chế nguồn tài nguyên du lịch, môi trường đầu tư... hiện có tại địa phương, thực trạng huy động các nguồn FDI để phát triển ngành du lịch trong thời gian qua ở Khánh Hòa, tác giả đã chỉ ra những hạn chế, vướng mắc cần khắc phục. Trong đó nổi bật là sự bất cập trong huy động vốn đầu tư cho hạ tầng cơ sở du lịch, sự mất cân đối trong thu hút đầu tư FDI, những vướng mắc trong triển khai dự án. Với mục tiêu và định hướng của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015, tác giả đã mạnh dạn đưa ra hệ thống các giải pháp huy động các nguồn FDI để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa được nhanh, mạnh, vững chắc và đúng hướng trong giai đoạn từ nay đến năm 2015; cần huy động vốn không những từ nguồn vốn trong nước qua kênh ngân sách nhà nước, tiết kiệm trong doanh nghiệp và dân cư, từ các định chế tài chính trung gian... mà còn chỉ ra huy động vốn từ nước ngoài bằng cách thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước

ngoài (FDI). Đồng thời tác giả cũng đưa ra các giải pháp hỗ trợ cho việc thu hút vốn đầu tư như tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, hoàn thiện qui hoạch và quản lý qui hoạch phát triển du lịch, đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch, cải cách thủ tục hành chính, lành mạnh môi trường đầu tư...

Từ những kết luận trên cho thấy, để đáp ứng nhu cầu đầu tư vốn cho ngành du lịch Khánh Hòa từ nay cho đến năm 2015, với mục tiêu đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương, cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong việc thực hiện những chiến lược phát triển đã đề ra, trong đó công tác huy động vốn phải được đẩy mạnh để tăng cường đầu thúc đẩy ngành du lịch phát triển nhanh, cân đối và bền vững trong tương lai.

Những đề xuất nghiên cứu tiếp theo:

- Khảo sát các doanh nghiệp du lịch, đặc biệt các doanh nghiệp FDI để tìm hiểu hiệu quả đầu tư kinh tế kinh doanh du lịch tại tỉnh Khánh Hòa.

- Khảo sát các nguồn vốn sử dụng phù hợp đối với mà từng loại hình doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp FDI kinh doanh du lịch và mối quan hệ giữa vốn đầu tư FDI vào ngành du lịch với việc thu hút khách du lịch trong và ngoài nước tại tỉnh Khánh Hòa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trong nước

- [1] Bùi Thị Dung (2005), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Bình Dương - Thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ Kinh doanh và quản lý, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Khánh Duy (6/2006), “Triển vọng FDI vào Việt Nam trong bối cảnh hội nhập 2006-2010”, *Tạp chí phát triển kinh tế*.
- [3] GS.TS Nguyễn Bích Đạt (2004), *Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài - vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, Đề tài KH-CN cấp nhà nước KX01.05, Hà Nội
- [4] Nguyễn Huy Thám,(1999), *Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các nước ASEAN và vận dụng vào Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [5] Phan Minh Thành (2000), *Thực trạng và giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
- [6] Trọng Hà (5-9-2006), “Thu hút đầu tư nước ngoài – những con số biết nói”, *Tạp chí bất động sản nhà đất Việt Nam*, Số 32
- [7] TS. Nguyễn Hồng Giáp (2002), *Kinh tế du lịch*, NXB Trẻ
- [8] Võ Hồng Phúc - Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (10/2009), *Mở cửa cho các cơ hội đầu tư mới ở Việt Nam*.
- [9] TS. Phạm Văn Năng, TS. Trần Hoàng Ngân, TS. Sử Đình Thành (2002), *Sử dụng các công cụ tài chính để huy động vốn cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam đến năm 2020*, NXB Thống.
- [10] TS. Hà Văn Siêu (2010), “Điểm đột phá trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030”
- [11] PGS. TS Nguyễn Hồng Sơn (6/2006), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) - triển vọng thế giới và thực tiễn Việt Nam, những vấn đề kinh tế thế giới*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- [12] Nguyễn Đình Tài (1997), *Sử dụng các công cụ tài chính để huy động vốn cho đầu tư phát triển*, NXB Tài chính, Hà Nội
- [13] PGS.TS Sử Đình Thành, TS. Vũ Thị Minh Hằng (2006), *Nhập môn Tài chính - Tiền tệ*, NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh
- [14] Ông Phan Hữu Thắng (2005), *Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://vietbao.vn/Kinh-te/Thu-hut-FDI-tang-truong-manh/10912328/87>)
- [15] Bà Võ Thị Thắng, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Việt Nam: Phát triển du lịch trong tình hình mới (<http://www.vietnamtourism.gov.vn>)
- [16] GS.TS Võ Thanh Thu (2003), “Nâng cao khả năng cạnh tranh của môi trường đầu tư nước ngoài trong bối cảnh hội nhập của Việt Nam”, *Tạp chí phát triển kinh tế*, Trường đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh
- [17] PGS.TS Võ Thanh Thu, Nguyễn Thị Mỹ (2001), *Kinh tế doanh nghiệp và phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Thống kê
- [18] GS kinh tế, Đại học Waseda, Tokyo Trần Văn Thọ - (09/2005), *Thời cơ mới cho FDI ở Việt Nam*, Thời báo kinh tế Sài Gòn
- [19] PGS.TS. Trần Ngọc Thơ – TS Nguyễn Ngọc Định (2002), *Tài chính quốc tế*, NXB Thống kê
- [20] Báo cáo tóm tắt của Sở Du lịch – Thương mại (2009), *Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2010 và định hướng đến năm 2015*.
- [21] Báo cáo tổng hợp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức tại Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2008 (Nguồn: <http://www.chinhphu.vn>)
- [22] Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa (2010), *Niên giám thống kê Khánh Hòa 2009*
- [23] Quốc hội, Luật đầu tư 59/2005/QH11
- [24] Quốc Hội (2005), Luật du lịch, luật số 44/2005/QH11
- [25] Sở Du lịch – Thương mại Khánh Hòa (2009), *Báo cáo thực hiện chương trình phát triển của ngành (2005 – 2009)*
- [26] Thời báo Kinh Tế Sài Gòn (07/2009): *Gọi vốn nước ngoài cho 7 dự án du lịch biển*

- [27] Thời báo Kinh tế Việt Nam (2006), Cần thu hút nhà đầu tư xuyên quốc gia
- [28] Xây dựng Khánh Hòa thành một trung tâm du lịch biển – (Nguồn:
http://tintuc.congdulich.com/landscapedt/XGMAbwNhAjs_3D)

Các trang web và báo điện tử

- [29] Bách khoa toàn thư mở Wikipedia (<http://vi.wikipedia.org/wiki>)
- [30] Nghiên cứu biện pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Việt Nam (Nguồn: <http://dut.edu.vn>) Ngày 12/07/2003
- [31] <http://www.baokhanhhoa.com.vn> Tháng 06/2010
- [32] <http://www.khanhhoa.vietnamtourism.com> Ngày 18/10/2010
- [33] <http://www.sbv.gov.vn> (ngày 27/03/2009)
- [34] <http://www.vietnamtourism.gov.vn> Ngày 21/10/2009
- [35] <http://www.vninvest.com> (Ngày 22/06/2009)
- [36] <http://vasc.com.vn/kinhte/chinhsach/2006/02/542748/> (ngày 27/02/2006)

Nước ngoài

- [37] Gillis (1992)
<http://translate.google.com.vn/translate?hl=vi&sl=en&u=http://www.economyprofessor.com/theorists/royharrod.php>
- [38] Moise Syrquin: Một số lý thuyết về phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế - Lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu (2009)
http://vn.360plus.yahoo.com/vandot_ktct07/article?mid=83&fid=-1
- [39] Ragnar Nurkse (2007), University of Auckland and the Australian National University
- [40] Roy Hadod – Evsey Domar (1940)
- [41] Torado (1992) Economics for a Third World, the Fourth edition, Publishers Longman 1994